

Truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng

Bài học tuổi thơ

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, nó kể... Đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

- Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con số không cô cho bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lẻ, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

- Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhứt ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con số không bự như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhứt cũng hơn được một đứa.

Số là cách đây vài năm, có một nhà xuất bản gửi đến các nhà văn nhà thơ quen biết trong cả nước một câu hỏi, tôi còn nhớ đại ý, nhà văn nhà thơ thời thơ ấu học văn như thế nào, nhà xuất bản in thành sách "Nhà văn học văn". Đọc qua, nghe các nhà văn nhà thơ kể, tất nhiên là mỗi người có mỗi cuộc đời, mỗi người mỗi giọng văn, nhìn chung thì người nào, lúc còn đi học, cũng có khiếu văn, giỏi văn. Nếu không thì lấy gì làm cơ sở để sau này trở thành nhà văn? Rất lô-gích và rất là tự nhiên vậy. Duy chỉ có bài của tôi hơi khác, có gì như ngược lại. Tôi kể, hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 - 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn văn không đến nổi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi

(1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn văn.

Khi con tôi đọc bài văn đó, con tôi hỏi:

- Sao bây giờ ba là nhà văn? Và bạn bè cũng hỏi như vậy. Tôi cũng đã tự lý giải về mình, và lời giải cũng đã in vào sách rồi, xin không nhắc lại.

Tôi hỏi con tôi:

- Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm.

- Luận văn cô cho "Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố".

- Con được mấy điểm?

- Con được sáu điểm.

- Con tả ba như thế nào?

- Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.

- Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liến thoắng:

- A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.

- Đêm ba nó làm gì?

- Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.

- Nó tả ba nó đi nhậu à?

- Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm, ba hiểu chưa?

- Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?

- Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.

- Sao vậy?

Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: "Sao trò không làm bài". Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: "Hả?". Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.

- Nó là học trò loại " cá biệt" à?

- Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.

- Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?

Nó cứ làm thinh. Tức quá, cô mới quát cây thước xuống bàn cái chát: "Sao trò không làm bài?" Tới lúc đó nó mới nói: "Thưa cô, con không có ba".

Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã quỵ xuống trước đứa học trò không có ba.

Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con...

Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.

Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.

Mùa thu, 1990

Nguyễn Quang Sáng

Cái gạo mù u

Bây giờ thì tấp nập lắm, không như ngày tôi mới dọn về. Ba năm trước đây là một con đường nhỏ, nhiều chùa, nhiều quán chay: cơm chay, hủ tiếu chay, bánh bao chay. Vào ngày mùng một, ngày rằm, xe cộ nườm nượp qua lại quán chay. Dù ở mặt tiền, đêm vẫn ngủ ngon giấc, chiều và gần sáng nghe tiếng chim ríu rít trên vòm lá. Suốt một đoạn đường dài không có một quán bia hơi. Vốn là người sống nơi nhộn nhịp giữa trung tâm thành phố, tôi thấy hơi buồn, buồn hơn là xa bạn bè. Nhưng ở đây tôi tìm lại được một niềm vui nhỏ, ở đây có cái chợ gọi là chợ Cây Xoài. Vùng quê tôi cũng có cái gọi là chợ Cái Xoài, cũng có người gọi là chợ Cả Xoài. "Cái" hay "Cả", chẳng biết tên nào đúng, nhưng "Xoài" thì rất đúng vì chợ nhóm bên gốc xoài, dưới bóng xoài trong một vườn xoài mênh mông. Tôi nghĩ, ở thành phố làm gì có cả một vườn xoài, nhưng chí ít cũng có một hàng xoài. Nhưng cái chợ Cây Xoài này không có một cây xoài nào cả. Hỏi một người già lâu năm ở đây, cụ bảo: "Tôi về đây hơn bốn mươi năm, biết mình về chợ Cây Xoài, nhưng không thấy cây xoài. Chắc có từ xa xưa." Đành biết vậy! Ấy cũng là chuyện thường tình. Thời buổi bây giờ, Sài Gòn có chợ Cây Quéo, không có cây quéo. Có chợ Cây Khế, cũng không có cây khế. Trên đường về Long An, nghe quán cháo lòng nổi tiếng - cháo lòng Cây Bàng. Tôi ghé ăn, không

thấy cây bàng. Xưa nó có, nó bị đốn, chặt mất rồi, vì nó đẹp nên vẫn còn lưu luyến. Chợ Cây Xoài không nằm dưới bóng cây xoài mà nằm trong một con phố nhỏ. Hàng quán tràn ra hai bên đường, đủ thứ hàng ăn, hàng uống, rau cải thịt cá. Thật sầm uất, vào chợ, để tránh va chạm, thường phải đi nghiêng. Vào đầu chợ là hàng ăn sáng. Như một cái chợ của một làng quê miền Tây được bốc lên từ mờ sáng. Một dãy hàng xôi: xôi trắng, xôi đậu phộng, xôi cốm, xôi gấc, xôi vò, xôi bánh phồng. Bên này lề đường thì chè: chè đậu nước cốt dừa, chè trôi nước, bánh ít, bánh ú, lại có một bếp nhỏ đồ bánh khọt. Vừa túi tiền với người bình dân, hàng nào cũng đắt, mỗi thứ hàng người ta mua từ hai trăm, ba trăm, nhiều lắm là một ngàn, đủ bữa ăn sáng. Trong cái cảnh chen chúc ấy, nổi bật lên trước mắt tôi là nồi cháo đậu đỏ chiếm một diện tích bên lề đường chỉ trên dưới một mét vuông là nhiều. Một bên là nồi cháo đang bốc khói, một bên là cái rổ để tô chén, trước là cái mẹt để hũ muối mè, tô dưa mắm, hũ nước cốt dừa đặc quánh, một tô cá con kho tiêu, ngồi giữa là cô bán hàng. Cô bán hàng là người lam lũ khó đoán tuổi, tóc bới, áo bà ba, chắc chừng hơn ba mươi, người nhỏ mà tròn mặt như hột mít.

Cái món cháo mà hồi còn đi học trường làng, tôi hay ăn trước khi tiếng trống nổi thùng thùng.

Ở cái tuổi tôi bây giờ, tìm món ăn sáng rất khó. Phở hay hủ tiếu từ năm ngàn, bảy ngàn một tô, không thể nào ăn hết, lần nào ăn cũng bỏ mứa, vừa phí vừa coi kỳ. Xôi hay bánh mì thì nuốt không trôi. Có hàng bánh cuốn dễ ăn, nhưng bột bánh không ngon, nước mắm thì ngọt lại đắt giá, không như bánh cuốn Hà Nội, không đúng khẩu vị. Cứ chọn đi chọn lại, lần khần rồi chỉ uống ly cà phê, nhìn đến cơm trưa. Tôi thấy mình già. Bỗng một hôm, anh bạn nhỏ tuổi cũng than với tôi là dạo này anh rất lười ăn sáng. Sáng sớm, nổ xe đi làm, anh chạy chậm chậm dài theo đường, chọn quán ăn,

không thấy quán nào vừa ý, thấy cái quán bên kia đường có thể vừa miệng, nhưng ngại đâm qua đường. Rồi đến cơ quan, lại lười, uống một ấm trà, nhịn đến trưa. Như vậy không phải một mình mình khó ăn, tôi tự an ủi.

Thấy nồi cháo đậu, tôi mừng, bèn sà xuống cái ghế đầu bằng nhựa xanh, kêu một chén năm trăm, ăn với muối mè, thật vừa miệng, dễ nuốt. Nhưng ngồi ăn tại chợ thật bất tiện, khi thì xe đạp, khi Hon-da, khi chân người cứ quẹt qua lưng khiến tôi cứ chồm lên phía trước. Được cái ở đây có bán mang về, người mua không cần phải mang tô chén, cháo được rót vào bịch nilông trắng, sợi dây thun buộc túm lại với bàn tay khéo léo của cô bán hàng.

Sáng nào tôi cũng mua một bịch năm trăm đồng. Vậy là tôi đã có món ăn sáng, ngày này qua ngày khác, không biết ngán. Một buổi sáng, tôi ra mua cháo, chợt nghe cô nói chuyện với mấy cô ngồi ăn cháo, trẻ có, sồn sồn có, không ngờ cô chửi thề nghe ngọt sớt:

- ... Đ.má nó, lúc chưa cưới, mình muốn đi đâu thì nó vội vàng đem xe đến, đèo mình đi. Đi càng lâu, càng xa nó thích. Khi làm đám cưới rồi, hể mình hở miệng muốn đi đâu thì nó biểu mình đi xích lô, đi xe ôm, Đ.má nó, đời là vậy!

Rồi cô ngửa mặt cười, người xung quanh cười theo. Cô chấp nhận cái nợ đời ấy thật hồn nhiên, không hờn, không giận, không tủi như chấp nhận cái thân phận của mình là cô bán cháo đậu. Mờ sáng tôi đã thấy cô từ một cái hẻm nhỏ bên kia đường, trên vai chiếc đòn gánh cong quăn, đầu trước là một rổ tô chén, đầu sau là nồi cháo. Vừa bé lại vừa thấp, hai cái đầu gánh cứ nhún nhẩy theo bước chân là dưới mặt đường. Chẳng biết nồi cháo lời được bao nhiêu mà nhọc nhằn quá. Tôi hỏi, cô không nói rõ số tiền mà nói đáp đổi qua ngày. Vào những ngày sắp tết, tôi thấy cô ngồi trong hàng cháo, đưa tay chỉ qua cô bán trái cây:

- Nè, để cho tao bốn thứ, cho tao cúng nghe chưa. Biết không? Măng cầu,

dừa, đu đủ với xoài.

- Sao lại cúng bốn thứ đó?

- Bác không biết sao? Mãng cầu là "Cầu", dừa "Vừa", đu đủ là "Đủ", xoài là "Xài". Cầu vừa đủ xài.

Nghèo và nhọc nhằn đến như vậy mà cũng cảm thấy không yên, phải cúng, phải vái sao cho vừa đủ xài. Tội quá!

Một buổi sáng, tôi đang ngồi ăn cháo thì một anh bạn đến bên tôi. Anh bạn tôi chưa đến bảy mươi nhưng đã vượt qua tuổi sáu mươi lăm, thiếu tướng về hưu, đang viết văn.

- Cậu ăn cái gì mà đỏ đỏ vậy?

- Cháo đậu đỏ.

- Có gì lạ đâu mà hai con mắt anh sáng lên.

- Nhà cậu nấu à?

- Không! Ở chợ Cây Xoài.

Bất ngờ, giọng anh sôi nổi hẳn lên:

- Mà làm tao nhớ hồi nhỏ quá. Có lúc tao thêm một tô cháo đậu đỏ nước dừa ăn với dưa mắm, nhưng chỗ tao ở không ai bán.

- Ông thiếu tướng với tôi là bạn cùng làng, anh học trên tôi một lớp.

- Mà có nhớ đi bán cháo đậu cho tụi mình không?

- Nhớ!

- Mà có nhớ cái thằng Còn, con ông chủ tiệm cầm đồ không?

- Nhớ ! Nó cũng là thiếu tướng, nhưng là thiếu tướng của Thiệu.

- Mà còn nhớ thằng Đánh, con ông thợ mộc không?

- Nhớ ! Nó là thiếu tướng Công an của mình, nó cũng vừa về hưu. Mấy thằng đó cũng như mày với tao, bên này hay bên kia, lớn hay nhỏ đều ăn cháo đậu với nước cốt dừa. Tao với đi bán cháo có duyên lắm. Đừng có nghĩ bậy bạ. Năm đó, tao với mày mới chín, mười tuổi, bả bằng má mình thì

duyên cái gì? Duyên như vậy. Một hôm bà đón đường tao, bà bảo, nè cháu, cháu với dì có duyên lắm, cháu biết duyên gì không? Dạ thưa không! Hôm nào mà cháu mở hàng cho dì thì chớp một cái phải vét nôi. Bây giờ cháu cầm cho dì năm xu, sáng mai mở hàng cho dì, rồi mai dì lại đưa cho cháu năm xu, ngày nào cũng vậy. Cháu không muốn cầm tiền! Mai cháu mở hàng, dì đừng lấy tiền cũng được vậy! Ấy, ầy! Không phải như vậy. Hai chuyện khác nhau. Nếu cháu mở hàng mà dì không lấy tiền, coi như bán chịu, rồi cả nôi dì bán chịu hết. Cái duyên của tao với bà bán cháo là như vậy. Ăn cháo không mất tiền, tiền bà già cho, tao để dành, chiều ra tiệm chú Xôi ăn cháo quẩy.

Từ chuyện cháo đậu, ông bạn thiếu tướng của tôi lại leo thêm chuyện khác.

- Hồi nhỏ tao qua chợ Cả Xoài, tao mua một gói xôi, tao thấy trong gói xôi của tao có cái nhân rất lạ, nho nhỏ màu hột gà. Tao bóc ăn thử, té ra là bông xoài. Bông xoài rụng xuống nắm xôi! Số là, buổi sáng hôm đó là buổi chợ nhằm mùa bông xoài. Tao thấy vui, ngơ ngác nhìn, thấy bông xoài rụng lên tóc mấy con nhỏ không đội khăn. Chỉ có như vậy mà suốt bao nhiêu năm đánh nhau, thỉnh thoảng lại nhớ bông xoài trên mái tóc của mấy con nhỏ... Câu chuyện của ông bạn thiếu tướng không dừng ở lại đó, còn nữa, ghi thêm e lạc đề. Trước khi ra về, anh bắt tay tôi rất chặt và lắc mạnh bàn tay con nhà lính:

- Sẽ có một ngày nào đó, tao qua đây thật sớm, hai đứa kéo nhau ra chợ ngồi ăn cháo đậu. Ăn để nhớ thời con nít. Mà, nè, cô bán cháo đậu của mấy mức nước cốt dừa bằng cái gì?

- Bằng cái vá i-nốc - Anh bạn như nhảy lên:

- Sao bằng vá i-nốc, phải bằng cái gáo mù u mới đúng - Biết anh có điều giống tôi, tôi chọc anh.

- Muôi hay gáo cũng vậy, miễn có nước cốt dừa cho anh thôi chứ.

- Biết vậy, nhưng không đúng kiểu.

- Thấy anh vẫn cay cú với gáo mù u, tôi kể:

Một hôm tôi chợt hỏi cô bán cháo:

- Sao cháu không múc nước cốt dừa bằng chiếc gáo mù u?

- Cô bán cháo ngược nhìn tôi cười:

- Mấy ông già bà già nào cũng hỏi như ba. Hỏi thiệt ba, ba là dân tập kết về?

- Sao cháu biết?

- Biết chứ. Người ở ngoài về, cái gì cũng chiếc, chiếc. Trong ta gọi cái áo, ở ngoài kêu chiếc áo, cái gáo thì kêu chiếc gáo. Ba thích, mai con đem ra, con múc nước cốt dừa bằng cái gáo mù u cho ba...

Y hện, sáng hôm sau, cô múc nước cốt dừa rưới vào chén cháo của tôi bằng cái gáo mù u, cái gáo mù u nhỏ tròn bằng đầu ngón chân cái, rất xinh, tôi có cảm giác chén cháo ngon hơn.

Anh bạn nhà văn thiếu tướng khoái, cười mà ngậm cả hai môi:

- Như vậy mới đúng ! Rồi anh gạt gù ra vẻ tâm đắc - Những cái đẹp nho nhỏ mà không biết giữ thì cái lớn sẽ mất!

Từ cái gáo mù u, chúng tôi lại nhớ cây mù u.

Làng tôi không có cả một vườn mù u, mà thường mọc rời rạc bên bờ sông, bờ rạch hoặc một đôi cây ăn trái. Cây mù u không đẹp, thân nhiều u, lá dài với một màu xanh đậm. Hoa vừa trắng vừa to, bốn lá dài trắng với bốn cánh hao trắng và nhiều tiểu nhụy vàng trên một tấm bì - toàn là loài hoa đẹp với tuổi thơ của tôi. Cái trái của nó, trái mù u, vỏ làm gáo, ruột đem đốt tán nhuyễn trộn dầu dừa xúc ghê. Nhớ thời Nhật qua, không có dầu lửa, cây mù u bỗng trở nên quý - Không có dầu thắp đèn, trái mù u được xắt lát phơi khô, rồi xỏ xâu, đốt làm đèn - Và nhà tôi, cây cột là cây mù u, và chiếc ghe buôn hàng xóm, cột buồm cũng là cột mù u - Cái giá trị kinh tế của nó khiêm tốn, nên nó mọc ở những thềm đất thừa. Tôi bỗng nghĩ đến cô bán cháo. Cô và

nồi cháo của cô cũng chỉ chiếm một khoảnh đất nhỏ ở rìa chợ.

Anh bạn thiếu tướng của tôi hẹn đến ăn cháo đậu, nhưng không thấy tới.

Tôi trở lại cái tính lười ăn sáng. Cùng với sự biến mất của cô bán cháo, tôi phát hiện ra con phố thay đổi quá nhiều. Người ta đập, người ta xây, khách sạn mi-ni hết cái này đến cái khác mọc lên, cửa hàng, cửa tiệm, tấm quảng cáo nào cũng lộng lẫy, đêm - những bóng đèn li ti mọc lên từ bên này đường qua tận bên kia đường, chớp nháy như đom đóm trên cây bần. Con đường không quá hai cây số mà mọc lên có đến sáu cái nhà hàng máy lạnh.

Khi tôi thấy họ mở cửa hàng, tôi nghĩ, chắc là mấy lão điên, dân xứ này ai đủ tiền vô nhà hàng, lại là nhà hàng máy lạnh! Hóa ra họ chẳng điên chút nào. Họ rất thính. Khách chơi từ nơi xa cứ đổ về, như nước chảy về lỗ trũng. Khách chơi đi Hon-da đời mới, đi ô tô biển trắng, cả biển xanh. Tôi nghĩ lẫn thẩn, các nhà hàng đó có cạnh tranh gì với cháo đậu mà cô bỏ nghề.

Cô bán cháo biến đâu đến mức tôi không còn nhớ nữa. Khi tôi quên thì cô lại xuất hiện, cũng ngay chỗ cũ với một nồi cháo. Rất ngạc nhiên là cô nhỏ lại như còn có phân nửa, như một cô gái mười ba mười bốn.

Tôi mừng, và thấy tôi cô cũng mừng.

- Đi đâu mà lâu vậy cháu?

- Bác ngồi xuống đây, con nói cho bác nghe. Con bị đụng xe.

- Vậy sao?

- Nói cho rõ là xe đụng con. Sáng sớm, con gánh cháo. Con nghe sau lưng ừ ừ chạy tới. Nghe cái cẳng, con té, đau điếng. Con không bị chảy máu, nhưng nồi cháo của con tung tóe ra đường, đổ lờm như máu, thấy chóng mặt.

- Cái thằng đụng cháu nó có đền gì cho cháu không?

- Dạ không, nó rú ga chạy mất, con không kịp nhìn số xe của nó nữa. Vô bệnh viện, không ngờ bị gãy xương. Từ đó đến nay là tám tháng, bao nhiêu là thuốc men.

- Hèn chi thấy cháu ốm.

Cô bán cháo cười:

- Mạnh rồi, nhưng hai chân còn yếu, không gánh nổi, bận đi con đi xe xích lô, bận về, nhẹ, con gánh.

- Một chuyến xích lô mất bao nhiêu?

- Dạ, năm ngàn.

Bịch cháo năm trăm lần này tôi thấy ít hơn một vài muống. Tôi không thắc mắc, coi như tôi và người ăn cháo như tôi, mỗi người góp một vài muống cháo tiền thuốc thang cho cô. Tôi mang bịch cháo về, lâu ngày mới được ăn, đang ngon miệng, bỗng bị nghẹn - Ăn cháo mà bị nghẹn - Tôi phát giận vì chợt nghĩ cái tay chạy ẩu, cô bán cháo nằm sõng xoài, nồi cháo đổ lênh láng trên mặt đường như máu.

Tôi mong anh chàng ẩu nào đó, hãy có một phút giây ân hận.

9/1996

Nguyễn Quang Sáng

Chị Nhung

Chờ khi trời sẩm tối, xuống của chúng tôi mới tách bến và rặng lá hai bên bờ sông vàm Cỏ Đông như cũng chờ đến lúc trời tắt nắng mới rì rào chuyển động, khiến cho ta có cảm tưởng như gió chiều không phải từ xa thổi tới mà dậy lên từ trong những ngọn lá lao xao.

Tiếng bom pháo, tiếng gầm rú của máy bay, tiếng cánh quạt rầm rộ và nặng nề của các loại trực thăng trong suốt một ngày nắng gắt như phải tắt lặng đi, khi trên nền trời vừa bật lên những vì sao đầu tiên. Chỉ còn có những tiếng pháo nổ cầm canh vắng lại từ những nơi xa.

Nhân lúc yên tĩnh và rồi rãi, anh Tám Sơn, chánh trị viên tiểu đoàn, rủ tôi đi thăm một chị trong đơn vị biệt động quân của Sài Gòn, Chợ Lớn- chị Nhung. Trong trận đánh vừa qua, chị được trên phái xuống để đưa đơn vị anh đến vị trí chiến đấu; chị vốn là người quen cũ của anh. Còn tôi, tôi chưa quen cũng như chưa biết chị. Nhưng tôi cũng muốn gặp chị và nghe nói chị có dự trận đêm tết, tôi được nghe loáng thoáng một vài chuyện của trận đánh ấy. Người ta kể cho nhau nghe chuyện của một anh hùng B.40. Súng B.40, theo tôi được biết, với sức khỏe bình thường của con người, và theo sách vở đã dạy, mỗi chiến sĩ chỉ có thể bắn đến viên đạn thứ sáu là nhiều nhất.

Nhưng với lòng dũng cảm của quân đội ta, có nhiều chiến sĩ đã bắn vượt mức quy định. Như trong trận đánh đoàn tàu giặc trên sông của tỉnh Long Châu Sa, có một chiến sĩ đã bắn đến viên đạn thứ chín diệt chín ổ đề kháng của địch. Tôi chưa được nghe ai bắn đến viên đạn thứ mười. Nhưng trong trận đánh vào Bộ tổng tham mưu của Mỹ- Ngụy, lúc đánh trả lại các đợt phản kích của xe tăng địch, có một chiến sĩ bắn B.40 thọc họng súng qua các cửa sổ bắn đến viên đạn thứ mười sáu. Thấy hai bên tai anh rỉ máu, một chị chạy đến không cho anh bắn nữa. Chị giật súng trên tay anh và bắn tiếp. Nghe nói chị ấy cũng tên Nhung. Tôi muốn gặp chị để hỏi lại những chuyện ấy cho rõ hơn và do tính tò mò, tôi muốn gặp tận mắt một cô gái người Sài Gòn.

Đêm tuy yên tĩnh, tôi vẫn dè dặt không dám cho xuống bung ra giữa dòng, tôi chèo cặp theo rặng lá. Dòng sông cuồn cuộn và chảy xiết nữa, nước theo bóng đêm và ngọn gió đã lên đầy. Dòng sông trở nên mênh mang lấp lánh ánh sao, gợn lên từng đợt sóng nhẹ ập oạt vỗ vào bờ.

Anh Tám Sơn ngồi trước mũi xuồng đối mặt với tôi, anh khoảng hơn bốn mươi tuổi, mặt xương, người gầy nhỏ trong bộ quân phục màu cỏ úa.

Đêm sáng mà tôi không nhìn rõ mặt anh, qua cái dáng lặng lẽ của anh, tôi đoán chắc anh cũng như tôi đang muốn ngồi yên lặng nghe tiếng gió, tiếng sóng và đeo đuổi những ý nghĩ riêng. Tôi không hỏi gì cũng không gợi chuyện. Nhưng sau đó một lúc, anh lại kể cho tôi nghe câu chuyện của chị Nhung.

*

* *

Tôi quen cô Nhung từ năm một ngàn chín trăm sáu mươi. Cái ngày đầu tôi quen cũng là ngày tôi chia tay với cô, đã tám năm. Suốt trong tám năm không phải lúc nào tôi cũng nhớ, nhưng cũng có thể nói chẳng lúc nào tôi

quen cô ấy. Trong những chuyến công tác, hề gặp ai quen tôi cũng hỏi thăm cô. Tôi thường mong ngày gặp lại, nhưng khi tôi gặp lại cô thì tôi không nhận ra cô nữa. Đó là một buổi chiều tháng năm giữa trận đánh trên đường Trần Quốc Toản, cánh quân của chúng tôi thọc mạnh vào Sài Gòn, trụ lại quãng đường ấy từ mờ sáng. Bọn giặc dùng "chiến thuật ruồi bu" có phi pháo, có trực thăng, có cơ giới yểm hộ, chúng tấn công ta bằng nhiều mũi, chẳng khác gì những mũi tên lao vào một điểm. Mãi đến xế chiều chúng tôi mới đánh bật tất cả các đợt phản kích của địch. Tiếng súng nhỏ chỉ nổ thưa thớt trên các góc phố và trên những tầng nhà cao. Nhân lúc ngưng tiếng súng, chúng tôi phân công cho một đơn vị chia nhau giúp dân ra khỏi tầm súng. Chúng tôi đoán biết sau lúc im lặng, trận đánh sẽ xảy ra ác liệt hơn. Người trong khu phố lần lượt đổ ra đường, người đi xe hơi, người đi xe Honda, xe Suzuki, người đi bộ.

Đứng trong một góc phố, nhìn những đoàn người đang nối nhau, dất dίου nhau đi trong làn khói của những nơi nhà bị pháo giặc bắn cháy, tôi thấy có một cô gái cỡi xe Honda màu đỏ chạy ngược lại dòng người, lao thẳng vào trận địa. Chiếc xe bị đội tự vệ đường phố đưa tay chặn lại. Mãi lúc sau, không lâu lắm, tôi nhớ khoảng chừng năm hay ba phút gì đó, anh đội trưởng tự vệ báo cho tôi biết có người lạ muốn gặp ban chỉ huy. Lúc đó tôi đã trở vào nhà, xem lại bản đồ của đường phố. Trong chỉ huy sở có một mình tôi với ba đồng chí trinh sát trẻ. Chỉ huy trưởng và chỉ huy phó đang ở trên đài quan sát, tôi mời vào. Người muốn gặp ban chỉ huy là cô gái cỡi xe Honda lúc nầy. Cô khoảng hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, ăn mặc theo thời trang của người Sài Gòn, quần ống hẹp, áo bà ba màu hột gà bó sát lấy thân, người thon thả với dáng nhanh nhẹn, tôi không nhìn rõ được mặt cô. Tóc uốn cao, nhưng mái tóc lại rủ xuống che mất cả vầng trán và cô lại mang kính mắt đen. Tôi đoán là cô cố ý diện như vậy để người khác không nhận ra mình.

Cô khẽ cúi đầu chào tôi với vẻ lịch sự và kính cẩn, rồi đặt chiếc giỏ mây bên bàn cạnh chiếc bản đồ quân sự, lấy ra chiếc bánh mì, bẻ làm đôi, đưa cho tôi một tờ giấy nhỏ. Đó là thư của ban chỉ huy trung đoàn lệnh cho các cánh quân của chúng tôi phải chuyển đến vị trí X, vào giờ G để hợp đồng chiến đấu với đơn vị bạn và cô là người dẫn đường.

- Cô thứ mấy ? - Tôi hỏi.

- Dạ thưa út!

Sau khi xem xong thư, ngược nhìn cô giao liên, tôi thấy cô đã gỡ kính mắt đen và không hiểu sao cô lại nhìn tôi với cặp mắt mở to, vẻ kinh ngạc và như có gì xúc động đến xao xuyến. Sao cô lại nhìn mình quá đổi lạ lùng như vậy? Tôi thầm hỏi.

Có lẽ đây là lần đầu tiên cô gặp một người chỉ huy giải phóng quân. Tôi thầm nghĩ như vậy, chẳng hiểu sao tôi muốn tránh cái nhìn lại tôi, xem cách ăn mặc của mình có đúng với tư thế của người chỉ huy quân giải phóng hay không. Tôi cảm thấy ngượng mà tự hào với bộ quân phục đầy bụi. Tuy thế, tôi vẫn đưa tay phủi nhẹ. Tôi muốn hỏi cô nhiều điều, nhưng lúc đó một đàn trực thăng đang kéo tới. Tôi chỉ còn thì giờ ra lệnh cho tổ trinh sát phải bảo vệ cô. Có lẽ vì giọng ra lệnh của tôi quá nghiêm trang, một đồng chí trinh sát trẻ liền bước vào đưa cô xuống hầm trú ẩn. Cô cầm chiếc giỏ mây đi theo anh trinh sát mà vẫn quay mặt lại nhìn tôi, tôi không còn thì giờ để xét đoán những cử chỉ lạ lùng của cô nữa. Tôi vụt chạy thẳng lên đài quan sát. Đài quan sát của chúng tôi là tầng thứ tám của một cao ốc. Nhìn qua những ô vuông cửa sổ của tòa nhà ấy, chúng tôi có thể nhìn thấy những mái nhà chen khít nhau của khu phố, có thể phát hiện được những ụ súng của địch và những đoạn đường xa.

Tôi báo cáo lại ban chỉ huy mệnh lệnh của cấp trên và bàn kế hoạch chiến đấu, kế hoạch tiến quân.

Một bầy trực thăng chín chiếc xếp thành ba tầng quần đảo qua khu phố. Tôi thấy rõ những tên lính Mỹ ngồi trong trực thăng, tay cầm súng, nhìn xuống khu phố qua cửa mở, đầu của nó như cái gáo dừa. Chúng bắn hỏa tiễn xuống từng mái ngói, chẳng mấy chốc mà chúng đã tạo thành một vòng lửa lớn vây lấy chúng tôi. Những mũi quân ở xa mỗi lúc mỗi thu gần lại, gần như gom dần về một điểm. Muốn bảo toàn được lực lượng, đó là điều phải tránh. Hỏa lực phòng không của ta đã bắn rơi hai chiếc, chúng bay rớt đi một lúc, rồi một bầy khác lại kéo tới. Vòng vây của ngọn lửa mỗi lúc một cao ngọn và thu nhỏ lại. Có lúc tôi có cảm tưởng như mình đang đứng giữa ngọn lửa. Không khí như cũng bị cháy. Gió thổi hơi lửa tấp vào người nóng hằm hập. Không thể nhìn thấy được gì rõ ràng nữa. Những mái ngói đỏ, những bờ tường màu sữa, những vuông cửa xanh, những con đường và cả khu phố đã bị vùi sâu trong đám khói. Một vài chiến thương đang bị ngộp vì khói. Phải phá vây! Chúng tôi quyết định, nhưng không thể điều quân vượt qua vòng lửa đang bốc cháy. Phải điều quân tiến thẳng trên con đường lớn, đánh vỡ mặt vào quân địch, rồi từ đó, sẽ chuyển quân vào vị trí đã định. Có thể nói đó là cánh cửa mở của vòng lửa. Thế nhưng thằng Mỹ đã đóng cánh cửa ấy bằng một chiếc xe M.41, chiếc xe đang cấm ngay ngã ba, bắn dọc theo đường. Chúng tôi tập trung hỏa lực cho các đội đánh tăng. Vì vòng lửa đang xiết chặt, muốn đánh chiếc xe tăng ấy, chẳng còn con đường nào khác hơn là tiến men theo con đường lớn. Mấy tổ đánh tăng- mỗi tổ ba người- đều không vượt lên được. Chiếc xe ấy ở quá xa tầm súng. Chúng tôi không hề nghi ngờ gì lòng dũng cảm của các chiến sĩ. Quả là chúng ta không thể nào tiến gần nó được. Nếu chiến đấu tại một vị trí có thể chiếm được, sau khi diệt được nó mà phải hy sinh, tôi tin chắc trong đơn vị của tôi sẽ có hàng trăm chiến sĩ sẵn sàng ra đi. Cái khó khăn không thể vượt được là các chiến sĩ ta đã phải hy sinh ở những vị trí hãy còn xa nó quá. Nhưng cũng không thể vì thế mà

chịu bó tay. Bằng mọi cách phải diệt cho được chiếc xe tăng ấy. Ban chỉ huy chúng tôi hạ quyết tâm. Trong khi chúng tôi đang họp bàn kế hoạch, cô giao liên ấy đứng cạnh bên chúng tôi lúc nào không biết.

- Em sẽ đưa các anh đến chỗ đó, không cần phải men theo đường lớn.

Cả ban chỉ huy chúng tôi như giật mình nhìn lại cô. Căn nhà đầy khói, tôi không nhìn rõ mặt cô. Qua làn khói lảng vảng tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt mở tròn của cô.

- Đồng chí đi bằng đường nào? - Tôi hỏi.

- Tôi... - Cô lấp bắp rồi xưng cháu -... Cháu sẽ đưa các anh luôn theo các ngõ trong khu phố.

- Chúng tôi sẽ đi! - Một chiến sĩ đã đánh tăng nhiều lần liền chạy tới nói với tôi và nhìn cô gái giao liên với đôi mắt dò hỏi:

- Chắc chớ đồng chí?

- Chắc ! Tôi biết đường - Cô giao liên đáp.

- Vậy thì ta đi thôi! - Anh chiến sĩ đánh tăng giục chúng tôi hạ mệnh lệnh.

Chúng tôi tổ chức ngay một tổ ba người, cô giao liên hỏi xin một trái pháo dù, cô để vào giỏ mây.

Ba chiến sĩ đánh tăng ôm súng, đeo đạn, lao ra cửa. Còn cô giao liên có vẻ như trù trù. Cô cầm chiếc giỏ mây đựng trái pháo dù, đứng lặng một lúc rồi bất thần quay nhìn tôi:

- Chú Tám, chú không nhớ cháu sao? Cháu là Nhung!

- Sao? - Tôi kinh ngạc và buột miệng kêu lên như vậy. Tôi chưa kịp hỏi gì thì Nhung đã lao đi rồi. Trong khoảnh khắc đó, tôi đứng ngây người, nhìn theo cháu qua làn khói và nói thầm với mình: " Nhung à"?

*

* *

Anh Tám Sơn kể đến đây thì phải dừng lại vì một đoàn xuồng máy đuôi tôm

đang chạy ngược qua xuồng chúng tôi. Anh Tám Sơn dù có say chuyện, nếu anh có muốn kể tiếp, tôi cũng không thể nào nghe. Tiếng máy đuôi tôm nổ vang, chiếc này nối theo chiếc kia quẫy lên từng đợt sóng lớn. Đó là đoàn xuồng dân công chở lương thực và đạn dược cho các chiến trường. Những người chèo thuyền chở khẳm vừa la ó vừa bấm đèn pin làm hiệu cho những chiếc xuồng đuôi tôm nhỏ máy lại. Đoàn xuồng đuôi tôm vừa dứt, tiếng máy nổ mỗi lúc mỗi xa, tiếng la ó của người đi trên sông im đi, những đợt sóng đuổi sức lặng an dần, dòng sông vừa trở lại yên tĩnh, anh Tám Sơn vừa định kể tiếp câu chuyện thì tiếng hát của một chiếc xuồng nào đó lại vang tới:

ở tận sông Hồng em có biết

Quê hương anh cũng có dòng sông

Anh mãi gọi với lòng tha thiết

Vàm Cỏ Đông ơi Vàm Cỏ Đông (1)

Bài hát mang theo một âm điệu tha thiết của dân ca, đúng ra người ta phải đơn ca, nhưng người trên xuồng đi giữa dòng sông ngược qua chúng tôi lại đồng ca. Tôi không biết rõ trên chiếc xuồng ấy có mấy người, nhưng nghe qua những giọng trầm đục và khàn khàn tôi đoán là bốn, năm người đàn ông đang hát. Tôi bật cười vì bản đồng ca ồ ồ ấy, bài hát với những giọng trầm đục như đang là là trên mặt nước, bỗng có một giọng nữ cất cao lên: "Ơi Vàm Cỏ Đông, ơi hỡi dòng sông".

Bài hát bỗng như khác hẳn đi khiến tôi phải dừng chèo lắng nghe. Những giọng trầm đục của những người đàn ông đã trở thành cái bè trầm, làm nền cho giọng nữ cao đang bay chơi vơi trên dòng sông:

Nước xanh biêng biếc chẳng đổi thay dòng

Đuôi Pháp đi rồi, nay đuôi Mỹ xâm lăng

Giặc đi đời giặc, sông càng xanh trong

.....

Ở Vàm Cỏ Đông, ơi hỡi dòng sông...

Giọng nữ cao ngân dài như rung trong không gian. Đi xuống trên Vàm Cỏ Đông trong đêm sao, nghe tiếng hát "Vàm Cỏ Đông" của một cô gái, tôi bỗng thấy băng khuâng.

*

* *

Khi cháu đi rồi, tôi vẫn cứ ân hận sao mình lại có thể vô tình quá mức đến như vậy.

Anh Tám Sơn kể tiếp câu chuyện khi tiếng hát trên chiếc xuồng đã trôi xa. Anh tiếp : Nhưng lúc đó, tiếng súng của trận đánh không cho tôi được nghỉ ngơi nhiều. Tôi phải lao vào trận đánh. Thật là đáng trách !

Hồi đó, trong những ngày "điều lắng", tôi từ tỉnh nhà lên Sài Gòn vừa dạy học vừa hoạt động. Tôi ở trên một cái lầu tòi tàn của một người công chức nhỏ có bà con xa. Cạnh bên nhà là tiệm bán thuốc. Cái lầu tòi tàn và trống trải ấy chỉ có một mình tôi thôi.

Cả gia đình của chủ nhà đều ở tầng dưới. Trên lầu chỉ có một cái giường ngủ, một cái tủ nhỏ vừa đựng sách vừa để quần áo. Tài liệu mật tôi thường nhét dưới mái ngói. Hôm ấy, tôi được lệnh trên điều về chiến khu để nhận công tác mới. Ở nhà trường trở về, sau khi cơm trưa xong, tôi bắt đầu thu xếp đồ đạc. Tôi thò tay vào mái ngói thì tôi giật mình, xấp tài liệu của tôi đã biến mất rồi. Tôi cho tay vào những mái ngói khác cũng không tìm thấy. Lúc tôi mới bước vào cửa, người chủ cho tôi biết sáng nay có một lũ cảnh sát vây lấy khu phố, lục xét một số nhà, và bắt đi một người. Bọn cảnh sát không leo lên lầu nhà tôi, thế thì sao tài liệu lại biến mất ? Tôi toát mồ hôi, tôi tưởng bọn cảnh sát đang đứng chập chờn dưới đường, đang ủa vào nhà. Tôi chạy ra cửa sổ, nhìn xuống, không thấy gì đáng nghi ngờ, tôi lại cho tay vào mái ngói khác... Đầu ngón tay tôi rớm máu. Mất thật rồi, tôi nhớ chắc là tôi không

giấu chỗ nào khác hơn. Biết vậy, nhưng tôi vẫn cứ giữ chiếu, mở tủ, lôi tất cả quần áo, sách vở ra lục soát lại từng món. Tôi đang bối rối thì bỗng có tiếng cười tinh nghịch cất vang lên. Tôi ngược mắt nhìn quanh quất, tiếng cười lại tắt, tôi chẳng thấy ai. Tôi lại giữ chiếu, giữ từng chiếc áo, sờ bóp và thò tay vào từng cái túi. Tiếng cười lại cất lên như trêu chọc tôi, ngó quanh quẩn, nhìn lên những lỗ thông hơi trên tường, ở phía bên kia, gần bên lỗ thông hơi hiện ra một đôi mắt lung linh, đôi mắt đang nhìn xoáy vào tôi. Khi thấy cái nhìn của tôi, đôi mắt ấy bỗng biến đi nhanh như cắt. Rồi đôi mắt ấy lại hiện ra và nhấp nháy.

Tôi định hỏi thì một giọng nói từ bên ấy hỏi vọng qua :

- Chú tìm cái gì đó ?

Tôi nhận ra giọng nói trong trẻo của cô bé giúp việc nhà bên. Tôi chưa kịp trả lời, đôi mắt nhỏ ấy lại biến mất. Trong lúc đó, cháu luồn theo máng xối, leo sang phòng tôi. Một cô bé độ mười bốn mười lăm tuổi, tóc cắt ngang vai, gầy yếu trong bộ bà ba đen quá cỡ, mặt xanh xao, tay cầm gói tài liệu, vừa mỉm cười, vừa bước đến gần tôi. Nhìn thấy gói tài liệu trong tay cháu, tôi nhẹ cả người, chột hiệu, tôi vừa ngạc nhiên vừa cảm động.

- Sao cháu biết ?

Tôi hỏi và tò mò nhìn những cử chỉ nhỏ của cháu.

Cháu bé vẫn ranh mãnh mỉm cười và khe khẽ lắc đầu. Cháu dừng lại, ngược mắt nhìn tôi:

- Chú không giống người ta ở đây. Cháu để ý, cháu thấy cháu biết.

- Chú không giống người ta cái gì ? Tôi hỏi lại trong lúc hãy còn đang ngạc nhiên.

- Mấy đứa bạn của cháu nói, chú làm thầy giáo mà chú không đánh - Cô bé lại nhìn tôi và toét cái miệng sún cười với vẻ ngây thơ.

- Thôi, đưa lại cho chú ! - Tôi dụ giọng nói với cháu.

Cô bé như giật mình, rút tay, và lùi lại một bước mặt nghiêm lại:

- Cháu sẽ trả lại cho chú nhưng chú phải hứa với cháu một điều.

- Cháu muốn gì cũng được ! - Tôi nói cho qua chuyện. Về mặt xanh xao của cháu rạng rỡ hẳn lên:

- Thiệt nghen chú, chú phải hứa là chú sẽ giao cho cháu một công tác !

Tôi tưởng cháu bé muốn đòi tôi một món quà gì, thật không ngờ. Tôi đứng ngây ra, nhìn cô gái nhỏ với đôi mắt dò hỏi. Cháu cũng đứng lặng nhìn tôi, chờ đợi, có lẽ cháu thất vọng qua thái độ thờ ơ lạnh nhạt của tôi, những nét rạng rỡ trên vẻ mặt xanh xao của cháu lặn mất dần, đôi mắt lung linh của cháu bỗng đầy nước mắt, cháu cắn chặt răng cố ghìm tiếng khóc nhưng ngực lại phập phồng, cháu nói trong nước mắt nghẹn ngào:

- Ba cháu cũng như chú vậy, ba cháu đi tập kết rồi, còn má cháu thì...

Cháu bỗng quay lưng, đưa tay ôm mặt, đôi vai gầy nhỏ của cháu rung lên, cháu khóc nức nở. Tôi xúc động đến xôn xang. Bây giờ tôi thấy mình như một người cha đứng trước một đứa con. Tôi bước gần lại cháu, đưa tay vỗ nhẹ vai cháu:

- Cháu đừng khóc nữa, chú sẽ nói chuyện nhiều với cháu. Còn má cháu thì sao? Cháu vừa tức tức khóc vừa nói:

- Má cháu thì... Cháu không phải là người ở đây, cháu là người Tân Phú Đông tỉnh Long Châu Sa, má cháu là Hai Trâm, trong làng ai cũng biết, bây giờ cháu phải đi ở để nuôi má, em...

Phía bên kia nhà bỗng có tiếng kêu. Cháu giật mình, vội vàng lấy vạt áo lau nước mắt, để gói tài liệu lên giường tôi, vụt chạy đi.

Ngay buổi chiều hôm đó, tôi rời khỏi Sài Gòn. Trước khi đi, tôi gửi gắm cháu cho một đồng chí còn ở lại.

Trở về chiến khu, trong một cuộc họp đại biểu phong trào dân quân toàn miền, tôi tìm các đồng chí ở Long Châu Sa để hỏi thăm chị Hai Trâm, má

của cháu. Các đồng chí ấy cho tôi biết:

... Chị là cơ sở mật của xã. Bọn địch phát hiện được trong nhà chị có một hầm bí mật. Chúng bắt chị tra hỏi, chị không khai. Nửa đêm, chúng đưa chị ra bờ sông, lũ khát máu ấy, chúng dùng dao chém xả qua ót chị, rồi thả chị trôi theo sông. Chị nhờ cái mái tóc dày, lưỡi dao của kẻ thù không phạt qua cổ chị được. Chị nương theo lục bình, lộn trở về. Chị vẫn còn sống và vẫn đang hoạt động. Cũng từ đó, tôi không có dịp trở lại Sài Gòn. Tám năm qua, tám năm, cái tuổi trưởng thành của cháu đã xóa hết những gì quen thuộc của cháu trong trí nhớ của tôi. Cái nét quen thuộc, tôi có thể nhớ và từ đó mà lần ra hình ảnh ngày xưa của cháu là cái ánh lung linh trong đôi mắt.

Gặp lại và nhận ra cô bé lảng giềng ấy rồi, nhưng như anh biết, lúc đó tôi không thể gọi lại, cũng không thể hỏi han gì thêm. Tôi cố nén xúc động bất ngờ đó và quay lại công việc.

Ban chỉ huy chúng tôi quyết định mở thêm nhiều mũi quân. Cả ban chỉ huy tiểu đoàn, các ban chỉ huy đại đội đều phân tán trực tiếp chỉ huy từng mũi để yểm trợ và đề phòng khó khăn, chúng tôi cho thêm một mũi quân cùng đi với cô giao liên dẫn đường. Nhưng đi đâu và mở đường. Nhưng dẫn mũi quân của tôi luôn trong cái hẻm ngợp khói đến sặc sụa phải thối ngược lại tìm một chỗ khoảng thoáng để thở rồi mới đuổi theo. Đến những hẻm cụt, phải thay nhau kê lưng lên vượt qua tường. Có lúc phải bò trên mái ngói nhà này chui qua mái ngói nhà khác, rồi từ trên cao, ôm ống nước tụt dần xuống. Nhờ theo các con đường đặc khói, quanh co, lên xuống mà cả mũi quân của ta đều tránh được đạn của trực thăng.

Đến nơi, cái khu nhà và những góc phố mà Nhung định lấy làm vị trí chiến đấu lại bị sụp đổ. Rõ ràng là bọn giặc cố ý san bằng khu phố để tạo thành một bãi trống cho chiếc xe tăng. Đứng trong một ngôi nhà chúng tôi nhìn thấy chiếc xe tăng đang lù lù án giữa đường. Vẫn còn quá xa tầm súng, chưa

đánh được, nhưng không thể quay về nếu chưa diệt được nó. Các chiến sĩ đang phân tán và đang tìm cách chiến đấu. Còn tôi, mọi ý nghĩ của tôi đều tập trung vào một câu hỏi gay gắt: Có nên tổ chức một đợt xung phong để yểm trợ cho tổ đánh tăng không? Trong óc tôi nảy ra nhiều câu trả lời, và dự kiến nhiều tình huống khó khăn.

Trên trời, trực thăng vẫn lượn qua bãi trống ấy.

Tôi đứng trong căn nhà nhỏ mù mịt khói, hé cánh cửa màu gỗ nhìn chiếc xe. Chiếc xe vẫn nổ sừng, lúc dồn dập, lúc thưa thớt. Lúc ấy, Nhung đứng bên cạnh tôi, cũng ghé mắt nhìn qua khe hở của cánh cửa.

- Làm sao bây giờ chú - Với giọng lo âu, Nhung cứ lặp đi lặp lại câu hỏi ấy, nhưng tôi không đáp. Đầu óc tôi đang căng thẳng.

- Hồi nãy, lúc cháu đi ngang qua đây, khu nhà này vẫn còn nguyên, còn người đông. Nó ác quá ! - Nhung tắc lưỡi.

- Nếu như lúc nãy thì cháu sẽ đưa chú đứng sát bên nó rồi. Nó ác quá ! Làm sao bây giờ chú ? - Nhung cứ thì thầm hỏi tôi. Nhung bỗng nói như reo lên :

- Trời ! Nếu mình đứng được trên đó mình bắn xuống ! - Nhung chỉ cho tôi ngôi nhà ba tầng phía bên kia đường sát bên chiếc xe. Nhìn kỹ, tôi thấy trên những tầng nhà màu sữa đục ấy loáng thoáng có mấy tên lính. Sau một lúc quan sát, tôi khẳng định đó không phải là một cái đồn một cái bót cảnh sát, đó là ngôi nhà của thường dân mà chúng đang chiếm. Biết vậy, nhưng đâu có thể bỗng dưng mà đứng trên những nhà tầng đó được.

Nhung đưa tay khẽ đẩy cánh cửa, nhìn ra xa. Nhung bỗng kêu lên:

- Chú nhìn kia! Chú có thấy không ? - Nhung như phát hiện được điều gì, giọng mừng rỡ.

Tôi cúi nhìn theo hướng mắt của Nhung. Tôi thấy sau chiếc xe là con đường bắc ngang, dãy phố bên đường hãy còn đông người, chỗ ngã ba đường người vẫn tới lui và xe cộ vẫn qua lại. Người Sài Gòn sống dửng dưng như vậy đó

anh ạ ! Ở bên cạnh bom đạn, khói lửa, cuộc sống của con người và dãy phố ấy vẫn giữ được vẻ nhộn nhịp bình thường. Tôi đã nhìn thấy cảnh sống của con đường sau tuyến lửa, nhưng không đoán được ý nghĩ của Nhung. Nhung ngược nhìn tôi rồi như buột miệng mà nói:

- Chú hứa với cháu một điều mà chú quên. Tôi hỏi lại Nhung bằng một cái nhìn dò hỏi ngạc nhiên.

- Chú hứa... giao công tác cho cháu. Bây giờ chú giao chiếc xe đó cho cháu đi!.

- Sao ? Cháu nói sao? - Câu hỏi của tôi như một phản ứng tự nhiên.

Tôi thấy rõ những ý nghĩ táo bạo đang cháy lên trong đôi mắt của Nhung. Đôi mày đen mịn của Nhung như dựng lên. Và những đường nét trên vẻ mặt của Nhung như khắc sâu thêm, đậm thêm, bén và sắc sảo lạ thường.

- Cháu định bắn bằng cách nào?

- Chú coi chừng cho cháu mấy thằng lính ở trên lầu đó, cháu đi được !

Tôi muốn hỏi kỹ ý định của Nhung để trao đổi và quyết định, nhưng tôi chưa kịp hỏi Nhung đã cầm cái giỏ mây đựng chiếc pháo dù vụt ra cửa sau. Tôi kêu theo, không kịp. Nhung chạy băng qua đám gạch đổ nát, xông thẳng vào đám khói mù rồi như tan mất trong đám khói. Tôi đoán là Nhung sẽ tìm đường đến dãy phố bên đường dẫn đến ngã ba sau chiếc xe. Tôi liền ra lệnh cho tất cả chiến sĩ hướng mũi súng vào những tầng lầu có quân giặc, chuẩn bị xung phong.

Tôi hé cửa, nhìn mãi vào ngã ba đường, nơi có người và xe cộ đang qua lại. Trong đời có lẽ chưa có giờ phút nào nặng nề bằng lúc ấy, tôi cứ đưa tay, liếc nhìn đồng hồ. Đồng hồ vẫn chạy bình thường nhưng tôi lại lên dây. Lúc bấy giờ, trên trời trực thăng vẫn bay lượn trong khói, bắn đại liên, bắn hỏa tiễn, vòng lửa bốc cao ngọn. Tám năm mới gặp lại cháu, gặp nhau như vậy chẳng hỏi han được gì, trong người như có gì lẩn cấn không yên.

Qua làn khói mỏng lảng vảng trên bãi trống của khu nhà đổ nát, tôi chợt thấy có một bóng người nhỏ nhỏ. Đúng là Nhung. Nhung đã đến ngã ba sau chiếc xe tăng khổng lồ ấy rồi ! Tôi sung sướng, tôi phập phồng, người tôi như run lên. Bóng Nhung đang đi lẫn trong một nhóm người áo hồng, áo trắng, áo đen, bóng của Nhung bỗng lao tới thẳng vào chiếc xe. Một tiếng nổ lớn. Rồi một búng khói bốc lên, phủ mờ cả chiếc xe, tiếng súng hùng hổ của nó bị tắt. Tôi đập tung cửa, vọt ra, tay cầm súng ngắn bắn vào những tầng nhà có bọn lính. Mũi quân của tôi hơn ba mươi tay súng liền vọt qua bãi gạch đổ, hét dậy lên.

Như đang sống lại cảnh ấy, anh Tám Sơn vừa kể vừa ra bộ móc súng, người chồm dậy. Còn tôi thì dang tay đập mạnh vào mái chèo, mũi xuồng cất lên, lướt tới như con thoi.

Anh Tám Sơn bỗng kêu to:

- Quá rồi, quay lại !

Tôi vừa rà một mái chèo cho mũi xuồng quay lại vừa hỏi:

- Còn chị Nhung thì sao anh?

- Hãy khoan ! Để cho tôi tìm cái bến vô đã.

Anh nắm be xuồng, ngồi hơn nghiêng một bên, nhìn vào rặng lá.

- Quẹo vô ! Tới rồi !

Tôi cho xuồng rẽ vào một bến nhỏ, mũi xuồng vừa cõ lên bãi đất lầy, anh bước lên bờ, bảo tôi :

- Ở đây chờ tôi nhé ! Tôi sẽ gọi cháu xuống. Cô ấy kể cho anh nghe rõ hơn. Tôi vẫn đứng trên lái xuồng, nhìn theo ánh đèn pin sáng xanh của anh xa dần vào những ngôi nhà trong khu vườn.

Thấy ánh đèn pin xanh quay trở lại, tôi bỗng hồi hộp khi nghĩ đến lúc gặp mặt chị Nhung. Sắp gặp chị rồi mà tôi vẫn cố hình dung hình dáng và con người của chị. Nhìn theo ánh đèn, tôi cố lắng nghe bước chân của anh Tám,

tôi sốt ruột hỏi :

- Sao anh ?

- Rủi quá !

- Sao ? - Tôi hỏi lại.

- Cô ấy đi rồi !

- Đi rồi à? Đi đâu, đi lúc nào?

Anh Tám Sơn bước xuống xuồng, đáp lại với giọng uể oải:

- Cô ấy được phái về đơn vị khác rồi. Đi trên chiếc xuồng hò hát hòi nầy đó.

Tiếc thật ! Chẳng biết đến lúc nào mới gặp được chị. Chưa quen biết gì với chị mà chẳng hiểu sao tôi thấy buồn như thất vọng. Nhớ lại giọng hát tha thiết và điệu vơi của cô gái đi trên chiếc xuồng giữa dòng sông, tôi thần thờ và nhìn trời. Gió vẫn lao xao, vẫn rì rào qua rặng lá. Đêm mênh mông và đầy sao, những vì sao nhấp nháy như những con mắt sáng lung linh.

Nguyễn Quang Sáng

Chiếc lược ngà

Vào một đêm trời sáng trăng suông, trong một ngôi nhà nhỏ, giữa Tháp Mười mà chung quanh nước đã lên đầy, nói cho đúng đây là cái trạm của đường dây giao thông, nhà nhỏ nhưng người lại đông. Chưa đến chuyển đi, chúng tôi còn phải đợi. Ban ngày, chúng tôi chẳng biết đi đâu, hết nằm lại ngò, có lúc thấy cuồng chân, thật tù túng, nhưng lại có cái thú bù lại là thọc cần câu ra khỏi nhà để câu cá. Ngày câu cá đã đủ ăn rồi, đêm không ai muốn câu nữa. Trong lúc nhàn rỗi ấy, chúng tôi thường hay kể chuyện. Và tôi nghe câu chuyện này của một đồng chí già kể lại. Ông vốn là người hay kể chuyện - nhiều nhất là chuyện tiểu lâm, có cả tiểu lâm kháng chiến nữa, chuyện nào cũng làm cho chúng tôi cười lăn cười bò. Trước khi kể, bao giờ ông cũng cười mỉm, mặt trở nên hóm hỉnh, đúng là ông lão có duyên già. Nhưng hôm ấy ông đậm ra khác

thường. Ông già kể nhưng vẫn ngồi im, đầu hơi cúi xuống, trầm lặng, mặt ngược nhìn ra mênh mông. Chắc là một chuyện cảm động, chúng tôi đoán như

vậy và không đùa nữa. Bên ngoài, một cơn gió ù ù thổi tới. Cái trạm này - một

ngôi nhà cất chen vào giữa một chòm cây giữa khu rừng tràm thưa, mỗi khi có

một cơn gió, sóng nối nhau đập vào tàn cây, nhà lại rung lên và lắc lư như một

con thuyền đang chơi vơi giữa biển. Sóng đập đều đều vào các chòm cây.

Đàn

cò đứng ngủ không yên, một vài con vỗ cánh bay chấp chới. Sóng gió như nhắc nhở ông điều gì, ông nghiêng tai lắng nghe. Khi cơn gió thổi qua, mặt nước trở lại yên lặng, ông mới ngẩng lên mà nói. Ông nói với chúng tôi mà như

nói với cả trời nước vậy, ông không nhìn vào chúng tôi mà nhìn ra biển nước,

chân trời và các vì sao.

- Chuyện xảy ra cách đây đã hơn một năm rồi, mà mỗi lần nhớ lại, tôi cứ bàng

hoàng như vừa thấy một giấc mơ - Ông mở đầu với giọng trầm đục: - Hôm đó,

tôi đi từ trạm N.G. đến L.A. Khi chiếc xuống máy đuôi tôm vừa xô ra bến thì

chúng tôi ai cũng muốn biết người lái ấy là ai. Không phải tò mò mà cần phải

biết. Bởi vì trước khi đi, người trạm trưởng có báo cáo với chúng tôi đó là

một

đoạn đường dài, một đoạn đi xuồng máy, một đoạn đi bộ, đi xuồng dễ gặp
trực

thăng soi, đi bộ thì dễ gặp biệt kích. Gặp trực thăng soi, anh em phải bình
tĩnh,

không được nhón nháo, không được tự động mà phải tuyệt đối tuân theo sự
điều khiển của người lái. Nói như vậy có nghĩa là sinh mạng mình phải hoàn
toàn phó thác cho người cầm lái ấy có phải không các bạn? Cho nên, tôi cần
nhìn, cần biết rõ người đang cầm giữ sinh mạng mình. Nhưng trời đã tối rồi,
tôi

chỉ thấy đó là một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây "cạc-bin" bá xếp
của Mỹ, đầu chít khăn, dáng điệu gọn gàng.

Trước đó, tôi có được nghe tiếng đồn trạm này có một cô giao liên rất thông
minh. Một hôm cô dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô để khách dừng
lại

ngoài ruộng xa. Cô và một anh giao liên nữa tiến trước dọn đường. Đến
vườn

cây bờ sông, cô thấy mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Nhưng cô không
bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn
địch

nghe: "Tình hình yên, không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang
sông

lắc xuồng đem qua". Trong câu nói ấy có ám hiệu. Anh giao liên liền quay
lại,

êm ái đưa khách bọc qua ngã khác, vượt sông cách đó độ một vài cây số.

Còn

cô ta, trước khi qua sông cô còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô qua sông, thế là

thoát. Còn đám biệt kích kia, bọn nó tưởng thật, định hốt cả một đoàn khách, nên chẳng dám rục rịch, mà cứ chờ. Chờ mãi, bọn nó biết, nó chửi rửa nhau, trong lúc lục đục kéo về lối quờ thế nào lại vấp cả hai quả lựu đạn gài, rụng hết

mấy mạng. Qua chuyện đó, người ta thêm thất rằng cô giao liên ấy có cái mũi

rất thính, cô dùng mũi để nghe mùi địch và có thể phân biệt được thằng nào là

Mỹ, thằng nào là ngụy nữa.

Tôi nghĩ, nếu người nữ giao liên ấy là cô đang lái chiếc xuồng máy này thì mình không đến nỗi lo lắng. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên đành phải nói khéo:

- Ở trạm này có mấy cháu nữ vậy hở cháu?

- Dạ một chị là chị nuôi với cháu nữa là hai.

Vậy là cô nữ giao liên này rồi, tôi cảm thấy mừng. Nghe giọng cô nói, tôi đoán

cô bé độ mười tám hai mươi là cùng. Tôi cảm thấy mến, muốn hỏi thêm nhưng

thấy cô đang lom khom quần dây vào bánh trón nên lại thôi. Quần dây vào bánh trón xong, cô đứng thẳng người, quay lại nói với xuồng sau:

- Tôi đi trước nhé!

Mấy anh giao liên xuồng sau nhao lên:

- Thôi chị Hai đi trước đi.

- Chị út đi mạnh giỏi nhá!

Người gọi chị Hai, người gọi chị út, chẳng biết cô thật thứ mấy.

Cô đáp lại mấy câu láu lỉnh, gọi mấy chú giao liên là em rồi quay lại chúng tôi,

hạ giọng hết sức lễ phép:

- Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong

một cái gói riêng. Lỡ gặp trục trặc bắn hoặc biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy.

Cô báo cho chúng tôi những điều không may có thể xảy ra nhưng giọng nói lại

địu dàng - dễ thương nữa - khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, nên tôi thấy không lo lắng. Nói xong, cô khom lưng, giật máy.

Xuông

rung lên theo tiếng máy nổ giòn, từ từ tách ra khỏi vòm cây rậm, rồi rào rào lướt tới. Gió thổi mát cả người, mát đến từng chân tóc. Nghe cô dặn, anh em khách lui húi mở bông. Còn tôi, tôi có cái gì quý ngoài giấy tờ, tiền ăn

đường

đã để sẵn trong túi? Tôi chợt nhớ tới cây lược ngà nhỏ. Tôi liền mở bông, mò

lấy cây lược, cho vào túi nhái đựng giấy tờ, bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại

thật cẩn thận.

Các bạn! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi bắn khoăn và ngâm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao

nhiều cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ, tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hoà bình vừa lập lại, tôi cùng về thăm quê với một người bạn.

Nhà

chúng tôi ở cạnh nhau gần vòm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng

thoát ly đi kháng chiến, đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên là Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lý anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc

động, vết theo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, gằn gặt, trông rất dễ sợ. Với vẻ

xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng

lập bập run run:

- Ba đây con!

- Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má". Còn anh, anh đứng sững lại đó,

nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương, và hai tay buông xuống như bị gãy.

Vì đường xa, chúng tôi ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha. Đêm nó không cho anh ngủ với chị.

Con

bé tính khí thật không vừa, nó tuột xuống giường, đứng dưới đất chồm lên, nắm

tay anh kéo ra. Kéo không được, nó kê miệng cắn. Cho đến ngày đi, tay anh vẫn còn hằn sâu những dấu răng của con. Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:

- Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống:

- Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi "ba vô ăn cơm". Con bé

cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

- Cơm chín rồi! - Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo:

- Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, đang nấu cơm thì mẹ nó chạy đi mua thức ăn. Mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lui cui dưới bếp. Nghe nồi cơm sôi, nó giở nắp, lấy

đũa bếp sơ qua - nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhấc xuống để chất nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị đòn

vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

- Cơm sôi rồi, chất nước giùm cái! - Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi "ba chất nước giùm con", phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu.

Cháu nói một tiếng "ba" không được sao?

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, về nghĩ ngợi, nhấc

không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn

khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó luyến quỳnh tôi vừa

tội

nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước, miệng lầm bầm điều gì không rõ.

Con

bé đáo để thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào cái chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt

đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới (1) cô làm cho dây lời tới khua ròn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, méc với ngoại và khóc ở bên ấy - chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông - Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vụn vặt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như

bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không buồn bình hay

nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt

ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lẫm, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên

lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn nó với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

-Thôi! Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi.

Nhưng thật lạ lẫm, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó,

trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

-Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "Ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm, tiếng

"Ba" như vỡ tung ra từ lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

-Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên - nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn

cả vết sẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi:

-Ba con, sao con không nhận?

-Không phải - đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

-Sao con biết là không phải? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì?

-Ba không giống, cái hình ba chụp với má,

- Sao không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

-Cũng không phải già, mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

à ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó vì là cái vết thẹo, và

bà nó cho biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương - bà nhắc lại tội ác mấy

thằng Tây ở đồn đầu vằm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh

thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó

vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không

muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau

nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

-Ba đi rồi ba về với con.

-Không! - Con bé hét lên, hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn

tôi

bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ

đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày, nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đến lúc phải đi rồi, mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo:

-Thu! Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ:

-Cháu của ngoại giỏi lắm mà! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và mếu máo:

-Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba! - Nó nói trong tiếng nức, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi

không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm mươi tám, năm mươi chín và

những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi

có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt đến ba lần, có ngày không

gạo ăn, ăn toàn là bắp, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình

cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng mắc chỉ thấy tám ny lông

nóc, lúc nhớ con, anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ đó cứ giằng vò

anh - một hôm hai đứa đang rì rầm kể, anh bỗng ngồi bật dậy:

- Phải rồi! ở rừng này, người ta thỉnh thoảng có bắn voi, mình phải làm một cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

Và anh ao ước có một khúc ngà, một khúc ngà voi. Thật may mắn, sau đó không lâu, vì thiếu thức ăn, anh em nghĩ đến chuyện đi săn, đi săn bằng tên thuốc chó không phải bằng súng. Lúc đó rừng vẫn còn phải giữ im lặng.

Thật

ra thì anh em không đi săn voi, nhưng tình cờ lại gặp nó. Anh em định thả nó,

nhưng anh Sáu quyết định bắn.

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt

mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ny lông

nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh

hốt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi

thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược

được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược

cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng

thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẫn khắc từng nét: "Yêu nhớ tặng Thu, con của ba". Cây lược ngà ấy chưa chải

được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh.

Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có

cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám, năm đó ta chưa võ trang - trong một trận

càn lớn của quân Mỹ - ngụy, anh Sáu bị hy sinh. Anh bị viên đạn của máy bay

Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả

lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống nhìn anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

Các bạn ạ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật thì cũng

đã đành một lẽ, còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không

thể đắp cao lên được - tìm thấy mồ mả, chúng sẽ đào lên và tìm ra dấu vết -
cho

nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậy. Tôi
lấy

dao khắc vào một gốc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ.

Sống như thế và chết như thế, hỏi vậy làm sao mà chịu được? Chúng ta buộc
phải cầm súng.

Sau khi có căn cứ khá an toàn, người nhà tôi có đến thăm. Tôi định gọi cây
lược ngà về cho cháu Thu. Nhưng chị Sáu và cháu Thu không còn ở làng
nữa.

Qua những lần tố cộng, những trận càn, những trận đốt làng dồn dân của bọn
Mỹ, không có mấy năm mà làng nước tan tác đi nhiều lắm. Mỗi người đi
mỗi

nơi chẳng ai được tin ai. Người nhà tôi bảo có lúc nghe chị Sáu chạy lên Sài
Gòn, có lúc lại nghe chị Sáu lại quay về Đồng Tháp, vì thế mà tôi giữ mãi
cây

lược của cháu.

Tôi cầm cây lược nhìn ngắm, lòng thấy buồn ngủi.

Trong lúc đó tiếng máy vẫn nổ giòn, và tôi lại muốn nhìn rõ cô giao liên -
người đang giữ sinh mạng của mình. Đêm không tối, cũng không sáng, nền
trời tràn qua nhiều lớp mây mỏng, rải rác một vài chòm sao. Trời sáng mập
mờ

- Tôi chỉ nhìn thấy được dáng người của cô giao liên, gương mặt như hơi
tròn

và một đôi mắt, đôi mắt của người con gái thật là khó tả. Chẳng hiểu có sao,
từ

cái ánh mắt ấy, tôi dần dần thấy một người quen, quen lắm. Tôi cố nhớ, nhớ

không ra, tôi thấy mình lẫn thẩn.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh:

- Máy bay !

- Máy bay !

Xuồng liền chòng chành, như có người định lao xuống, người nhón nháo và nhiều tiếng lao nhao lên:

- Táp vào !

- Đâu?

- Đền nó ở phía sau kia!

- Táp vào, tấp vào. Phản lực!

Cô giao liên cho máy nổ nhỏ dần, quay lại sau một lúc rồi bảo:

- Không phải đâu, sao trên trời đó mà.

Trong lúc mọi người đang lo, có người hoảng hốt, có người định nhảy thì giọng

của cô bình tĩnh như vậy đó. Có người chưa thật tin, nhưng trước thái độ thản

nhiên của cô, mọi người lại ngồi yên. "Sao trên trời đó mà", giọng nói nhỏ nhẹ

và ngọt ngào. Và cô lại cho máy nổ to.

Sau mấy ngày đi bộ, được ngồi trên chiếc xuồng máy thật là thích thú.

Nhưng

nghĩ đến máy bay, tôi lại thấy phiền. Tiếng máy đuôi tôm nổ to quá như át cả

tiếng máy bay. May mà gặp cô giao liên bình tĩnh, cô mà rồi, chắc có người đã

nhảy rồi, xuồng chắc cũng chìm mất. Tôi cố không nghĩ gì khác, tập trung lắng

nghe tiếng máy bay.

Xuồng bắt đầu vào một quãng kinh trống, hai bên bờ không có một ngôi nhà,

xa xa một chòm tre, một lùm cây, hai bên là cánh đồng hoang. Tôi sốt ruột muốn cho xuồng lao nhanh hơn. Hình như hiểu tâm trạng tôi, cô cho máy nổ to. Sóng trước mũi xuồng trào lên kéo thành những đợt sóng dài, làm run rẩy đám cỏ hai bên bờ, vỗ bập bênh các giề lục bình và các đám nghê(2) mọc hoang.

Trong lúc mọi người đang yên tâm, đang thích thú ngồi trên chiếc xuồng lao nhanh thì cô giao liên tắt máy báo tin:

- Máy bay!

Cô vừa nói vừa tấp sát lại bụi tre. Chiếc xuồng sau cũng tấp lại. Rõ ràng là có

tiếng máy bay, tiếng cánh quạt "lạch bạch" của đám trực thăng Mỹ. Tôi chẳng

biết cái lỗ mũi của cô thính đến cỡ nào, còn cái tai của cô rõ là thính thật, tiếng

máy bay lẫn trong tiếng máy đuôi tôm, thật khó nghe.

Xuồng chòng chành, có người chơi với muốn té:

- Nó còn xa lắm! - Cô trấn tĩnh chúng tôi - Các bác, các chú bước lên phân tán

mỏng, tìm núp vào chỗ kín. Nếu nó có soi tới các bác, các chú nhớ đừng động

đây - Trong lúc cô nói, anh em khách đã vọt lên bờ hết rồi. Tôi là người cuối cùng. Tôi vừa bước lên thì cô bảo:

- Bác cứ ở đây đi. Xuồng ít người không sao!

Nếu một người nào khác bảo như vậy, tôi chắc không nghe. Trước thái độ

của

cô, ngồi cùng một chiếc xuồng với cô tôi thấy vững hơn ngồi trong công sự. Đám trực thăng Mỹ từ đầu kinh soi lần lần tới, tiếng động cơ của nó rầm rộ, như hàng chục chiếc tàu thủy đang chạy. ánh sáng ngọn đèn soi của nó mỗi lúc một gần. Bọn Mỹ, nguy thường đi ba chiếc, một chiếc tìm người, tìm mục

tiêu, còn hai chiếc soi đèn thì bắn.

- Lấy lá cây che kín, đừng động đậy nhé! - Cô lại nhắc tôi.

Đó là lần đầu tiên tôi bị trực thăng soi, khi ngọn đèn của nó soi qua - cái thứ ánh sáng chói chang và tiếng cánh quạt đập trên đầu, tôi thấy xuồng mình rõ quá, tôi thấy cái be dài, thấy những lỗ trống của ba lô dưới lớp lá nguy trang, thấy cỏ quận lên như trong một cơn lốc, tôi nghĩ: "Thôi chết rồi". Tôi rút vai thu mình cho nhỏ lại. Như đoán được tâm trạng của tôi, cô lại nhắc:

- Nó không thấy rõ mình như mình thấy mình đâu!

Lần này, lời cô nói với tôi không hiệu quả nữa. Phút chốc tôi lại muốn lao xuống nước. Nhưng tôi kịp trấn tĩnh.

Rồi cái ánh sáng ma quỷ ấy xa dần với tiếng động cơ rầm rộ mỗi lúc mỗi xa. Đêm lại mờ mờ đi. Tôi vẫn ngồi im vì còn lo nó quay trở lại. Cô giao liên nói

như an ủi tôi:

- Nó làm coi dữ vậy, nhưng nó chẳng thấy cái gì đâu. Miễn là mình bình tĩnh,

đừng động đậy - Đoạn cô nhìn ra cánh đồng, gọi anh em khách. Anh em có người ướt nhem, vừa thay quần áo, vừa chửi rửa. Xuồng lại nổ máy.

Quá nửa đêm, đoàn chuyển lên đi bộ - Chúng tôi đi men theo bờ mầu, băng qua cánh đồng, bờ mầu chỗ bùn lầy, chỗ lồi lõm, chỗ nhầy nhụa, chúng tôi đi

sát vào nhau và hầu như thay phiên nhau trượt té vậy. - Người này đang lom khom ngồi dậy, người khác lại đánh "ạch" ngã xuống ruộng, chúng tôi, dếp cầm tay, mò mẫm đi từng bước, cứ thế mà đi. Gần đến bờ sông, giao liên cho chúng tôi dừng lại, phải trình sát đi bám đường.

Hai trinh sát đi khoảng hai mươi phút thì đụng biệt kích. Lần này bọn nó không nằm phục trong đám vườn dọc bờ kinh, nó chồm ra ngoài ruộng.

Súng

nổ tới tấp. Đạn rít veo véo qua đầu chúng tôi.

- Nằm xuống! Cô giao liên ra lệnh - Anh Tư dẫn khách đi, tôi ở lại.

Chẳng hiểu sao, lúc đó tôi muốn kéo cô cùng đi. Qua giọng phân công của cô,

tôi đoán cô là nhóm trưởng. Vừa nghe tiếng cô, nhìn lại cô đã vọt chạy đâu rồi.

Đạn đan thành lưới rít qua đầu chúng tôi, rơi "chéo chéo" trên mặt ruộng, khiến chúng tôi phải nằm dán người vào bờ mầu không sao ngóc đầu lên được.

Trong lúc đó, phía bên trái, bỗng có nhiều tiếng "cạc bin" nổ. Lập tức đường đạn bay về hướng đó. Tôi đoán biết, cô giao liên đang dẫn đường đạn bay về mình.

- Chạy ! - Anh Tư, người giao liên ra lệnh. Đoàn khách chúng tôi liền vọt lên.

Tôi không phải là người dạn súng cho lắm, nhưng lúc đó, tôi không thấy lo cho

mình nữa, tôi cứ nghĩ đến cô giao liên. Đoàn khách chúng tôi - không hàng ngũ, chạy bừa qua ruộng lúa, đâm thẳng ra ven cây, rồi vượt qua sông.

Tiếng súng mỗi lúc một dữ dội. Tôi cố lắng nghe tiếng "cạc bin" của cô, nhưng

không tài nào nghe được, lòng cứ xôn xang.

Nhờ có tiếng súng biệt kích mà chúng tôi đến rặng cây làng rất sớm. Anh em bên kia trạm - trạm L. A, cũng vừa đến, không phải chờ lâu.

Đoàn tập hợp lại trong một đám dừa bị chất độc hóa học, tàu lá lơ thơ, trống trải. Đoàn khách còn đủ mặt, có một vài người bị mất dép, có người qua sông

bị trôi ba lô. Còn tôi, già mà hãy còn cứng. Tôi chả mất một món gì.

Ai cũng mệt mỏi, anh em giao liên cho chúng tôi nằm nghỉ đến sáng. Có người

không cần phải mặc võng, cũng chẳng trải ni lông, nằm vật xuống đất, lấy bông làm gối, ngáy pho pho. Còn tôi, vì nhiều nỗi, nên cứ lơ mơ. Tôi đang trên

đường về tỉnh nhà. Làng nước đâu còn như xưa nữa. Người ta bị rời nhà, bị dồn

vào các trại tập trung, rồi người ta lại phá ra, cả vườn tược cũng thay đổi.

Tôi

nghe nói vậy, nhưng không thể hình dung ra được. Tôi cứ nhớ lại cảnh cũ.

Nhớ

những lần trở về, nhớ cảnh chia tay của cha con anh Sáu mà cây lược tôi vẫn còn giữ đây. Trong khi nghĩ miên man, đôi lúc tôi chợt nhớ đến anh em ở lại chặn bọn biệt kích. Nhất là cô giao liên. Chẳng hiểu cô bé và anh em giao liên

ra sao. Một quá rồi tôi cũng thiếp đi...

Nghe đâu đây có tiếng chân đi, tiếng người nói, tiếng cười đùa. Tôi chợt tỉnh dậy, thấy trời đã đậm mây ngang, màn đêm như vén dần ra cánh đồng. Tôi thấy

một nhóm người, chẳng nghe họ nói gì, nhưng biết là họ đang kể lại những

chuyện sôi nổi. Và tôi nhìn thấy, cô giao liên, quần áo cô bùn đất bê bết và đầm ướt. Thế là họ về kịp rồi.

Tôi vừa đến họ cũng vừa chìa tay ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Cô vừa chặn

địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cứ phôi phới. Mặc dù nước da cô

bị rám nắng, tôi trông cô không quá hai mươi tuổi. Con gái hai mươi tuổi không thể có cặp mắt trong sáng như thế, và cô mới ngây thơ làm sao, cô vẫn

còn đeo bông tròn ten, cô đi dần về phía tôi, tôi bỗng muốn tỏ lòng mến phục của tôi đối với cô, cả lòng cảm ơn nữa. Nhưng chẳng lẽ lại nói như vậy, tôi mỉm

cười chào cô và làm quen:

- Này cháu. Bác lo cho cháu quá! Cháu thứ mấy?

- Dạ cháu thứ hai.

- Sao bác lại nghe có người kêu cháu là chị út? Chắc là cháu đã có...

- Dạ không! - Cô giao liên chặn câu nói của tôi lại - cháu vừa thứ hai vừa thứ út

vì cháu là con một mà!

- Cháu là người ở làng nào mà sao bác thấy quen quen.

- Dạ cháu ở Cù Lao Giêng!

Nghe đến tên làng, tôi bỗng giật mình. Nhìn cái đôi mắt cô bé, ngực tôi bỗng phập phồng, và như có linh tính, tôi liền hỏi lại, hỏi dồn dập:

- Có phải Cù Lao Giêng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa không vậy cháu?

- Dạ phải.

- Cháu tên gì?

- Cháu tên Thu.

- Thu à? Tôi lặp lại và kinh ngạc .

Tôi lặp bập hỏi tiếp:

- Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không?

Cô bé kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa, nó mở tròn mắt nhìn khắp người

tôi. Trong lúc đó, anh em giao liên trạm L.A. kêu khách chuẩn bị lên đường.

Nhưng tôi chẳng để ý cũng chẳng muốn nghe, tôi quay lại và bảo:

- Chờ tôi một chút.

Tôi quay lại cô bé. Cả hai người vẫn còn ngạc nhiên. Cô bé vẫn tròn mắt nhìn

tôi, đúng, đúng, đúng là đôi mắt của con cháu. Tôi thầm nghĩ, và bảo:

- Có phải không cháu?

- Dạ... Sao bác biết?

Tôi cố nén xúc động nhưng cũng lặp bập nhắc lại:

- Bác là bác Ba đây này. Cháu có còn nhớ lúc ba cháu đi, ba cháu có hứa mua

cho cháu cây lược không?

Cô cháu khe khẽ gật đầu: "Dạ nhớ, dạ nhớ".

Các bạn ạ! Trong kháng chiến có những cuộc gặp gỡ thật tình cờ! Tôi vừa nhìn

cháu, vừa móc túi lấy ra cây lược.

- Ba cháu gửi cho cháu cây lược ngà này đây. Cây lược này do ba cháu làm.

Đôi mắt của cháu lại to tròn hơn, mặt xúc động đến thần thờ. Cháu đưa tay nhận cây lược. Cây lược như đánh thức kỷ niệm ngày chia tay, ngực cháu phập

phồng. Thấy cháu nhìn ngắm cây lược, tim tôi bỗng nhói đau. Tôi biết cháu

đang bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ, tôi không muốn làm gì xao động đến hạnh phúc của cháu, tôi thấy cần phải nói dối:

- Ba cháu vẫn khỏe, ba cháu không về được, nên gửi cho bác.

Cháu Thu liền chớp mắt nhìn tôi, môi mấp máy run run:

- Chắc là bác lầm, cây lược này không phải của ba cháu.

Tôi đâm ra thất vọng, hoang mang nữa, tôi hỏi lại:

- Ba cháu tên Sáu, má cháu tên Bình phải không?

- Dạ phải - Hình như cháu muốn khóc, mắt cháu đỏ hoe nhưng cố nén và nói:

- Nếu cháu không làm thì chắc bác sợ cháu buồn nên bác nói giấu cháu.

Cháu

biết cha cháu chết rồi. - Cháu chớp mắt, hai giọt lệ ứa ra, vỡ tràn qua đôi mắt

-

Cháu chịu đựng được, bác đừng ngại, cháu nghe tin ba cháu chết đã hai năm rồi, sau đó thì cháu xin má cháu đi giao liên...

Cháu còn muốn nói gì nữa, nhưng giọng bị tắc nghẹn đầu cúi xuống, mái tóc khẽ run run. Còn tôi, tôi lỡ nói dối, nên chẳng biết thế nào nữa, đành im lặng.

Trong khi đó, anh em trong đoàn tảo tặc gọi tôi, giục tôi đi. Không thể nán lại

được nữa, tôi đành phải vội vàng hỏi xin cháu địa chỉ, hỏi thăm qua mẹ cháu và

bà con.

Nỗi mừng gặp gỡ bất ngờ khiến tôi chưa hết bàng hoàng thì lại phải chia tay.

Nhìn cháu tôi bỗng buột miệng nói:

- Thôi, ba đi nghe con!

Tôi không nghe cháu đáp lại, chỉ thấy đôi môi tái nhợt của cháu mấp máy.

Đi được một quãng xa nhìn lại, tôi thấy cháu cố đi theo tôi một đoạn đường. Cháu dừng lại trên bờ mấp mĩu những đợt sóng lúa xanh nhỏ nối đuôi nhau dập dờn như chạy đến vỗ về cháu. Sau lưng cháu là đám dừa bị chất độc hóa học mà tàu lá chỉ còn những cọng khô như những chiếc xương cá khổng lồ treo lủng lẳng, đợt non vừa mới đâm lên, xa trông như một rừng gươm. Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi "ba" của cháu, và tiếng "ba" như vang lên

từ trong tâm tôi.

1966

NGUYỄN QUANG SÁNG

(1) Dây xích.

(2) Một loại cây mọc từng cụm, lá như dong riềng.

Nguyễn Quang Sáng

Con chim vàng

Cây trứng cá trước sân nhà đã hết mùa, chim chóc ít đến. Sâu đo xanh đo thoăn thoắt trên những đầu lá trắng li ti màu phấn mốc. Một hai cơn gió to uốn quần những cành lá thấp là đà, sâu đo níu những sợi tơ, buông mình rơi xuống đất, bò lênh nghênh. Đứng gió, cây trứng cá yên lặng, buồn hiu. Mấy hôm nay có con chim cánh vàng như nghệ, mỏ đỏ như son, ngày nào cũng sà cánh đáp xuống đây. Hai chân nó quẩn chặt vào cành, thông mình xuống, nghênh cổ lên, đưa mỏ đỏ gắp lấy sâu. Ăn no, nó rũ cánh ria lông. Nó nhảy nhót, hót líu lo.

Thằng Quyên đứng dưới gốc dùm lên, nghe vui tai đẹp mắt làm sao, nó yêu quý con chim quá ! Đêm nằm thằng Quyên chiêm bao thấy bắt được chim nhót vô lông, đút mồi cho ăn. Con chim nhảy nhót, chốc chốc lại cất tiếng lảnh lót. Nhớ tới, nó khoái chí ngả ra cười híp mắt. Nó bảo mẹ bắt cho kỳ được. Đang ăn cơm, nhớ tới chim là nó hắt chén liệng đĩa, khóc lên, đưa tay chụp chụp lấp con chim vàng. Nó không thèm chơi ngựa cây, xe hơi, tàu lặn nữa. Nó giật mình dậy là nó nhắc đến chim vàng.

Cũng con chim này, đối với Bào thì khác hẳn. Bào rất căm ghét con chim vàng. Có lúc nghĩ thấy con chim bị bắn nát đầu, rơi xuống, vài sợi lông vàng bay theo, Bào hả dạ lắm !

Thằng Quyên mười tuổi là con nhà chủ. Cha nó là hương quản trong làng. Bào mười hai tuổi là đứa ở chăn trâu cho nhà này. Đêm ngủ, Bào trần trọc tìm mưu bắt cho con "bà chủ". Bắt không được chim, không được ăn cơm. Hai năm trước, mẹ Bào mắc nợ nhà này hai thúng thóc, nó đòi ngặt, Bào phải đến ở nợ. Nhưng nợ đó không bằng nợ con chim vàng. Gặp Bào nó đòi, Bào chịu đòn để thế. Bào sợ quá, bữa nào cũng rình cũng bắt. Nhưng bắt làm sao được, nó có cánh, vừa leo lên là nó vụt mất, có khi còn ỉa xuống mặt Bào. Hết phương cách rồi ! Chiều đó Bào về, thằng Quyên đòi chim, Bào hai tay bung chiếc nón lá rách đựng đầy đồ chơi, Bào hạ giọng năn nỉ:

- Trâu đây cậu, trâu đực, trâu con, trâu cái. Tôi nắn bằng đất sét mỡ gà tốt lắm. Tôi lặn dưới sông móc tới đứng bóng, nắn tới trâu ăn no, đây cậu. Cậu rờ thử coi, tôi lấy miếng chén mài sừng nó nhọn hoắt. Trâu này tốt hơn chim vàng à cậu.

Thằng Quyên quen tính được mẹ nuông chiều, không vừa ý cái gì là nó giãy nảy lên. Nó đưa chân đạp nhẹ mấy con trâu đất, khóc ré lên. Nó khóc mà không chảy nước mắt. Bào không khóc mà nước mắt cứ tuôn ra. Bào tức, sợ và tiếc. Bào lượm lại từng cục đất, nắn nót lại cái đầu cái chân.

Thằng Quyên vẫn khóc, nó nhào tới chụp lấy đất liệng tới tấp vào mặt Bào, rồi nhào lăn ra thềm, đập chân đành đạch, gào lên: "mày bắt con chim vàng cho tao, má ơi !".

Mẹ nó tới, hằm hằm như bị ai giết con, nó quơ cả trâu đất, cả chiếc nón lá rách đội giữ trâu của Bào liệng tung ra sân, rồi xĩa xối mặt Bào:

- Mày khôn hơn con tao được à! Mày lòi đất vô nhà tao à! Nhà tao không thiếu đất, mà thằng cha mày sục lỗ kia, đem về mà đắp ! - Để lấy lòng con, nó đánh Bào té nhủi, rồi bế thằng Quyên vào lòng:

- Ôi ! Tội nghiệp ! Con tôi khổ quá, thứ con chim vàng như vậy mà không có để chơi!...

Đêm nằm Bào có ngủ được đâu. Bên mái nhà lụp sụp, tiếng văng vẳng, giọng hát ru em vắng vắng:

... ầu ơ... Chim chuyền nhành ớt lú lo,

Mảnh sầu con bạn ôm o gầy mòn...

Thằng Quyên nằm trên nệm, thêm thiếp. Nghe hát đến chim, nó nhào dậy, khóc: "bắt chim cho con, má !".

Bào nghe Quyên khóc, lại lo ngày mai không có con chim vàng. Bào ngồi dậy, dựa lưng vào chuồng trâu, nhìn ra. Trời mênh mông, trăng sáng vằng vặc. Bào rón rén bước ra cây trướng cá, nhìn lên. Lá khế xao động như bầy chim mê ngủ. Bào lấy đất vục lên. Đất rơi tòm xuống ao cá. Con chim vàng không có ngủ ở đây, nó đâu rồi kìa ! Bào ngồi xuống gốc trướng cá, xoa xoa mái đầu trọc hều như sọ dừa. Bào đã tìm ra kế. Nhân lúc chăn trâu, Bào chặt nhánh ổi, lấy mảnh vỏ ốc chuốt thành nạng. Bào buộc dây thun vào, giương, buông, bắn vù vù. Bào vò luôn 10 viên đạn. Được rồi, nhất định bắn rơi con chim vàng.

Bào bước vô nhà, hớn hờ như tá điền có tiền trả nợ. Thằng Quyên hỏi :

- Chim vàng tao đâu ?

- Đây cậu ! Giàng thun đây cậu, tôi bắn nó rụng như lá cho cậu coi.

Tức thì thằng Quyên nhăn mặt, giẫy lên:

- Không! Mày bắn chết chim tao.

Bào định năn nỉ, mẹ nó đã chõ vào:

- Con tao chơi chim sống chứ giỡn cha mày đâu mà bắn chim cho chết!

Bào trả lời:

- Nó có cánh không bắn làm sao bắt được.

Mẹ thằng Quyên xấn tới, giận dữ:

- Tao không cấm mày bắn, mày muốn bắn mấy cái thì bắn, miễn đừng chết, đừng què, đừng gãy cánh chim của con tao thì thôi.

Bào tức quá:

- Không trúng làm sao bắt được.

Mẹ thằng Quyên nổi lửa lên, nó giận đũa ở dám cãi lại, nó bảo:

- Mày bắn cho nó giật mình, chết giấc té xuống không được hả!

Mái đầu Bào cúi xuống, nhè nhẹ lui một bước. Mồi Bào mím lại, mắt liếc mẹ thằng Quyên, tay run run nắm chặt vạt áo trĩu xuống. Bào giận sôi lên, quên mình là đứa ở, liệng giàn thun trước mặt nó, cự lại:

- Bà giỏi bà bắn đi!

Nó quơ cây rượt theo Bào, liệng vun vút.

*

* *

Quá căm tức thì chống lại, chống rồi Bào lại sợ. Bào đến thằng Quyên:

- Cậu, bữa nay thế nào tôi cũng bắt được con chim vàng cho cậu!

Thằng Quyên ngẩng đầu lên, mắt nó long lanh, ôm lấy bào, nó hỏi: " chừng nào?". Bào đưa nhánh tre có sợi nhợ cho nó coi:

- Đây, bẫy gài đây cậu. Mà cậu cho một trái chuối chín đi!

Thằng Quyên nhảy tung lên, rồi cầm cổ chạy thẳng vô buồng, bẻ luôn hai quả. Nó đưa hai quả chuối cau chín vàng khoe với Bào. Nó cười híp hai con mắt. Lần đầu tiên nó cúi đầu sát vào Bào, xem Bào buộc quả chuối vào bẫy.

Suy nghĩ thế nào, nó quay ra, lắc đầu:

- Chim không ăn chuối đâu!

- Nó ăn chớ cậu! Phải chim hát bội, chim sâu đâu, con chim này nó ăn sâu mà ăn chuối nữa, cậu. Tôi coi trâu, tôi thấy nó sà xuống vườn chuối hoài.

Bỗng mẹ thằng Quyên nện guốc bước tới, nó trở mắt nhìn hai quả chuối cau, nó hét lên:

- Mày gạt con tao ăn cắp chuối hả?

Bào lui luôn mấy bước, nép mình vô tường, mặt lấm lét:

- Dạ thưa bà, con xin chuối chín làm mồi bắt chim cho cậu.

- Chuối tao cúng thổ thần, chuối tiền chuối bạc, chuối gì chuối cho chim ăn. Mày trèo lên cây bắt sống nó cho tao.

Mẹ thằng Quyên vừa chửi vừa nhìn quanh quất kiếm cây. Bào liệng cái bẫy, chạy mất...

Không còn cách nào hơn nữa, Bào quấn cây lá đầy mình, trèo sấn lên cây từ sáng sớm. Nhánh cây trũng cá mềm quăn xuống. Bào thụt vô, dựa lưng vào cành to. Thằng Quyên đứng dưới hét lên:

Mày ra ngoài nhánh chớ! - Bào run quá, chân cứ thấy nhột, nhìn xuống thấy chóng mặt. Vòm trời cao vút. Một chấm đen bay tới. Rõ là con chim vàng. Nó lượn mấy vòng, vừa sà cánh đáp, bỗng nó hốt hoảng vút lên kêu choe choé.

Mẹ con nó chạy vô nhà ló đầu ra:

- Mày đừng rung chớ!

Mẹ thằng Quyên nhìn theo con chim mình vàng như nghệ mỏ đỏ như son không chớp mắt:

- Bào! "con" nín thở cho êm con. Ráng con!

Con chim bay qua nhảy nhót trước mặt. Bào vừa thò tay, nó nhảy ra nhánh.

Thằng Quyên há mồm hỏi:

- Bắt mau, mau!

- Đó, đó! Nó nhảy vô đó con, chụp, chụp! - Nghe tiếng nó là Bào thấy roi đòn đánh đập, thấy máu đỏ như những trận đòn hôm trước. Bào cắn răng cho bớt run, nhẹ nhẹ thò tay ra, nhô mình với tới, chụp dính con chim vàng.

Chim choe lên, mẹ con nó mừng quýnh, thằng Quyên nhảy dựng lên.

Được chim rồi! - Vỗ tay bôm bốp. Bào có cảm giác như khi mình đuổi theo trâu bị sục những hầm giếng cạn, ruột thót lên. Hai chân Bào sục vào không khí, tay bơi bơi - Mặt Bào tối đen - Bào rơi xuống như trái thị. Mặt Bào đập

vào gốc cây, máu, nước mắt đầm đìa cả mặt: "Trời ơi!" Con chim vàng cũng bị đập xuống đất, đầu bể nát. Trong cơn mê mê tỉnh tỉnh, Bà nghe văng vẳng tiếng guốc, nghe mẹ con thằng Quyên kêu: "Trời ơi!".

Bà chống tay ngồi dậy, máu từ trên đầu chảy trên những chiếc lá quăn vào mình nhỏ giọt. Bà cố đem toàn lực vùng dậy, nhưng tay lại khuyu xuống, đầu ngã xuống vũng máu. Mắt bà chập chờn thấy bàn tay mẹ thằng Quyên thò xuống. Tay Bà với tới, với mãi, với mãi nhưng cũng chẳng vớ được ai. Té ra, mẹ thằng Quyên thò tay nâng lấy xác con chim vàng. Bà lại nghe tiếng tắc lưỡi: "Trời! Con chim vàng của con tôi chết rồi!".

Hà Nội 8-1-1956

Nguyễn Quang Sáng

Con ma da

Khi tôi nhận được thiệp cưới của nó, thằng Danh bạn tôi, thì đã muộn rồi. Muộn đến những ba tháng.

- Mẹ! Nếu mày gởi trước một ngày thì dù có lời hàng tỉ tao cũng bỏ - Tôi chửi thề.

Và một bức thư vừa mới tới trước khi tôi về một vài ngày. Thư có đoạn viết: ... Tao nghĩ, thiếu ai chứ không thể thiếu mày. Vậy mà mày không về. Dù là ngày cưới (hạnh phúc, tất nhiên), vắng mày tao vẫn thấy cô đơn... Sau đó, những ngày trắng mặt, tao quên tất cả, quên cả mày nữa. Đừng giận! Nay thấy nhớ bạn bè, nhớ mày. Nhưng không trách vì biết mày bận quá nhiều áp phe...

Mẹ, thương nó quá, lúc nào cũng thật. Quên thì nói quên! Chỉ có vậy mà tôi cảm động và nhớ nó còn cào. Nhớ những ngày cùng ký túc xá trường đại học. Một thằng bạn mới nhìn tưởng là con nhà võ, mặt vuông mày đậm, mắt to, da thịt cuộn cuộn, trông dữ dội nhưng lại mơ mộng, thích văn chương, hay triết lý, viết nhật ký đều mỗi đêm và làm thơ khi bốc đồng. Bây giờ nó là hiệu trưởng trường cấp ba của tỉnh. Cuộc đời của người thầy giáo, nó sống khiêm tốn, mực thước và êm đềm. Không như tôi, người làm kinh tế, không

tránh khỏi bước thăng trầm, thường mệt mỏi vì đồng tiền. Ba mươi nó có vợ. Ba mươi, tôi vẫn cô đơn. Đôi lúc tôi thèm cái cuộc đời của nó.

Hai đứa hẹn với nhau, hai đứa sẽ thay nhau làm phụ rể trong ngày cưới. Thế mà tôi vắng mặt! Nhưng "dù muộn vẫn phải nói với nhau...", tôi bỗng chợt nhớ đến cái giọng khê khàng của một cô gái thường rỉ rả vào tai tôi trong một quán bia. Một cô gái tuổi hai mươi có mái tóc xõa dài theo thân hình thon thả.

- Em tên Thu Hảo, tụi bạn ở đây gọi đùa là Thu Thảo. Anh muốn gọi em tên gì cũng được - Ngày đầu cô tự giới thiệu.

Cả hai tên của cô, tôi đều không gọi. Nữ chiêu đãi viên trong quán bia có mấy ai nói thật tên mình.

- Bữa nay em bắt số mấy?

- Bữa nay em hên lắm nghe - Giọng nhõng nhẽo - Đố anh số mấy?

- Số chín.

- Đúng. Đúng...

- Từ nay, anh gọi em là Chín được không?

- Hay, hay, cảm ơn anh nhiều, từ nay em là Chín của anh...

Từ đó, mỗi lần có tiền và buồn, tôi đều đến với Chín, cùng nhau một cốc bia trong phòng lạnh đèn mờ. Tôi vừa vuốt mái tóc cô khi nghe cô kể chuyện đời, khi nghe cô hát. Cô kể, cô là con của một cán bộ quân đội, cấp tá. Ba cô chuyển ngành làm kinh tế cho uỷ ban tỉnh. Trong đợt bể tín dụng, ba cô bị kỷ luật, buộc phải về hưu với một số nợ phải trả. Tốt nghiệp lớp mười hai, cô không thi đại học, mà trở về đưa vai gánh vác việc nhà.

- Đời em như cô Kiều.

Tôi cười. Nữ chiêu đãi viên trong các quán bia không ai không có một cuộc đời bất hạnh. Thật giả làm sao biết được. Họ thêm thắt cuộc đời của họ tài hơn cả nhà văn. Nghĩ vậy nhưng cũng cảm động, thế mới kỳ.

Tôi không yêu, nhưng như nghiện, nghiện cái phòng lạnh đèn mờ, nghiện cái giọng hát khẽ khàng, nghiện mái tóc tỏa hương trầm... Rồi bỗng một hôm, cô biến mất. Nghe cô chuyển đi quán khác, là chuyện thường tình của các cô. Sài Gòn này bây giờ, bia ôm mọc lên như nấm, biết đâu mà tìm. Đọc thư của thằng bạn loay hoay thế nào mà nhớ đến cô gái bia ôm, quái thật!

*

* *

Tôi về thăm thằng Danh. Nhà Danh bên bờ sông Hậu. Nó đón tôi từ đường cái. Hai đứa vừa đi vừa trò chuyện, quanh co theo con hẻm nhỏ ngoằn ngoèo qua một xóm nhà lá lụp xụp, bỗng trước mắt tôi bừng lên một vòm trời mênh mông trên dòng sông cũng mênh mông, rạt rào tiếng sóng, và gió như vui với mái tóc tôi. Đám trẻ nhỏ đủ lứa tuổi đang nô đùa trên bến sông thật vui. Lòng cảm thấy thư thái lạ. Trong đám trẻ có một đứa nhỏ trần truồng, con chim như trái ớt, đập vào mắt tôi là cái vòng kiềng bằng sắt trong cái chân nhỏ lững chững của nó.

- Thằng nhỏ dễ thương quá. Sao nó đeo cái kiềng sắt nặng quá vậy Danh?

- Nhà nó có noi.

- Noi là sao?

- Mà không biết à?

- Không.

- Dân thành phố tui mà quên nhiều điều quá.

- Thôi nói đi, noi là sao?

- Ngày xưa, ông bố của thằng nhỏ đeo kiềng sắt đó chết trôi trên dòng sông này. Người chết trôi thì biến thành con ma da. Con ma da thường hay rút chân người tắm sông. Con cháu của người chết trôi như có một cái vết, gọi là có huông cũng được, ở đây gọi là noi, rất dễ bị theo cái vết của ông bà, mà hiểu chưa?

- Biết rồi, nhưng tại sao cây kiềng sắt?
- Con ma da không ai thấy, nhưng theo ông bà thì con da thân hình nó toàn là nhót. Nó rút chân người ta bằng hai bàn tay nhót của nó. Nhưng nhót thì kỵ với sắt. Nhót gặp sắt thì nhót tan. Vì nó có noi nên nó phải đeo cây kiềng sắt là vậy. Hiểu chưa?

Qua câu chuyện của Danh, tôi như cảm nhận được biết bao điều bí ẩn đang cuộn cuộn dưới dòng sông.

Nhà của Danh, ngôi nhà sàn nhỏ dưới bóng cây xoài, mái lá vàng, cửa nhìn ra sông, thật thơ mộng.

Chưa kịp bước lên chiếc cầu thang lên nhà, Danh đã gọi:

- Hiền, em ơi!
- Da... ạ...
- Ra đây tiếp khách.

Hiền, vợ Danh, xuất hiện trên sàn nhà, sau lan can.

Tôi chết đứng. Và Hiền, vợ của Danh, cũng chết đứng như tôi. Mái tóc dài run rẩy trước ngọn gió từ những lượn sóng hất lên người nàng.

- Hiền chính là Thu Hảo, là Chín của tôi trong quán bia.
- Chào chị Hiền - Tôi lấy lại bình tĩnh, lên tiếng trước.
- Dạ thưa anh, mời anh lên nhà!

Tôi theo Danh, găm mắt bước lên cầu thang, bụng rối bời.

Khi tôi và Danh ngồi vào ghế thì Hiền bưng khay trà đặt lên bàn.

- Đây là thằng Mạnh, bạn anh.
- Em nghe nhà em nhắc anh hoài, nay mới gặp. Anh ở chơi chừng nào về?
- Ghé thăm anh chị một chút tôi về.
- Hả? - Thằng Danh như giật mình, nhồm lên - Về ngay à?
- Tôi nay mình phải tiếp một phái đoàn kinh tế Xingapo.
- Nếu vậy thì có gì cho tụi anh lai rai đi em.

- Tiếc quá, anh không ở chơi lâu - Hiền nói, và chỉ một cái nhìn, chúng tôi biết chúng tôi phải làm gì: đóng kịch.

Hiền biến vào nhà sau. Hai chúng tôi vừa uống trà vừa ôn lại kỷ niệm. Sau một tuần trà, Hiền bung ra chiếc mâm thau, trên mâm: một đĩa khô sinh, một đĩa xoài tượng xắt lát mỏng, một chai rượu đế, hai cái ly.

- Hai anh lai rai trước, em đi bắc nồi cơm.

Hiền lại biến. Tôi biết Hiền muốn tránh mặt nhưng Danh thì lại muốn khoe vợ. Anh cứ giục Hiền nhanh tay, ra ngồi chơi. Rõ ràng là Danh muốn vợ mình cùng nghe câu chuyện của hai đứa. Đợi đến lúc Hiền rảnh tay, Danh mới rót rượu và gọi chuyện.

Nếu là trong quán bia thì Hiền cũng nâng ly, nhưng bây giờ thì:

- Mời hai anh!

Trước mắt tôi bây giờ, Hiền không đánh phấn, không thoa son, chân mày không vẽ hình cánh cung, mắt không đeo mi giả, cái vẻ đẹp sắc sảo giả tạo không còn nữa, trở nên đúng là một người vợ hiền của ông giáo.

- Lai rai đi. Sài Gòn có đủ cao lương mỹ vị, nhưng không có món này đâu.

Đúng như Danh nói, một miếng xoài tượng với một miếng khô sinh bắt mình phải uống cạn cả một ly, và uống thật sâu.

- Ôi ! Đẹp quá! - Tôi reo lên và đưa tay chỉ một cánh buồm đỏ thắm đang căng gió lướt qua giữa dòng sông.

Danh vừa nhìn theo cánh buồm vừa nói:

- Nhiều lúc mình nghĩ, nếu con sông này chỉ có tàu, có máy đuôi tôm mà không có cánh buồm thì con sông này đối với mình chẳng còn gì là thơ mộng, thật là vô vị, và nàng thơ sẽ bỏ chạy. Theo tao, nàng thơ đang sống và đang căng đầy trong cánh buồm, nàng như nhắc nhở với mọi người, nàng vẫn còn, và ta vẫn còn thơ.

Tôi liếc nhìn Hiền. Hiền nhìn chồng như đắm đuối. Hớp cạn thêm một ly,

Danh thao thao:

- Nhưng mày nên nhớ, người căng buồm không phải vì nằng thơ, mà vì không đủ tiền sắm máy. Cho nên nhiều khi tao nghĩ, cái nghèo là đất sống của cái đẹp.

Tôi chỉ cười. Danh tiếp:

- Tao biết tao nghĩ vậy là lẩn tránh, hoặc là tao chưa đủ lý, chưa đủ lòng để diễn đạt ý nghĩ của tao.

- Hai anh lai rai đi, nói hoài - Hiền nhắc.

Không ngờ từ cái vẻ đẹp của cánh buồm loay hoay thế nào lại chuyển sang chủ đề về đạo đức.

- Gần đây đọc báo của thành phố, tao thấy buồn?

- Vì cái gì?

Cám ơn các nhà báo đã báo động về sự suy thoái của đạo đức, nhất là nạn mãi dâm, mãi dâm công khai và mãi dâm trá hình của các quán bia ôm, cà phê ôm, đủ thứ ôm, nghe đâu có cả thịt chó ôm nữa, hết nước.

Tôi chớp mắt nhìn Hiền. Hiền quay mặt nhìn ra sông.

- Thôi thì cũng tại cái nghèo.

- Không ! - Danh dần ly rượu, cơn giận như bốc lên, mặt anh bừng đỏ - Tao không chấp nhận. Nếu nói vì nghèo mà ôm này ôm kia thì cả dân tộc này làm nghề "ôm" hết. Trong đời có bao nhiêu cách sống, sao chọn bia ôm?

Nghèo thì mò cua bắt ốc!

Hiền bật đứng dậy:

- Em vô coi nồi cơm.

Tôi cầm ly rượu, nâng lên:

- Uống đi!

Hai đứa cùng cạn ly.

*

* *

Một tuần sau, tôi nhận được thư của Danh báo tin: Hiền đã chết.

Chiều hôm đó trời chạng vạng. Vợ tao ra sông tắm. Đâu có ngờ, Hiền không trở lên nữa. Cả xóm đổ xuống sông, mò lặn khắp nơi. Ba ngày sau, Hiền mới nổi lên. Vợ tao chết vì con ma da. Nếu tao biết cho vợ tao đeo cây kiềng sắt như đứa nhỏ có noi thì đâu đến nỗi...

Tôi gục đầu, đập tay xuống bàn, hét lên:

- Con ma da ấy là tao! Tao ! Tao!

Hết

Nguyễn Quang Sáng

Con mèo của Foujita

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà danh họa Foujita, người con của đất nước Phù Tang, những nhà chơi tranh, mua bán tranh trên thế giới đã nhào nhào chạy săn lùng tranh của Foujita. Dò theo bước đường phiêu lưu của ông, giới sành tranh biết rằng ở Việt Nam đang còn vài bức của ông. Từ Mỹ, từ Pháp, từ Úc, từ Ca-na-đa... bằng thư hoặc bằng điện, họ gửi về những nhà mua bán tranh ở Việt Nam, bằng mọi giá phải tìm mua cho được tranh của Foujita, đặc biệt là tranh con mèo. Trên thế giới, họa sĩ nào cũng có một nét độc đáo, mang theo dấu ấn tài nghệ của mình. Nét độc đáo của Foujita là nét vẽ con mèo.

Tôi may mắn là người chứng kiến cuộc săn lùng này. Từ Sài Gòn có người bỏ tiền túi đi tàu tốc hành ra Hà Nội. Cao hơn và nhanh hơn, có người đi máy bay. Trong thành phố Sài Gòn thì những chiếc hon-da chạy như ma đuổi, họ đến các cửa hàng ở Đồng Khởi, vào các ngõ ngách của những nhà chơi tranh. Cuối cùng tất cả đều trở về với hai bàn tay không, lơ lảo, lắc đầu, gian nan hơn mò kim đáy biển.

- Vậy bức tranh con mèo của Foujita đang ở đâu ?

- Đang nằm trong tay tao chứ ở đâu mậy ?

Thằng bạn của tôi ngược mặt cười đắc thắng. Thằng Nam, Nguyễn Thành

Nam, người có tiếng trong giới làm ăn đất Sài Gòn, nó cười từ dưới bụng cười lên, hai hàm răng há to. Thấy cũng chưa đủ, nó thêm:

- Ai trồng khoai đất này? Mày có nhớ chuyến đi Hà Nội vừa rồi của ta không ?

- Nhớ.

Mỗi lần Nam đi đâu xa, tôi cũng biết trước đôi ba ngày và trước khi đi bao giờ hai đứa cũng ngồi uống với nhau. Còn lần đó, Nam gõ cửa lúc tôi còn ngái ngủ.

- Có việc gì vậy Nam ?

- Tao đi Hà Nội.

Tôi sững mặt:

- Đột xuất.

- Có vé chưa ? - Tôi hỏi.

- Chưa. Nhưng lo gì. Nó có cất cánh thì tao cũng ngoắc nó trở lại rước.

- Cần tao đưa ra sân bay không?

- Khỏi. Xe đang đợi tao.

Mặc dầu chưa có vé, nó vẫn bay chuyến đầu tiên. Nó có cách của nó. Và tôi nghĩ, nếu con người không có tính cách như nó thì không thể nào thắng được cuộc đua này.

Tôi với nó là bạn lâu đời. Năm 1948, sau ba năm kháng chiến chống Pháp, hai đứa gặp nhau trong một ngôi trường nằm ở mé rừng U Minh, bên những con kinh nước ngâu đỏ: trường bổ túc văn hóa dành cho thanh thiếu niên từng tham gia kháng chiến. Tình cờ hai đứa cùng quá giang xuống về đất U Minh.

- ở đâu về? - Tôi hỏi.

- Bộ đội.

- Đi bộ đội được mấy tháng ?

- Sao lại mấy tháng. Hai năm, từ bốn sáu.

- Năm nay bao nhiêu?

- Mười sáu.

- Ham vui dữ ha !

Nó trợn mắt:

- Ê ! Sao lại ham vui ! Yêu nước đảng hoàng.

- Lính văn phòng hay ra mặt trận?

Nó lại bực, nói như hét:

- Sao lại văn phòng?

Nó có mái tóc hơi gọn sóng, mắt sâu, mặt hơi vuông, tỏ là người gan góc, vàng trán cao, rắn chắc nhưng lại nhỏ con. Tôi nhìn khắp cả người nó, biết tôi không tin, nó bực:

- Thấy mày nhìn tao, tao biết mày không tin, không tin tao vác nỏ cây súng phải không?

- Ờ...

- Đúng là tao không vác nỏ cây súng.

- Bộ đội mà không vác nỏ cây súng thì làm gì?

- Còn hơn cầm súng.

Tôi trố mắt:

- Truyền tin của chỉ huy, làm liên lạc, biết chưa?

- Học xong lớp mấy rồi đi bộ đội?

- "Xéc-ti-fi-ca".

- Ở trường học có khá không?

- Không bao giờ dưới hạng năm. Học "buộc".

- Học có lương.

Biết nó đậu hạng cao trong kỳ thi này, tôi bắt đầu ngán nó. Hỏi ra thì hai đứa cùng đẻ năm Mùi. Vào trường, hai đứa ngồi chung bàn. Suốt hai năm, hai

chiếc giường sát bên nhau, chia nhau từng miếng ăn, mặc cả quần áo của nhau, hiểu nhau từng chân tơ kẽ tóc, tưởng không rời nhau.

- Sao sáng hôm đó, mày không nói đi tìm tranh Foujita?

- Mèo rình chuột, tao thì rình mèo, nói sao được!

Rồi nó hào hứng kể lại với tôi:

- Tao bay ra Hà Nội bất thường như vậy, tất nhiên là phải giá cao. Tới Hà Nội, tao bao ngay một chiếc xe. Nên nhớ không phải là bao xe hơi đâu, tao thuê một chiếc xích lô, với giá cao gấp ba lần. Trước nhứt là gặp các đệ tử ngay trong buổi sáng hôm đó. Tao biết ngày xưa, trước khi Nhật đổ quân vào Đông Dương thì đã có người đi trước rồi. Người đi trước là ai? Tình báo gián điệp?

- Tất nhiên ! Ngoài ta còn ai nữa? Văn hoá và thể thao. Trong số đó có nhà danh họa Foujita. Khi ông ta đến Hà Nội, tao đoán chắc không thể nào khác, ông ta phải chơi với một vài họa sĩ Hà Nội. Đúng boong như vậy. Foujita đã kết bạn với một họa sĩ. Đã là bạn bè, thì thể nào tranh của ông ta cũng còn đó. Đó là thắng lợi đầu tiên của tao. Nam không tập kết ra Bắc, nhưng Nam biết và hiểu Hà Nội hơn tôi, mặc dù tôi ở Hà Nội đến mười hai năm. Ngày trở về Sài Gòn, tôi nhớ nó, muốn tìm, nhưng chẳng biết nó còn sống hay chết, ở đâu.

Bất ngờ nó đến nhà tôi vào một buổi chiều mưa. Từ năm 1954 đến năm 1975, hai mươi một năm, tuổi hơn bốn mươi, hai thẳng tóc đã điểm bạc. Chúng tôi "à" lên một tiếng rồi ôm chầm lấy nhau.

- Mày còn sống? Tôi hỏi.

- Cũng tưởng là chết. Cũng tưởng mày chôn vùi đâu đó trên chiến trường. Chuyện dài lắm. Tao biết mày quá bận rộn việc nhà và đang "truy lùng kỷ niệm" phải không?

- Mày đi guốc trong bụng tao.

Đứng ngay trước cửa, chưa kịp vào nhà, mái tóc dợn sóng của nó rũ dài xuống qua cơn mưa.

- Tao trước sao, giờ vẫn vậy. Nếu không có sự trục trặc và cần mầy thì bữa nay tao chưa tới. Trước là nhờ, sau mới thăm. Tôi cảm động trước sự chân thật của nó.

- Vào nhà đi rồi nói.

Vào nhà, nó vẫn không cởi áo mưa.

- Tao bây giờ là phó thường dân Nam Bộ. Còn mầy vừa là dân tập kết vừa là dân ở R về, mầy có thể hơn tao. Tao sắp có một chuyến đi, nhưng phường khóm, chẳng mấy người biết tao. Thấy nhà tao giàu - ê tao giàu lắm nghe - họ nghi tao là ngụy. Tao khai lý lịch, trước là Vệ quốc đoàn, từ năm 1950 đến trước ngày tập kết, tao là cán bộ của Phòng tham mưu phân khu miền Tây Nam bộ, họ không tin. Tao lại sơ ý, tao viết tắt P.L.K.M.T. - cắt nghĩa thế nào họ cũng không hiểu. Tao nghĩ phải dè tao đi tập kết như mầy! Mà mầy biết tại sao không đi tập kết hay không?

- Lúc đó lu bu quá, tao phải đón gia đình. Ra Bắc tao có tìm mầy, sau mới biết mầy ở lại. Tao thắc mắc hoài không hiểu tại sao.

- Có mẹ gì đâu. Tao cũng muốn đi, nhưng tao lỡ hứa hôn với một con nhỏ. Tao xin cho nó đi, nhưng nó không đủ tiêu chuẩn. Tao cũng không đủ tiêu chuẩn cho vợ cùng đi. Mầy nhớ không, lúc đó, cấp tiểu đoàn trưởng, tức là cấp đại úy bây giờ mới có tiêu chuẩn, còn tao, tao là thằng lính quèn.

- Bây giờ vợ con ra sao?

- Thôi đừng hỏi. Tất nhiên, sau đó, tụi tao làm đám cưới, hai đứa kéo nhau về Sài Gòn. Có một đứa con, tao bị bắt. Sau năm năm ra tù bả đi với thằng khác. Trái đất như sụp dưới chân tao. Tao độc thân cho đến bây giờ, nhưng đừng thương hại tao. Thằng có vợ chỉ biết một người đàn bà, còn thằng độc thân như tao thì không biết bao nhiêu là đàn bà. Chuyện này tao có lỗi với

Cách Mạng... ha... ha ! - Nó bỗng cất giọng cười, cười mà nghe chua xót. Tôi nhận ra nỗi buồn trong đôi mắt của nó. Mắt đang sáng rực bỗng như có đám mây che. - Từ đó tao mới ngẫm ra một điều: tình yêu ! Một trăm người đàn bà mà mình không yêu, mày ạ ! Nhưng thôi - Vừa nói, Nam vừa móc trong túi áo bản lý lịch - Mày xác nhận cho tao, mai lấy mộc cơ quan đóng vô, được hôn?

- Đâu có gì khó.

- Thôi, bữa khác nói chuyện nhiều, bây giờ tao phải đi.

- Mày đi bằng gì, máy bay?

- Không ! Máy bay bây giờ chưa bán vé, phải đi bằng giấy giới thiệu. Tao thì ai giới thiệu, tao đi bằng xe hơi.

- Xe đồ?

- Đâu. Xe của tao. Và tao lái. Mày tưởng tao không có xe hơi, tao không biết lái à?

- Mày lái từ đây ra Bắc?

- Đồ com sườn. Thôi tao về - Nó đứng dậy, không ra về ngay mà nói tiếp: - Mày biết lúc hai vợ chồng tao về Sài Gòn tao sống như thế nào không. Ở đậu trong một cái chuồng heo ở Xóm Củi cái chuồng heo nghĩa địa. Tao thuê cái chuồng heo cũ, rồi đắp nên làm vách, lợp mái, kê vài miếng ván chớ không có được một cái giường. Mày có tưởng nổi, nhỏ con như tao mà khi nằm, hai cái chân cũng thò ra ngoài vách. Nhiều lúc nghĩ đến những thằng tập kết như tụi mày mà phát ghen. Có một đêm mưa đầu mùa phân heo lâu đòir dưới cái nền đất bốc dậy lên muốn bẻ đầu. Tao bật ngời dậy. "Đ.má nó, tao phải làm giàu!" Coi như đó là lời tuyên ngôn của tao. Tao sẽ trả thù cái xã hội Sài Gòn này không phải bằng súng đạn mà bằng đồng tiền. Nghe tao hét, vợ tao giật mình ôm lấy hai vai tao: "Thôi anh đừng mơ. Cái thân người kháng chiến ở đất này, trước hết là phải biết trốn anh à. Như vậy cũng được

rồi!" Lúc đó tao chợt nghĩ "túp lều tranh với hai quả tim vàng" chỉ có giá trị trong thơ mà thôi mà ạ ! Thôi chuyện còn dài lắm, đi Hà Nội về sẽ kể tiếp... Chuyến đó, từ Hà Nội về, nó đến tôi, mặt mày rạng rỡ:

- Tao có một cái tánh xấu không sửa được là hay chơi trội! Mày có biết bài hát Nối vòng tay lớn của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không ? Từ Bắc vô Nam... Ông ta mơ, ông ta hát, còn tao thì đi trước. Chỉ nghĩ đến vậy là tao đủ thấy sướng rồi.

- Thấy miền Bắc ra sao?

- Tuyệt ! Đẹp, đẹp, đẹp không bút mực nào tả nổi. Đúng là đất cội nguồn của dân tộc. Tao nghĩ là tao đi chơi cho thỏa chí, không ngờ lại có lời, lời to, to hơn cả một chuyến buôn...

Đúng là thời vận mày ạ ! Trên đường ngao du, tao dừng xe ghé vào trụ sở của một cơ quan để hỏi thăm đường. Bất ngờ tao thấy ba cái lọ lục bình thời Khang Hy để trên một cái tủ. Ba cái lọ như hút hết tâm trí tao. Nhìn cái màu men, tao biết cái màu này đã thắng cả thời gian. Tao hỏi thăm, không ngờ ông thủ trưởng cơ quan bảo với tao:

- Anh hỏi cái của nợ ấy làm gì?

- Sao là của nợ? - Tao ngạc nhiên, hỏi lại.

-Có gì đâu, lúc Mỹ đánh bom, trên cho mấy cái bình sơ tán về đây. Hòa bình lập lại, chúng tôi có gởi công văn xin trả mà mãi đến nay họ chả nói gì.

Không phải của nợ thì là cái gì. Ô, ông đi chiếc xe đẹp quá. Xe nước nào vậy

- Ông thủ trưởng chợt nhìn ra sân thấy chiếc xe của mình, bèn tấm tắc:

- Xe của Nhật.

- Thế đấy. Cho tôi xem qua một chút nhé.

Miền Bắc đang hè, nóng như lửa táp - Xe có máy lạnh, khi ông bước vào xe, ông kêu "Sao mát thế ông ? Mát như trời lập đông, thích thật...".

Đưa ông ta bon bon trên đường cái, tao hỏi:

- Đồng chí có thích xe này không? Nếu đồng chí thích thì tôi để xe này cho đồng chí, còn tôi, tôi xin lấy ba cái bình gốm của đồng chí.
 - Ông đổi chiếc này với ba cái của nợ ấy à?
 - Vâng!
 - Đùa hay thật đấy đồng chí miền Nam?
 - Ai lại đùa với đồng chí thủ trưởng.
 - A ! Hay đấy nhỉ ? Được ! Đêm nay đồng chí nghỉ đâu?
 - Tôi muốn nghỉ ở khách sạn.
 - Khách sạn làm gì, về nhà khách chúng tôi mà nghỉ. Sáng mai họp cơ quan, tôi lấy ý kiến tập thể.
 - Đồng chí không quyết được à !
 - Sao lại không, nhưng tôi muốn tập thể cũng chịu trách nhiệm.
- Tao phập phồng suốt cả đêm, cứ mơ ba cái lục bình thời Khang Hy.
- Sáng hôm sau, chẳng biết ông họp vào lúc nào, mình đang còn nằm trên giường, bỗng nghe tiếng gõ cửa, tiếng gõ cửa dồn dập hồi hả. Tao vừa bước chân xuống giường, cửa đã bật ra. Ông ta vừa thò đầu vào cửa đã reo:
- Nhất trí trăm phần trăm đồng chí ạ!
- Thế là tao để chiếc xe lại, tao bay về.
- Mà khiêng ba cái lục bình ấy về!
 - Đòi nào tao chịu vất vả như vậy. Tao nhờ một nhân viên của ông ta đóng thùng, rồi nhờ cả người của ông ta áp tải bằng tàu biển vào tận bến. Mọi sở hụi tao chịu hết. Cậu nhân viên của ông được vào Sài Gòn, không phải tốn một đồng xu, cậu ta mừng hết lớn. Tao đã về cả tuần nay rồi, nhưng chưa đến mây là vì ba cái lục bình.
 - Tới chưa?
 - Rồi, hồi chiều qua. Tao đền ơn đáp nghĩa cậu nhân viên áp tải đó bằng một bữa tiệc ở khách sạn. Thật tội nghiệp. Cậu ta không hiểu mình đang ở đâu

nữa. Khi cậu ta vừa xong chén cơm thì cô phục vụ mặt mày son phấn, dầu thơm sực nức, chực một bên, hai tay nâng lấy cái chén, xúc cơm cho người ta. Mày biết cậu ta cảm tưởng sao không?- " Bữa nay em như là vua bác ạ!".

- Ba cái lục bình so với giá trị chiếc xe hơi của mày thế nào?

- Giá trị phải bằng năm chiếc xe của tao. Nó lại còn lờ ở chỗ này. Nếu tao mang xe về, phường khóm sẽ dòm ngó, bị quy là tư sản, muốn yên thân thì phải hiến. Còn ba cái lục bình đó, họ coi là ba cái bình bằng đất... Đó, chuyển đi đầu tiên của tao ra Hà Nội là vậy.

- Mày biết xem đồ cổ?

- ở cái đất Sài Gòn này, tao không dám xưng là sư, nhưng dám nói là bậc thầy.

Tôi đưa tên một nhà nghiên cứu, tác giả nhiều quyển sách viết về đồ cổ nổi tiếng ở đất Sài Gòn hỏi nó:

- Mày với ông ta, ai hơn ai?

- Khó nói, cũng không nên so sánh. Rất khác nhau. Đứng trước một món đồ cổ nào đó, ông ta nghiên cứu rồi ông ta viết. Nếu ông ta nhìn sai, viết sai, ông ta chẳng mất gì, có thể đính chính được. Còn tao, tao ấy à, khi tao nhìn nó là tao phải mua và phải bán. Nếu tao đánh giá sai, tao sẽ mất, mày nhớ là mất không nhỏ đâu. Trí tuệ của ông ta để ra chữ, còn trí tuệ của tao thì để ra tiền.

- Mày học nghề này từ lúc nào?

- Chẳng qua trường lớp nào. Kể cũng dài. Lúc tao vào tù. Ờ, mày biết tao bị bắt không?

- Sao?

- Nhớ thằng Điền ngồi dưới tao với mày một bàn chưa? Nhớ hả? Nó bị bắt, chịu không nổi, nó khai tao. Tội nó bắt cũng lạ. Tao đi trên vỉa hè. Suốt mấy năm đầu ở Sài Gòn, tao toàn đi bộ. Đi bộ để nhìn đời sống, để hiểu nhu cầu

của người dân. Nhờ đó mà tao phát.

- Phát như thế nào?

- Chuyện bị bắt kể sau, còn chuyện đi bộ, có chuyện như vậy. Một hôm tao ra chợ Cầu Ông Lãnh mua một con cá lóc để kho tiêu cho vợ. Bả vừa mới sanh thằng con trai. Con cá lóc gần hai ký, bằng cái bắp chuối của tao. Xỏ sợi dây lác qua mang cá, tao xách toòng teng. Lăn quần thể nào, tao tạt vô chỗ bán cá lia thia. Người chơi cá cứ dục đầu vào cái keo con cá xiêm. Con cá Xiêm xoè cánh rực rỡ. Tao nghe người ta trả giá mà hết hồn: Bảy chục, rồi tám chục, chín chục. Thằng cha bán cá vừa đưa tay chém xuống một cách dứt khoát: "Một trăm! Không bớt một đồng xu". Con cá lóc trong tay tao, lớn bằng bắp chuối, chỉ có hơn hai đồng. Còn con cá lia thia này lớn không bằng ngón tay cái mà một trăm đồng. A ha ! Hoá ra là đồ chơi mắc hơn đồ ăn. Tao bỗng như bừng tỉnh. Muốn làm giàu phải bán đồ chơi chứ không bán đồ ăn mày ạ ! Nói rộng ra là phải lăn lộn trong thị trường văn hóa. Sản phẩm văn hóa là những món hàng vô giá. Từ đó tao nghĩ đến sách, đến tranh, đến đồ cổ... Sau đó, tao làm đầu nậu phát hành sách. Sách gì có lời nhứt mấy hiểu không ? Sách cho trẻ con. Móc túi trẻ con dễ hơn móc túi người lớn. Tao bắt đầu khá lên từ đó, rồi tao thuê nhà ngoài mặt tiền. Tao như người tìm được cái đầu mới của đời sống xô bồ của đô thị Sài Gòn. Cứ vậy mà phăng, phát lên chẳng mấy hồi.

- Trở lại vụ bị bắt đi.

- ờ... Tao đi.. Có hai thằng mang kiếng đen cứ kè kè theo. Tao đâm nghi, định lách nhưng chưa tìm được một hẻm nào. Bỗng một thằng gõ lên vai tao bằng hai ngón tay. Quay lại tao đã thấy nó đưa cái thẻ Tổng nha cảnh sát. Cái thẻ nằm trong lòng tay nó, kiêu như nó chào mình. Nó bắt tao nhẹ nhàng lịch sự như vậy. Rồi nó vẫy gọi tắc xi. Tức mình không biết nói gì, tao bảo: "Nè, thằng nào kêu tắc-xi, thằng đó trả tiền nghe". Nó nhìn tao, bạnh môi,

cười rất đều.

- Tôi bị tội gì ? - Lên xe, tao hỏi.

- Ở trong, anh em đồng chí của anh đông lắm. Hôm qua mấy chả hợp chi bộ, thiếu anh, có người nhờ tôi đi tìm.

Vậy là mình bị khai. Vào tù gặp thằng Điền, chính nó khai tao. Nó bảo như vậy mày nghe có được không? "Để mày ở ngoài tao sợ mày hư". "Tao hư hồi nào?" "Sắp làm tư bản mà không hư à? Vào đây để mà rèn luyện. Nhà tù là trường đại học của Cách mạng, mày quên à?". Giận mà phát tức cười.

Vào tù, không ngờ gặp ông thầy dạy chữ nho, tao bắt đầu học tiếp. Đây mày coi.

Nó đưa ngón tay trở cho tôi xem.

- óc tay của tao nhăn lì hết rồi. Mỗi lần học là mỗi lần tao liếm ngón tay này viết xuống nền xi-măng của nhà tù. Tao học gần hết chữ của ông thì tao ra tù. Từ đó thấy chỗ nào có chữ Hán là tao đọc. Tao đọc chữ Hán trên các đồ cổ. Tao đọc tiểu thuyết của Quỳnh Dao, của Kim Dung qua chữ Hán. Thấy ăn, và cũng phải nói là tao thấy vô hại, tao vừa tổ chức dịch, vừa in, vừa phát hành. Sau, tao mua nhà in và vân vân... Người ta có tiền người ta mua vàng. ở đất Sài Gòn này ngày trước, giới mua vàng là giới không biết làm ăn, là giới nhà giáo, giới công chức. Nếu tiền của tao mà để mua vàng thì hôm nay, vàng của tao phải cao bằng cái cột đèn ở ngoài đường. Lịch sử sang trang, những thằng như tao bị phá sản, còn giới mua vàng giữ làm của thì bây giờ lại phây phây.

Ngoài những chuyện Nam kể với tôi, tôi còn biết về Nam khỏi chuyện do bạn bè kể lại. Giới làm ăn ở đất Sài Gòn cũ nhắc đến tên Nam vừa ganh vừa phục. Trước năm 1975, Chợ Lớn có một phòng tranh cổ Trung Quốc, gồm những họa sĩ nổi tiếng của Trung Quốc như Từ Bi Hồng, Tề Bạch Thạch, Nhiệm Bá Niên, Cao Kỳ Bội, Văn Trung Minh, Mẫn Thộ Bình...

Những bức tranh thủy mặc, non nước hữu tình, những bức tranh vẽ khỉ, vẽ ngựa, vẽ chim, vẽ cá, tôm... Giá tranh quá cao, không ai với tới. Đến ngày đóng cửa, tưởng không bán được bức nào thì Nam xuất hiện. Tự mình lái chiếc To-ya-ta, Nam dừng lại trước cửa, ăn mặc xềnh xoàng, quần tay xám, áo sơ-mi trắng, không áo vét, không cà-vạt. Liếc qua giá cả, tính toán một lúc, sau cùng Nam gọi chủ phòng tranh tới, khoát một vòng tay:

- Tôi lấy hết.

Chủ phòng tranh tưởng mình nghe nhầm, miệng há hốc:

- Ha ! Cái gì ha!

- Tôi mua hết, rõ chưa? Gói lại đem lại nhà tôi, rồi ra nhà băng lấy tiền.

Phòng tranh dọn sạch ngay ngày hôm ấy. Có người cho Nam là gàn, có người bảo anh điên.

- Tao không điên, cũng không gàn. Theo dõi tình hình chiến sự, tao thấy Mỹ đã rút rồi, tao chắc mẩm ngụy sẽ nhào. Nó nhào, tao hỏi mày, đồng tiền của nó để làm gì? Cho nên, làm kinh tế không tách rời chính trị là vậy, mày rõ chưa nà!

Sau này, những bức tranh của Nam đối với người đi nước ngoài bỗng trở nên quý hiếm đến kỳ lạ. Có bức người ta trả đến mười, mười hai cây vàng, mà cái vốn của Nam chỉ trên dưới một cây.

- Người ta dám mua, trước nhất là nó quý, cái giá trị của nghệ thuật không có giá nhứt định, là cái giá tùy thời, tùy tâm. Cái gì mà thích rồi, bao nhiêu mà chả được. Thứ hai, nếu người ta đi mang vàng đi hoặc không lọt, hoặc không tiện, Còn một bức tranh, chỉ cuộn lại một cuộn, cầm tay, thật nhẹ nhàng. Nếu nhà chức trách có để ý, có hỏi thì bảo là kỷ niệm của ông bà. Bức tranh ấy đem ra ngoài, nếu gặp thời, họ sẽ bán gấp đôi gấp ba. Có lời đó, nhưng không phải bức nào tao cũng bán. Mày biết tao, tao là thằng vừa mua bán tranh lại vừa mê tranh. Bán đi một bức là lòng tao bị mất đi một cái

gì đó rất đau. Tao cứ nhớ, cứ tương tư...

Trở lại bức tranh con mèo của Foujita, tôi hỏi:

- Sao mày thích bức tranh con mèo của Foujita?

- Người không biết Foujita thì phải loại ra danh sách người chơi tranh. Một cái núi cao của phương Đông. Tao biết Foujita từ lâu nhưng chuyển đi vừa rồi, kể cũng tình cờ. Tên ông ta là Foujita Tsuguhara, tên thánh là Lê- ô- na. Sinh năm 1886 tại Tô-ky-ô, mất ở Duy-rích- Thụy Sĩ năm 1968, vừa là họa sĩ vừa điêu khắc gia Pháp gốc Nhật. Thành công và nổi danh tại Pa-ri từ năm 1915 với đường lối nghệ thuật vừa hiện thực vừa bay bổng thơ ca. Ông kết hợp hai phương pháp ấy một cách nhuần nhuyễn và tài tình. Người ta gọi ông là Pi-cát-xô của phương Đông. Nè, tao nói đây là nói theo tự điển La-rút đấy nhá! Năm 1941, Foujita sang Đông Dương, mở một phòng triển lãm tranh tại Hà Nội cùng với nhiều họa sĩ Nhật. Cuộc triển lãm đó có in ca-tơ-lô nhỏ để tặng cho khán giả. Lại là ông ghi tên trước cái dấu ấn 1 đồng bạc tiền Đông Dương, bìa sau của ca-tơ-lô ông vẽ hình một con mèo bằng bút máy. Bìa ngoài ca-tơ-lô có in hình một con mèo nhiều màu của ông, bức đó nằm trong bảo tàng của Nhật. Với con mèo, người ta thường nói " Trong như mắt mèo..." thể hiện cái chất trong của mắt mèo qua nhiều trạng thái bằng chất liệu thủy mặc, trên thế gian này chẳng có mấy ai? Do đó mà cho đến ngày giờ này, ngôi vị vua vẽ mèo không họa sĩ nào thay được.

- Sao không vẽ con gì dễ thương hơn mà vẽ con mèo?

- Đó chính là ẩn số, là bí quyết của tâm hồn người nghệ sĩ. Tao cũng đã tự hỏi như mày. Trong số thú vật nuôi trong nhà, so với con chó thì nó không dễ thương bằng. Với con chó, mình đi đâu về, nó mừng, còn con mèo thì nó đứng đưng. Và nó còn có nhiều cái đáng ghét nữa. Đến mùa động dục của nó, nó cứ gào cứ ré lên trên mái nhà, đuổi bắt nhau, gặm gừ cầu xé giành gái, rồi kêu rú lên nghe lạnh đến xương sống, gây náo động cả xóm. Nhưng

khi rình mồi thì nó nhẹ như cái bóng, nó như nhà y-ô-ga đã luyện đến mức thâm hậu, nó nén cả hơi thở, nó dồn hết tinh lực vào bên trong, để cho con mồi tưởng như trên đời này không có cái loài gọi là mèo, rồi bất thần nó phóng tới. Con mồi không kịp phản ứng, hồn vía như rời khỏi xác. Bắt được mồi rồi, nó chưa vội ăn, nó còn vờn, còn giỡn, thả rồi bắt, bắt rồi thả, nó vui trước sự sợ hãi của con mồi. Aác! Nhưng con mèo của Foujita thì rất dễ thương. Ông đã vẽ nhiều con mèo chơi giỡn với nhau, chơi giỡn với đồ vật, rất dễ thương. Dễ thương đến nỗi, con mèo đâu mà chẳng có, thế mà cái giới sành tranh cả năm châu đều nháo nhác đi tìm mèo của Foujita. Có lẽ hồn nghệ sĩ của ông có sức làm mờ, làm mất đi cái xấu, cái ác của mèo, và ông chỉ thấy cái đẹp và nâng cao cái đẹp ấy, đó chính là tâm hồn của ông. Tâm hồn của người họa sĩ là tâm hồn của dân tộc. Tâm hồn của Foujita là tâm hồn của phương Đông trong ngòi bút tài hoa của ông. Từ đó, đôi lúc tao nghĩ, hình như người nghệ sĩ không chấp nhận cái xấu. Mà cái xấu và cái đẹp lại song song tồn tại với con người. Và đó là bi kịch của người nghệ sĩ? Chính vì con mèo của ông mà tao đi Hà Nội, sau khi đài BBC báo cho biết năm nay là năm kỷ niệm trăm năm ngày sinh của ông. Ra Hà Nội tao tìm ngay nhà của một họa sĩ mà ngày xưa đã kết bạn với Foujita, ông đã mất, chỉ còn con cháu. Tao nhờ một đệ tử đưa đến chơi, không ngờ người con cả của họa sĩ biết tao. Thế mới chết!

- Người ta biết mình là may, sao lại chết?

- Vậy là mày chưa hiểu. Người ta thường biết tao là biết ở điểm này: tao là thằng giàu, mua cái gì cũng cao, bán món gì cũng cao. Món nào tao hỏi mua có nghĩa là món đó là đồ quý. Biết vậy tao phải đánh lạc hướng. Tao nói:

- Bữa nay nhân tiện ở Sài Gòn ra chơi, tôi muốn kiếm ít món đồ cổ nhỏ nhỏ như chén đĩa, ấm trà làm kỷ niệm.

Chủ nhà:

- Mấy món đồ nhà em không có, chỉ có vài bức tranh.
- Về tranh thì tôi đốt, người tài bao nhiêu thì tranh của họ khó hiểu bấy nhiêu.

- Tranh nhà này là tranh của bậc tài danh nhưng không khó hiểu.

Tao lại đánh trống lảng:

- Cậu biết đâu có chén đĩa cổ thì chỉ giữ.
- Nếu bác muốn tranh thì em đưa bác đi. Còn món ấy thì em chịu.

Tao làm bộ đứng dậy ra về rồi quay lại chọt nói:

- Về Sài Gòn, tôi sẽ giới thiệu người chơi tranh với anh.
- Được thế thì tốt quá.
- Cho tôi xem qua để tôi biết mà giới thiệu.
- Vâng, vâng ạ!

Anh chủ nhà mừng rồi rít. Nhìn ba bức tranh của Foujita trải ra trên chiếc giường ngủ, tao muốn đứng tim. Đúng là tranh của Foujita rồi. Một bức thiếu nữ Hà Nội, một bức cô con gái người Âu, bức thứ ba, đúng là bức các nhà chơi tranh thế giới đang săn lùng, bức con mèo. Tao xem một cách thờ ơ, cũng không hỏi giá cả.

Sao không để làm kỷ niệm mà bán? - Tao hỏi.

Chúng em đang cần tiền để chữa nhà bác ạ. Nhà phải lên tầng mới đủ chỗ nằm. Tao không nói gì thêm, không hứa hẹn điều gì. Sáng hôm sau, tao tức tốc bay về Sài Gòn. Tao chọn một cô gái vốn là đệ tử của tao, một cô gái không diêm dúa, không sang nhưng cũng không quê mùa, nhìn qua thấy là một người biết làm ăn, không lanh lẹ, chân thật nhưng không khờ. Nữ đệ tử tao bay ra Hà Nội ngay ngày hôm sau và đến nơi ngay trong buổi sáng.

Vào nhà, sau vài lời chào hỏi, cô nhìn lướt qua mấy bức tranh treo ở nhà ngoài cùng của Nhật nhưng là những phiên bản và cũng tầm thường: cô gái Nhật trong trà thất, cô gái Nhật cầm cây đàn. Cô hỏi mua, mua với giá gấp

đôi của chủ. Bán được mấy bức tranh vớ vẩn với giá hời, cả nhà đều vui vẻ. Vậy là cả nhà sẵn sàng cho cô xem những bức tranh quý của Foujita. Người bán thì tán, người mua thì chê, sau một hồi ngã giá, cô lấy hết cả ba với giá một cây rưỡi.

Đời tao có bao giờ ra sân bay đón ai đâu. Thế mà tao đã ra tận sân bay đón ba bức tranh của Foujita. Tính ra, kể cả sở hụi đi về và ăn ở, ba bức của Foujita chỉ có hai cây. Tao sướng cả đời! Mày đến tao tối nay.

Nhìn bức tranh cô gái Hà Nội của Foujita, tôi bỗng nhớ lại những gương mặt các cô Hà Nội mà tôi quen hoặc tình cờ gặp trên những con đường thơ mộng trong tiết thu. Tôi giật mình trước đôi mắt của cô gái người Âu, đôi mắt như đang nhìn tôi, đôi mắt như gặp tôi lần đầu, đôi mắt như muốn dò hiểu tâm hồn tôi. Lạ thay, từ đó, tôi nhớ đôi mắt qua nét vẽ của Foujita hơn đôi mắt thực của người đời. Và bức thứ ba: con mèo. Con mèo với thể đứng đang nhìn lại. Tôi như nghe tiếng " meo" từ trong nét vẽ của cái thể đứng con mèo. Đôi mắt của con mèo vừa trong, vừa xanh, vừa lung linh. Đôi mắt lim dim như đang nghĩ ngợi đến điều gì sâu xa lắm và bộ râu của nó như nhúc nhích với đôi môi chúm chím như cười...

- Có đã không?

Tôi gật đầu.

Chừng vài tháng sau, những nhà sưu tranh của Foujita rồi cũng biết người chủ của những bức tranh quý ấy bây giờ là ai.

Một hôm, người bạn họa sĩ nổi tiếng ở đất Sài Gòn vốn cũng quen với tôi, đến tìm tôi:

- Nghe nói anh quen với anh Nam?

- Bạn học từ nhỏ.

- Vậy là may cho tôi.

- Sao?

- Tôi nghe nói ông Nam có mấy bức tranh của Foujita?
- Có, tôi có xem.
- Vậy là đúng rồi. Tôi muốn nhờ anh giới thiệu tôi với ông Nam.
- Để xem tranh?
- Không. Một người bạn ở Pháp có gởi thư về nhờ tôi tìm mua cho một bức.
- Thì cứ đến thẳng ông ta.
- Không được, tánh ông ấy tôi biết. Nếu không có người báo trước, ông ta hoặc không tiếp, hoặc lắc đầu bảo ông không biết ông Foujita là ông nào... Tôi đã giúp người họa sĩ mua tranh này gặp Nam. Nam bán bức tranh thiếu nữ Hà Nội với giá hai cây. Còn bức cô gái người Âu, Nam gởi ra nước ngoài, nghe nói để bán đấu giá. Còn bức con mèo, Nam vẫn giữ lại. Một hôm, Nam đến tôi:
- Đêm qua tao nằm mơ một giấc mơ rất kỳ lạ. Có lẽ uống rượu nhiều quá. Tao mơ thấy con mèo của Foujita từ trong tranh vọt ra. Tao giật mình choàng dậy. Đúng là con mèo vừa vọt ra cửa sổ. Tưởng là nó thật. Hốt hoảng, tao bật đèn, mở tủ. Bức tranh vẫn còn, tao vội vàng trải ra. Con mèo bỗng hoá ra Foujita- Foujita chúm chím nhìn tao: cười.

Nguyễn Quang Sáng

Dân chơi

Một đêm trăng rừng, sau một loạt bom nổ gần và sau tuần trà đậm, cả hai chúng tôi đều không ngủ. Hai anh em, mỗi người mỗi chiếc võng đu đưa dưới mái nhà lợp lá trung quân. Đêm rừng đã yên ắng, nhưng tiếng bom và tiếng rít của phản lực vẫn chưa ra khỏi tâm trí tôi. Tôi đang nghĩ đến cái chết và cái sống của thời chiến tranh. Ấy là đêm đầu mùa mưa năm 1966, và tôi là người ở Hà Nội đã vượt Trường Sơn về đến khu rừng này đã tròn một tháng.

Cơ quan văn nghệ R. cho tôi ở chung với một nhà văn mà anh em gọi là Tư già. Không hiểu anh đang nghĩ gì mà hỏi tôi thức hay ngủ rồi từ bên võng, anh nói sang:

- Tôi nghĩ trong đời người muốn đạt được danh hiệu gì cũng khó, cũng gian nan. Ví dụ, muốn đạt được danh hiệu anh hùng phải dũng cảm, phải mưu lược, và phải trả giá bằng sinh mạng. Muốn đạt được danh hiệu là nghệ sĩ nhân dân hay ưu tú phải có tài năng, được quần chúng ngưỡng mộ, vân vân... Đó là những danh hiệu khác. Đời người, ít hay nhiều, ai cũng chơi nhưng đạt được danh hiệu "Dân chơi" không phải dễ đâu.

Anh Tư nhà văn, anh chỉ hơn 40 mà sao ai cũng gọi anh Tư già? Ở chung nhà với anh một tuần, tôi đoán chừng, một là trong cơ quan văn nghệ R ai

cũng trẻ, hai là anh lúc nào cũng thông thả, thông thả đến chậm chạp, nghe có tiếng máy bay, ai cũng ào một cái là xuống hầm, còn anh, anh cứ đi từng bước chậm chạp, thứ ba là trong các buổi nhậu anh em trẻ, ai cũng "dô" trăm phần trăm, còn anh, anh từ từ nâng ly lên, nói chậm rãi: "Anh Tư già rồi, tha cho anh Tư, để cho thằng già lai rai". Điều thứ tư là miệng anh móm, móm xồm như ông già, bù lại cái miệng móm của anh lại có duyên.

Tôi gọi anh bằng anh, anh gọi tôi bằng chú, chú vai em, thân mật hơn, anh gọi tôi bằng chú mày, tự xưng là mình.

- Chú mày có một thằng bạn học đạt được danh hiệu đó. Biết ai không?

- Ai?

- Thằng Nguyễn Khắc Trung.

- Nhớ rồi! Thân lắm!

- Chú mày cho mình nghe một chi tiết nào đó chứng tỏ đúng là bạn thân thì mình sẽ kể tiếp.

Hồi học cùng trường, có con nhỏ cùng lớp cùng tuổi, đẹp nhứt tên là Thuỳ.

Thằng Khắc Trung mê lắm. Mà không chỉ một mình nó mà cả lớp đều mê.

Em Thuỳ mà cười với thằng nào, thằng đó như lên mây, vui cả tuần cả tháng. Một hôm, tôi thấy nó buồn. Hỏi tại sao, nó bảo, trước khi nói nó chửi thề, và chưa bao giờ tôi thấy cái mặt nó đau khổ đến vậy: "Nó gọi tôi bằng em".

Anh nhà văn già cười ha há, vừa cười vừa chời đập trên võng, khiến hai cây cột lắc rung lên, cái võng của tôi cũng rung.

- Chi tiết đó chứng tỏ là bạn. Thằng Khắc Trung của chú mày nổi lên giữa đất Sài Gòn năm 1958, sau khi nó ra tù.

Khắc Trung là nhà báo, nhưng chẳng có một bài báo nào đáng nhớ, chỉ thấy ngày nào Khắc Trung áo quần cũng bảnh bao, cầm tay lái chiếc Wolsvagen rong rong trên đường phố. Ăn sáng khi thì nhà hàng Thanh Thế, khi Pagode,

khi Givral, hoặc Brodart, những nơi đó như câu lạc bộ của giới báo chí Sài Gòn. Cơm trưa, cơm chiều, cơm Tàu rong xe vào Chợ Lớn, cơm Tây ra Sài Gòn, cơm ta thì ra Cầu Bông, về Gia Định, tối thì nhảy đầm trong các bar đường Tự Do. Lang bạt, không vợ không con, khi bắt bô với vũ nữ, khi với ca sĩ, nổi tiếng như là bắt bô với một cô diễn viên múa người Đại Hàn. Thật là hết biết!

Ông bạn già kể về thằng bạn học của tôi, giọng triu mến cùng với nỗi nhớ đất Sài Gòn.

- Chú mày có biết tại sao mình kể chuyện thằng Khắc Trung với chú mày không?

- Anh nhớ?

- Nhớ cái cóc khô! Nếu nói nhớ thì mình nhớ một người đàn bà. Nhưng mình kể về nó là vì chú mày có thể gặp lại nó.

- Thằng Khắc Trung ở Sài Gòn, sao tôi gặp được?

Anh Tư già bật lưng lên khỏi văng, đưa tay chỉ về phía tôi:

- Giấu phải không?

Tôi đã được tổ chức phân công vào công tác nội thành Sài Gòn, là chuyện bí mật sao anh lại biết? Anh có biết cũng chẳng sao, tôi bèn thú nhận, là tôi đang chờ liên lạc để xuống Củ Chi, rồi từ Củ Chi vọt vào nội thành.

Anh Tư già tiếp:

- Mình kể về thằng Khắc Trung để chú mày nay mai ra Sài Gòn đi tìm nó.

Nếu ngồi bên tay lái của nó như một thằng bạn, coi như an toàn.

- Vào nội thành là chuyện tuyệt mật, sao anh biết, anh Tư?

Anh Tư già lại bật lưng lên văng, cười ha há, một giọng cười đắc chí.

- Đã là nhà văn thì phải chơi chi tiết, mình phát hiện chuyện chú mày cũng từ một chi tiết, mình thấy chú mày đi chụp hình.

Đến lúc tôi bật lên văng lại cười, cười cái giọng của anh.

- Thằng nào mà không có một lần đi chụp hình?

- Ấy vậy! Chú mày lại đồn với tôi rồi. Nên nhớ người chụp hình là ông Tỷ, chú biết chưa? Mỗi lần ông Tỷ từ đặc khu Sài Gòn về R là một lần có một người đặc phái vào nội thành Sài Gòn. Ông Tỷ làm căn cước giả cho mình, giả như thật. Nếu chú mày không được phái vào nội thành thì mắc mớ gì ông lên R để chụp hình?

Tôi là người tập kết ra Hà Nội từ năm 54 vừa mới trở về còn rất bỡ ngỡ nhiều điều chưa được biết. Anh Tư già lại tiếp:

- Mình cũng có một căn cước giả do ông cấp. Thằng chả có cặp mắt rất lạ, cặp mắt tinh đời, nói theo nghĩa dân gian là cặp mắt nhà coi tướng. Sau khi mình nhìn qua ống kính, bấm rắc một cái, hỏi qua lai lịch của mình thì chính ông ta ghi cho mình một cái nghề trong thẻ căn cước. Lần đó ông hỏi mình: "Anh muốn đề nghề gì?" Mình đáp: Tôi đang viết báo. Ông lắc đầu, báo chí bây giờ bọn nó đang theo dõi, cái tướng của ông dong dong, quần tây đen, áo sơ mi trắng, đeo kính trắng, tôi để cho ông là: "Nhà giáo" nhưng không phải là nhà giáo chung chung, nếu bọn nó xét ông, hỏi ông, ông dạy ở trường nào, cấp mấy, ông sẽ ám ớ, trước sau gì ông cũng ăn còng số 8, nên tôi để cho ông là nhà giáo tư gia, là gia sư nhưng chưa đủ, nếu nó hỏi ông dạy môn gì chớ nói là dạy môn toán, cái mặt ông thì phải dạy văn, cái môn văn là cái môn tào lao, ai cũng nói được. Mình nghe ông Tỷ bảo ban, mình phục ông sát đất! Có một chuyện rất vui, một đồng chí cấp cao bị ông Tỷ cho vào tờ căn cước "nghề ở độ", đồng chí cao cấp đỏ mặt tía tai: "Sao lại là nghề ở độ". Ông Tỷ tỉnh như không: "Cái mặt của đồng chí như vậy thì đề như vậy, nếu đồng chí muốn đề nghề gì tôi sẽ chấp hành nhưng nếu đồng chí bị bắt thì đừng trách tôi". Nói đến đó anh Tư già cười ha há rồi hỏi tôi:

- Ông Tỷ cho ông nghề gì?

Tôi kể, ông Tỷ nhìn tôi rất lâu mà không chọn được nghề nào. Cái mặt của

ông tron quá, ông Tỷ than rồi hỏi cha mẹ tôi làm nghề gì. Thợ bạc, tôi đáp. Lập tức ông xòe tay cho tôi xem chiếc cà rá đeo ngón giữa, hỏi, vàng gì? - Vàng tây. Tôi đáp không cần suy nghĩ. Sao biết? Nếu trăm phần trăm thì không bóng. Ông Tỷ cười, đúng, cái gì không thiệt trăm phần trăm thì làm bóng, thế là ông Tỷ cho tôi một cái nghề "buôn bán", dặn thêm là buôn bán vàng...

- Nè, gần mười năm hoạt động trong nội thành, mình nghiệm thấy trong một khía cạnh nào đó của tâm lý, thằng Mỹ, thằng nguỵ mắc một sai lầm lớn, khi nghĩ đến Việt cộng chúng nó thường nghĩ đến những thằng nghèo, thằng dốt, nó ít nghĩ đến người có học, người giàu, dân chơi thì hầu như nó không bao giờ nghĩ tới. Thằng Khắc Trung với cái lai lịch của gia đình nó, nó phải bị nhốt ở ngoài Côn Đảo. Nhưng nó là dân chơi, bọn nó không để ý. Nếu chú mày, tao nhắc lại nếu ngồi bên tay lái của chiếc xe dân chơi thì cảm chắc "muôn năm". Và chỉ một ngày, chú mày có thể nhìn bao quát được cả Sài Gòn.

- Làm sao tìm được nó?

- Cứ đến mấy tòa soạn báo, hỏi, ai mà không biết. Sở dĩ tôi còn ở lại rừng là phải chờ giao liên. Giao liên từ Củ Chi đưa cán bộ lên R, từ R đón cán bộ về Củ Chi, một tuần mới có một chuyến.

Từ Hà Nội trở về, tôi đề đạt nguyện vọng lên cấp trên xin được về chiến trường Đồng Tháp Mười, đó là chiến trường xưa của tôi thời chống Pháp. Nghĩ đến Đồng Tháp, tôi nghĩ đến cánh đồng mênh mông, những cô gái xòa tóc, hoặc mái chèo trên những con kinh dài hun hút.

Khi tôi nhận được quyết định về nội thành, tôi rất băn khoăn. Hai chiến trường, mỗi nơi có mỗi đặc điểm riêng. Vào nội thành Sài Gòn, sẽ không bị chết vì bom đạn, không đói khát. Gặp một anh ở nội thành vào, tôi hỏi: buổi sáng ăn gì? Anh đáp: bình thường thôi, hủ tíu, cà phê, bánh bao, giò cháo

quả, cơm nếp lạp xườn, thích gì ăn nấy, nghe mà phát thèm. Nhưng lại không thoải mái, phải đối phó từng giờ từng phút, phải đóng một vai kịch nào đó, đóng kịch cả trong giấc ngủ, hễ sơ sẩy thì bị bắt, bị tra tấn, bị tù đày. Tôi không hình dung nổi biết mình có dũng cảm khí tiết hay không. Nghĩ đến cảnh tượng ấy, tôi sợ, nếu về chiến trường Đồng Tháp Mười, sẽ gian khổ, chẳng biết lúc nào bị chết vì bom đạn, nhưng lại được tự do thoải mái. Chiến trường này hợp với tôi hơn nhưng biết sao, mệnh lệnh thì phải chấp hành. Tìm lý do từ chối, sẽ bị mang tiếng thằng chạy xị!

May sao, cái ngày có giao liên là ngày tôi lên cơn sốt, sốt cao, sốt mê man, ở rừng chết vì sốt ác tính là chuyện thường. Anh em phải khiêng tôi vào bệnh viện. Trong những ngày tôi nằm bệnh viện, ban lãnh đạo Củ Chi có công văn gửi về R đại ý rằng, Củ Chi đang chống càn do đó không nhận một cán bộ nào nữa.

Dứt sốt tôi về cơ quan văn nghệ R với một quyết định mới, về chiến trường Đồng Tháp Mười với nhiệm vụ: ký giả chiến trường.

Tôi mừng rơn. Tôi hình dung, tôi sẽ đứng bên bờ sông Cửu Long, con sông quê hương mà tôi đã xa cách hơn 20 năm. Tôi hình dung tôi sẽ gặp lại cha mẹ tôi, anh em tôi cùng với những người thân mà tôi hằng mong nhớ. Tôi khoe với anh Tư gia, anh cười, cái miệng móm xòm:

- Tôi biết lúc ông còn trong bệnh viện, tôi mừng cho tương lai văn học của chú mày. Mình không hình dung được chú mày vào nội thành, chú mày sẽ viết được cái gì? Nếu suôn sẻ, chú mày có thể vào cấp ủy, nhưng văn chương thì thật khó nói. Còn về chiến trường Đồng Tháp thì chú mày sẽ có ít nhất một tập ký về chiến trường. Thôi! Nói chuyện khác, sau một trận sốt, người ta thèm ăn một món gì đó, mình hỏi, bây giờ chú mình thèm ăn cái món gì?

Nghe anh hỏi, tôi chợt nhớ và kể - Hồi ở miền Bắc, năm 1958, tôi đi thực tế

ở Ba Vì, theo một đơn vị Nam Bộ ở nông trường nuôi bò.

Dưới chân núi Ba Vì, tôi bị sốt. Dứt cơn sốt, anh chàng trung đội trưởng tên Tốt, người như tên, thật tốt bụng, hỏi tôi, anh thèm gì, tôi nói, thịt heo luộc với một xị đế. Tốt không nói gì, bật dậy "xách đít" đi. Tôi nghĩ là Tốt hỏi cho vui và đi vì một việc gì đó của đơn vị. Không ngờ, chiều về, anh mang đến cho tôi một tô thịt luộc, một nắm rau thơm với một lít đế. Tốt cười thoải mái sau một thành công:

- Rất may, chiều nay đơn vị làm heo, tôi xấn một ký, nhúng vô chảo nước sôi nấu cơm, thôi nhậu đi!

Tôi và Tốt ngồi nhậu cho đến mặt trời lặn. Không hiểu sao mà tôi cắt luôn cơn sốt. Còn bây giờ thì tôi thèm.

- Thèm gì?

- Thèm cái mà ở rừng không thể có.

- Cứ nói xem?

- Chuối chiên!

Anh Tư già mắt liếc xéo tôi với nụ cười nửa môi.

Buổi trưa hôm sau, tôi đang lơ mơ ngủ trên võng dưới bóng cây rừng. Nghe có ai lay đầu võng tôi:

- Dậy! Dậy!

Tôi mở mắt:

- Anh Tư già.

Từ chiếc võng của tôi qua chiếc võng của anh không quá ba thước được che qua một hàng cây rừng. Chiếc võng dù của anh treo giữa hai cây tai nghe gần khoảng trống nhìn ra trắng.

Dưới võng của anh, trên một tờ báo trải rộng dưới mặt cỏ, tôi thấy có bốn miếng chuối chiên đặt dài trên tờ giấy rất trân trọng. Như một giấc mơ anh bảo:

- Mỗi thằng hai miếng!

Miếng chuối chiên bằng hai ngón tay, bao bên ngoài là một lớp bột vàng. Nhưng ở rừng làm gì có bột. Sau này, tôi được biết, anh xay bột bằng cách bỏ từng nhúm gạo vào lon sữa bò, rồi dùng cán cây "boa nha" đâm từng nhúm đến nát, rồi lại đâm nhúm khác cho đến khi đủ bột cho bốn miếng chuối.

- Miếng đầu chú mày ăn ngấu nghiến cho đã thèm, miếng sau thì nhấm nháp từng miếng cho đã.

Ăn chuối chiên, uống trà củ măng trong một buổi trưa rừng, bữa chuối chiên nhớ cả một đời người.

Nếu vào nội thành, gặp lại thằng bạn dân chơi chẳng biết có vui không, chớ ở đây, chơi với anh Tư già thật thích thú.

Anh về Bến Tre, tôi ở Đồng Tháp, tôi với anh sẽ đi với nhau một tuyến đường, bốn ngày bốn đêm đường bộ, một đoạn đường sông, qua bốn trạm. Đi với anh thật yên tâm, thứ nhứt là bữa ăn, trong cái bòng mang trên lưng của anh không chỉ có quần áo mà như có cả một cái bếp lưu động. Cái "bếp" có đủ gia vị: hành khô, ớt khô, tiêu tỏi muối đường, bột ngọt và nước mắm khô. Tôi chỉ làm một việc đơn giản, đi quơ củi, nấu cơm bằng cái "hăng gô" treo trên cái bếp lửa dã chiến. Còn anh, anh đi vào rừng hái rau, rau cải trời, rau càng cua, lá bứa và đủ thứ rau rừng. Ngoài cây "boa nha" trong bòng của anh còn có con dao thái thịt bằng hai ngón tay, lại còn có một hộp lưỡi câu, lưỡi câu nhiều cỡ khác nhau, một sợi nhợ dài. Hôm nào đến trạm sớm chưa đúng bữa ăn thì anh chặt một nhánh cây rừng, chuốt thành cần câu, anh đi ra suối hoặc một con rạch hay con sông của đất trạm. Anh đi không lâu, muện nhứt là một tiếng, anh thường trở về với một xâu cá rô mè.

Một bữa cơm chiến trường thật ngon lành.

Đến một cái trạm tôi với anh sẽ chia tay.

Chúng tôi đặt nó là một cái trạm "nghỉ ngơi". Không như những trạm khác, ngủ lại một đêm, mờ sáng lại phải đeo bông, lại đi. Còn cái trạm này chúng tôi được nghỉ lại một ngày, ngủ thêm một đêm.

Trạm giao liên này đóng bên bờ con sông trong một xóm nhà lưa thưa, nằm giữa một vạt tràm xơ xác. Tháng sáu âm lịch, nhằm những ngày con nước quay, dòng sông ngàu đục chất phù sa, ào ạt và mỗi lúc dâng đầy. Con sông tựa như con rắn uốn mình, ào ạt suốt đêm ngày. Để thử sức mình, tôi trèo mình, lặn một hơi thì đến bên kia bờ, bên kia bờ là đất nước Campuchia. Khi tôi trở về, anh Tư già khen chỉ cần hai hơi mà chú mày đựng được hai bờ biên giới của hai đất nước, chú mày trở về chiến trường Đồng Tháp là đúng. Ở trạm "nghỉ ngơi" này có người môi giới cho khách đi đường đổi tiền Sài Gòn ra tiền "ria" của Campuchia, người môi giới ấy không ai khác là các cô cậu giao liên, rồi cũng chính các cô cậu ấy bơi qua sông nhờ các cô gái Miên ra chợ mua đủ thứ thức ăn theo yêu cầu của khách.

Người nhận đổi tiền và mua giúp thức ăn cho chúng tôi là cô giao liên tuổi mười tám đôi mươi. Những cô giao liên tôi thường gặp đều là cô gái nông thôn, nước da bánh mật, rám nắng, gương mặt cô nào cũng rắn rỏi. Còn cô giao liên ở trạm "nghỉ ngơi" này thì như một cô nữ sinh, mái tóc xõa ngang vai, nước da trắng hồng, môi đỏ như son, cô mặc chiếc áo bà ba màu xanh lá cây, quần ny lông đen ống túm, choàng chiếc khăn rằn tưởng như cô vẫn công đóng vai giao liên trên sân khấu.

Trạm nào cũng có thể bị đối, còn cái trạm "nghỉ ngơi" này thì phủ phê. Cũng giao liên nhưng cô cậu nào về được cái trạm coi như số đỏ. Nhìn cô giao liên đang đếm lại tiền, tôi nghĩ và hỏi:

- Em tên gì?

- Bông! - Cô ngược đôi mắt long lanh nhìn tôi.

Tôi trêu:

- Bông cũng là hoa, sao không đặt tên là Hoa cho nó đẹp.

Anh Tư già ngồi trên võng liếc xéo qua tôi. Cô Bông đáp:

- Cha mẹ đặt sao để vậy, với lại em không thích tên Hoa.

- Sao lại không thích tên Hoa?

- Tên Hoa nhiều nghĩa lắm. Người có tài gọi là tài hoa, không ai gọi là tài bông, rồi lại hào hoa phong nhã, cũng không ai nói hào bông phong nhã, còn em Bông là Bông!

Anh Tư già nhìn xéo tôi và như anh đứng về phía cô gái anh cười chọc tôi.

Khi cô gái đi rồi, anh lại nhìn xéo với nụ cười hóm hỉnh:

- Thua một bàn trông thấy!

Buổi sáng hôm đó, hai chúng tôi ăn thịt quay bánh hỏi. Chín năm ở Hà Nội, thịt heo quay ở chợ nào cũng có, nhưng không thấy đâu có bánh hỏi. Hơn ba tháng vượt Trường Sơn, tôi đang còn đói, món gì mà chẳng ngon, có dè đâu lại được cái món ngon tuyệt vời này với rượu đế. Đã vậy, sau khi ăn lại còn uống trà "củ măng" với bánh in sầu riêng. Tôi "chíp" cái bánh in sầu riêng này, bèn gửi mua thêm một chục phong dành ăn trừ cơm.

Cơm nước no nê hai chúng tôi mỗi người mỗi võng dưới bóng cây trâm bầu. Tôi đang lim dim thì anh đánh thức bằng một cái quèo nhẹ bên vai tôi: "trực thăng", anh nói rất nhẹ nhưng tôi bật dậy ngay, đúng là có tiếng trực thăng đâu đó xa lắm, cả hai đều nhìn xuống cái hầm đầu võng. Tiếng trực thăng mỗi lúc mỗi rõ, rồi tiếng hét hốt hoảng: "Trực thăng! Trực thăng!" Tiếng hét hốt hoảng của ai đó trong đoàn khách, khiến tất cả đều bật dậy rời võng ngồi sẵn bên nắp hầm, nhưng thấy anh Tư già vẫn nằm trên võng phì phà khói thuốc. Tôi bắt chước anh, cũng đốt một điếu thuốc, cũng hút trong tiếng lạch bạch của trực thăng, nhưng mỗi người hút mỗi cách khác nhau, điếu thuốc trên miệng anh cháy đều, khói cũng nhẹ nhàng, còn điếu thuốc trên miệng tôi thì ngùn ngụt, khói thuốc từ cửa miệng tôi cũng ngùn ngụt như ống khói.

Khi tiếng trực thăng rộ lên hung hăng giận dữ, anh bật dậy với lấy cái bình toong đựng rượu rót vào nắp bình toong đưa cho tôi với một cái nháy mắt: "Hóp một miếng". Rồi anh cũng hóp một miếng: "Mình phải lấy rượu làm nư!" (Sau này, tôi lại có một thói quen giống anh, hễ nghe tiếng trực thăng đến gần là tôi uống một ly, có người hỏi tôi, tôi đáp, lấy trực thăng làm mồi, nói tắt là nhậu trực thăng).

Ba chiếc trực thăng bay dọc theo con sông biên giới, nghiêng cánh liếc qua cái trạm, rồi đảo một vòng, bay thẳng theo con đường mòn dẫn vào cánh đồng sâu, "sút" ba cái hoả tiễn, coi như xong nhiệm vụ rồi mất hút.

Bầu trời trở nên yên lặng, yên lặng hơn cả trực thăng khuấy động, chúng tôi trở lên vờn. Vừa no vừa ngà ngà say, thần kinh vừa mệt mỏi lại có ngọn gió đông, tôi đánh một giấc ngon lành. Khi tôi choàng tỉnh thì đã về chiều, trời lại sa mưa. Buồn lạ! Nhìn qua, tôi thấy anh đang đọc sách tiếng Pháp, anh xếp sách:

- Dậy rồi hả? Chiều nay tôi đãi chú mày một món nhậu của nông dân.

- Món gì?

- Nhái.

- Ở đây có bán? Không! Mình đi bắt. Chú lo lửa củi.

Nói vậy rồi anh rời khỏi vờn, trong tay một cái túi may bằng áo mưa màu xanh đã cũ nát, bước ra đám cỏ dưới cơn mưa lất phất, rồi anh giả dạng nhái, anh giả giọng thế nào mà nhái từ đâu trong đám cỏ, như thót bụng dọt qua ngọn cỏ tới anh, anh đưa tay chớp gọn, nhốt vào bọc ni lông, rồi lại giả giọng và nhái lại bươn bả nhảy lại dưới chân anh. Tôi không thể hiểu được và thấy như lạc vào một miền đất xa lạ nào đó cùng với những cư dân có bùa chú.

- Củi lửa xong chưa?

Đến lúc ấy tôi mới bắt đầu nhen ngọn lửa. Tôi đã bảo anh là một người khéo

tay. Anh chặt mấy nhánh trâm bầu nhỏ, tuốt da đặt lên bếp lửa. Có ngay một chén muối tiêu chanh và một chút bột ngọt. Anh nướng từng con, chín con nào ăn con nấy, anh cầm nguyên con nhái đưa vào miệng tôi:

- Đừng cắn làm đôi hay làm ba, phải nhai nguyên con, nguyên con mới đủ một hớp rượu.

Những cọng xương nhỏ cùng với thịt da của nó rào rào dưới hàm răng trong của tôi, ôi sao mà ngon mà ngọt mà thơm lạ, lại một hớp rượu nữa, tuyệt!

Hết con này tới con khác đang ngon miệng, tôi chợt hỏi:

- Anh Tư?

- Gì?

- Tôi thấy anh em đi vào cuộc chiến tranh này, một cuộc chiến tranh quá khốc liệt, ai cũng có một tâm trạng nào đó, có lúc sợ hãi có lúc cuồng cuồng, còn anh, tôi thấy sao anh cứ nhàn nhã như đi chơi vậy?

Hình như câu hỏi vô tình của tôi đã gãi đúng chỗ ngứa của anh, anh bật cười ha hả, cười đến sặc cả rượu, rồi anh nhìn tôi, hai con mắt cười long lanh:

- Đi làm cách mạng mà nói đi chơi là không nghiêm túc, có thể bị phê bình là không đúng lập trường. Nhưng (anh nhấn mạnh) nghĩ theo một cái nghĩa nào đó, nói là chơi cũng được.

Mình kể cho chú mày nghe cái tiếng "chơi". Hồi ở Sài Gòn trước khi vào R mình có một bữa tiệc nhỏ chia tay với bạn bè. Bạn bè hỏi mình đi đâu?

Không thể nói vào khu, không thể nói đi làm cách mạng, cũng không thể nói là đi đánh Mỹ, tự dưng mình buột miệng: "Đi chơi!". Vậy là từ đó cái tiếng "chơi" cứ đeo đuổi theo mình. Càng gẫm càng thấy ý nghĩa, đây là một cuộc chơi lớn. Miền Bắc, thế nào mình không rõ chớ trong Nam mình, hồi nhỏ, hễ rủ nhau đánh lộn thì hỏi: "Chơi không?" Đối phương đáp "Chơi". Thế là cả hai bên nhào vô "quán". Cuộc này mình chơi với thằng Mỹ. Đã dám chơi thì không sợ. Bom đạn cứ bom đạn, cần nhậu thì nổi lửa. Nó bay trên đầu

mình nổi lửa mà không có khói thì nó làm gì? Cũng coi như "chơi" lại với nó.

Tôi nhen thêm lửa, anh móc thêm hai con nhái trong bọc nhựa đặt lên bếp, anh vừa trở con mồi vừa nói:

- Có lúc, anh em thấy mình như nhớn nhoe, có người đặt cho mình biệt hiệu: Tư chơi thay cho Tư già. Mình từ chối. Già thì đã đến, "chơi" thì chưa đạt lắm.

Chiều hôm sau, đến chuyến hai đứa phải lên đường cùng với một đoàn khách hơn hai mươi người và người dẫn đường là cô Bông. Trời nhá nhem tối, đoàn người xếp hàng một, bồng đeo lên vai, tôi với anh Tư già đứng cuối cùng. Anh lại đưa tay khều vai tôi:

- Có nên ở lại chơi thêm hai hôm nữa không?

Thật lòng, tôi muốn lắm, nhưng rất ngại.

- Tôi thấy chú mày chưa lại sức, ở lại "chơi" bồi dưỡng thêm vài ngày nữa. Vừa lúc đó có một đoàn cán bộ trên R về, đoàn này sẽ nghỉ lại một chuyến và sẽ tiếp thu chỗ ăn ở của đoàn chúng tôi.

- Anh Tư! - Có ai đó gọi anh.

Một thanh niên trạc tuổi hai mươi lăm, xô tới ôm vai anh. Anh quay lại:

- Bá! Mới tới?

- Dạ em mới tới.

- Hay lắm! Nghỉ lại một chuyến, ở lại "chơi" với tụi này.

Bá lắc đầu:

- Đúng ra thì phải nghỉ lại một chuyến, nhưng em tranh thủ đi ngay.

- Làm gì mà vội vậy?

Bá cười đỏ mặt.

- Àa biết rồi, đi đi...

Bá liền cầm đầu chạy theo đoàn khách đã đi một quãng xa.

Hai chúng tôi trở lại chỗ cũ mở bong, mắc võng che tăng.

Lên võng, phì phà điếu thuốc, tôi hỏi:

- Bá nào mà vội quá vậy anh Tư?

- Em út của thằng bạn mình hồi chín năm. Nó mới vừa lấy vợ thì được điều về R dự khoá dân quân một năm để trở về làm huyện đội phó. Nó sốt ruột là phải.

- Bá về tới đâu?

- Cà Mau.

- Đi mất bao nhiêu ngày?

- Nếu suôn sẻ thì chuyến nào cũng phải mất hơn một tháng.

Tôi chặc lưỡi. Anh tiếp:

- Ấy là chuyện thường. Có đoàn đi chỉ cần một tuần, nhưng nếu gặp giặc cần có khi mất đến cả mấy tháng. Chiến tranh thì đâu có gì bình thường.

Cái đêm ấy vì no bụng, no cả mắt hay là vì không ngủ được hai chúng tôi cứ trở mình trên chiếc võng, như có một tín hiệu bí ẩn nào đó của chiến tranh, lòng thấy nao nao. Thế là hai anh em lại uống rượu dưới tầm bay của chiếc "ĐaKôta", nhìn pháo sáng ma quái và nghe tiếng bom rền. Một loạt bom rền nghe rất xa, nhưng hơi bom lại dội về lao xao qua rừng trâm bầu. Cũng với cái giọng nhẹ nhàng, anh bảo:

Bê năm hai nghe rền rền vậy là xa lắm, khi nó nổ gần mình thì cứ nghe ụp ụp, mặt đất chao đi như đưa võng. Buồn quá hả! Thôi! Ở Hà Nội có gì vui kể nghe chơi.

Thế là tôi kể chuyện Hà Nội, chuyện này qua chuyện khác, thủ thủ mồn mồn rồi thiếp đi lúc nào không hay biết.

Có ai đập trên đầu võng tôi như báo động, tôi bật dậy, anh Tư già cũng bật dậy, trời sáng bạch.

Trước mắt chúng tôi là anh trạm trưởng quần đen, áo đen, khăn rằn quàng

cổ, mặt tối sầm:

- Hai đồng chí chưa đi hả?

Có thể bị quở trách gì đây, anh Tư già đưa tay chỉ qua tôi, lẹ miệng:

- Đồng chí này vượt Trường Sơn, bị sốt.

Tưởng anh trạm trưởng phê phán hay trách móc nhưng anh nhìn chúng tôi với hai con mắt buồn như có một đám mây, giọng khàn khàn:

- Thật may cho hai đồng chí. - Rồi giọng của anh như lạc hẳn đi- Cả đoàn chết hết cả rồi!

Chúng tôi chết sưng một hồi lâu mới cất được tiếng:

- Sao?

- Bê năm hai ba đợt đội ngay đội hình, rồi trực thăng, đồng nước mênh mông, không hầm không hố.

- Cô giao liên tên Bông còn không?

Anh trạm trưởng chỉ hơn hai mươi tuổi mà già đi hơn bốn mươi, anh buồn rầu lắc đầu. - Không còn một ai.

- Không còn một ai.

- Không còn một ai! - Anh Tư già không phải hỏi mà lặp lại như tiếng vang. Ba năm sau. Trong ba năm ấy, tôi xê dịch ba nơi: ở chiến trường Đồng Tháp một mùa nước thì trở về R. Từ R theo một cách quân tiến về Sài Gòn năm Mậu Thân, rồi từ chiến trường Sài Gòn lại trở về R. còn anh Tư già thì ở Bến Tre, nhưng không ngồi yên một chỗ, khi ở cù lao này lúc ở cù lao khác, mỗi lần thay đổi cù lao là phải vượt sông trong tầm súng của tàu tuần, dưới tầm bay của trực thăng.

Cả hai đều suýt chết nhiều lần nhưng không chết mà gặp nhau trên một cái hồ giữa rừng biên giới. Một cái hồ mênh mông có một dòng sông nhỏ nối liền sông Cửu Long, nhờ đó mà cá từ Biển Hồ xuôi theo sông Cửu Long, rẽ vào nhánh sông nhỏ, vào hồ trú ngụ sanh đẻ. Độ mươi cái nhà bè sống trên

hồ, sống bằng nghề đánh cá.

Anh em ở chiến trường về, bệnh hoạn hoặc ốm yếu mới được ra hồ để bồi dưỡng. Hồ có rất nhiều loại cá: cá bống, cá lẩn, cá trèn... có một loại cá dễ câu nhất là cá thác lác, dễ câu là vì biết được cái khẩu vị của nó. Mồi trùn, mồi dế, mồi cào cào cá thác lác không mê lắm, nó mê nhất là mồi con gián. Đêm đêm, một thằng bạn chuyên làm nhiệm vụ bắt gián, sáng ra thì tôi đi câu. Nói là đi chứ chẳng đi đâu. Nhà bè nào cũng có vài cái lỗ độ hai tấc vuông để tuôn rác xuống hồ. Cái cần câu ở đây chẳng có gì thơ mộng nhưng rất thực dụng, là một khúc tre già bằng ngón tay cái, dài bốn năm tấc, cả hai đầu đều bằng nhau buộc nhợ câu vào đầu nào cũng được, ngắn gọn mà chắc. Tôi móc con gián vào lưỡi câu, ngồi trên sàn gỗ của nhà bè, mở cái nắp lỗ, thả xuống.

Không phải đợi lâu, chỉ cần hút vài ba hơi thuốc là cần câu bị ghì xuống, giật lên, con cá thác lác bề ngang bằng bàn tay, vẩy bạc li ti, mắc vào lưỡi câu uốn mình giãy giụa, tôi khéo léo kéo qua lỗ đưa nó lên sàn, một con. Mỗi sáng chỉ cần ngồi câu độ nửa tiếng là có bốn năm con thác lác, đủ ăn cả một ngày. Nhiệm vụ của tôi thế là xong. Phần còn lại là của anh Tư già, anh làm cá, chế biến thức ăn và nấu cơm một ngày hai bữa, cực nhưng anh khoái làm bếp. Làm cá thác lác người ta chỉ nạo lấy thịt còn da thì bỏ, anh Tư lại khác - cái da cá anh đem phơi, da cá thác lác anh mắc đầy lên cây rừng.

- Cá đâu có thiếu gì mà tiết kiệm đến cái da anh Tư?

- Ấy, rồi sẽ có lúc cần.

Một hôm, tối lắm, một đoàn bạn trẻ cùng một cơ quan, bốn đứa từ trong rừng kéo ra hồ. Anh Tư hỏi:

- Máy chú đi đâu giờ này? Chuyện gì?

Hỏi vậy là có hơi lo, tin giặc cần hoặc dòi cứ gì đây - một bạn trẻ đáp:

- Có gì đâu! Tụi cháu rủ nhau ra thăm chú Tư chơi.

Anh Tư đưa ngón tay trở lên, hỏi:

- Nói cho rõ. Ra chú Tư chơi hay là ra chú để chơi?

Anh bạn trẻ lém lỉnh:

- Ra chú Tư chơi để chơi, được chưa?

- Vậy thì ngồi đó.

Anh Tư già nổi lửa rồi quay qua tôi:

- Mời cá thác lác đâu?

Tôi biết anh không bảo tôi đi câu, lệ chân tôi đi gom da cá thác lác treo trên cây rừng, co ít nhứt cũng bốn năm chục cái da cá. Da cá thác lác để vào lửa, nó quéo lại thơm lừng.

Với mỗi da cá, rượu đựng trong thùng đạn Mỹ, bọn tôi uống sạch bốn lít.

Một đêm cũng trên cái hồ ấy ngoài những chuyện về chiến trường, anh lại nhắc đến thằng bạn dân chơi của tôi ở Sài Gòn, Nguyễn Khắc Trung.

- Trần Mậu Thân đánh vào Sài Gòn có gặp thằng dân chơi của chú không?

- Không! Tôi chỉ đi đợt 1 cũng chỉ đến An Lạc rồi rút về.

- Uống uống!

Tôi nhớ lại thằng Khắc Trung, nhớ lại thời còn đi học. Không ngủ được vì nhớ hay vì con trăng rừng huyền ảo quá!

Rồi hai đứa cũng gặp nhau. ấy là một buổi chiều tháng năm 1975, những ngày đầu tung bùng của Sài Gòn vừa giải phóng. Tôi đang thả bộ trên vỉa hè dưới hàng me đường Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần) bỗng có người gọi đúng tên tôi, tiếng gọi nghe như hét, như bị dồn nén từ lâu, tôi quay lại:

thằng Khắc Trung, nó ngồi trên chiếc xe Honda nam màu đen cao lêu nghêu.

Đã hơn hai mươi năm từ ngày tôi với nó với mấy thằng bạn ngủ dưới nền đất trong ngôi nhà bên sông Trà Cú trước ngày tập kết, hai mươi năm sau tôi vẫn nhận ra nó, cái mặt chơi của nó răn rồi quá.

- Đi sau lưng mà sao nhận ra tao, Trung?

- Tao với mày có cái khác nhau. Cổ tao dài như cổ cò, còn cái cổ của mày như cái cổ vịt lùn Sa Đéc. Nó đưa tay ra sau vỗ lên yên xe, nói như lệnh: "Lên xe!".

Từ đó, đôi ba ngày nó lại thắng xe trước sân nhà tôi hét vào:

- Bận áo vô!

Tôi có ở trần hời nào đâu mà nó bảo tôi mặc áo? Đó như là ám hiệu có nghĩa là lên đường đi nhậu.

Khi ngồi vào quán trước ly rượu, nó bảo:

- Với mày tao có kế hoạch như vậy, tao bỏ ra một tháng để chống dốt cho mày.

Tôi chưa kịp hiểu thì nó nhướn mày:

- Không phải mày bị dốt vì chữ nghĩa, ra miền Bắc, mày được học hành, chuyện đó bây giờ mày giỏi hơn tao. Nhưng tao biết tụi mày gian khổ lắm, cái gì ở đất Sài Gòn này, mày chưa biết, tao cho mày biết, được hôn.

- Còn gì bằng!

Buổi chiều lần đầu gặp nhau, nó đưa tôi đến một cái quán sang ở chợ cũ, nó cho tôi ăn con đuông, quả là từ nhỏ đến lớn tôi mới biết mùi vị của con đuông. Con đuông là một loại sâu trong cây chà là. Mỗi cây chỉ có một con, con đuông chỉ to bằng một ngón tay, ngon và béo hơn con nhộng, đặc biệt thơm mùi bơ. Đó cũng là cách nó chống dốt cho tôi...

Lần ấy tôi hỏi nó:

- Nghe nói ở ngoài này mày nổi tiếng dân chơi?

- Sao mày biết, ai nói?

- Anh Tư nhà văn.

- Anh Tư nhà văn, tao biết, tao cũng chống dốt cho anh đôi ba lần. Mấy năm đó cũng chơi, nhưng không nổi đình đám bằng sau Mậu thân năm sáu mươi tám.

Thằng dân chơi của tôi kể tiếp:

- Khi quân ta rút dần về căn cứ cũng là lúc tao được tin ông già tao từ Hà Nội về đến rừng U Minh, người đem thư báo tin là một bà già. Thế là tao đóng vai con của bà, về căn cứ. Chuyện cha con gặp nhau vui buồn thôi khỏi kể. Trong những ngày đó, tao gặp ông Chánh ủy khu, vốn là bạn của ông già, tao gọi là chú Sáu. Sau nhiều câu chuyện về Sài Gòn, chú Sáu Chánh ủy nói: "Cách mạng muốn nhờ cháu một việc"... nhờ là chuyện thường tình, đằng này ông nói: "Cách mạng muốn nhờ...". Tao biết đây là chuyện sống chết, chuyện lớn, tao nghe ớn xương sống, chẳng biết nói gì chỉ biết dạ.

Chú Sáu Chánh ủy tiếp:

- Hiện nay bộ đội mình đã hết tiền, anh em chiến sĩ ăn uống kham khổ, vừa đói vừa chiến đấu. Cách mạng thì có tiền. Nhưng tiền xài không được, có đôla nhưng chưa đổi thành ra tiền của Sài Gòn. Cách Mạng muốn nhờ cháu đổi đôla ra tiền Sài Gòn, cháu thấy sao?

Té ra hôm nay nói chuyện với ông, ông có ý tìm hiểu và đánh giá khả năng của mình. Tao đã vô tình kể về sự giao du của mình, đối với dân thượng lưu của Sài Gòn. Phải nói là không khí rất nặng nề. Ông già tao mở tròn hai con mắt nhìn tao lom lom. Hình như ông cũng bị bất ngờ trước sự phân công này. Lâu lắm tao mới mở miệng: "Chú Sáu cho cháu suy nghĩ".

Đêm hai cha con ngủ chung, ông già bảo: "Con nên nghĩ kỹ, đồng tiền dễ mang tiếng". Tao đáp: "Con không sợ mang tiếng, con chỉ sợ con không đủ sức". "Ba đang nghĩ đến bộ đội mình đang đói, tùy con".

Sáng hôm sau cũng trong ngôi nhà lá trong cụm tràm thưa, bên bờ kinh, tao nhớ một buổi sáng đầy nắng, không nghe tiếng súng, chỉ nghe tiếng chim và tiếng ong bay đi tìm mật, tao ngồi đối diện với chú Sáu Chánh ủy. Chú hỏi:

- Đêm qua cháu mất ngủ phải không?

- Dạ.

- Cháu đã nghĩ kỹ chưa?

- Dạ kỹ. Cháu xin nhận với hai điều kiện.

- Điều kiện gì cháu cứ nói.

- Điều kiện thứ nhất là cháu hoạt động đơn tuyến. Tự tay cháu nhận tiền và cũng đích thân cháu mang tiền về. Điều kiện thứ hai là cháu được xài tiền.

Tao định giải thích cho rõ điều kiện thứ hai tại sao và tại sao thì chú Sáu Chánh ủy đưa tay vẫy nhẹ:

- Cách mạng hiểu cháu. Cách mạng đồng ý với hai điều kiện của cháu...

Lúc đó tao thầm nghĩ, chú đánh giá đúng người.

Không thể để anh em chiến sĩ bị đói, tao nghĩ khi xách đầy một vali đôla trên đường về Sài Gòn.

Về Sài Gòn, mở cửa vào nhà, tao thấy vali lên giường như một cái vali quần áo. Tao sống độc thân, nhà không có ai. Tối hôm đó tao lại ra bar, giao tiếp với các tai to mặt lớn của ngụy Sài Gòn. Xen lẫn trong những câu chuyện tào lao, tao cho họ biết, Trần Lệ Xuân khai thác gỗ ở miền Đông, ở Tây Nguyên, còn tao, tao sẽ khai thác gỗ ở rừng U Minh. "Các ông đánh Việt cộng đến đâu thì tôi làm gỗ đến đó, hẹn một ngày huy hoàng!".

Sau đó tao đến nhà của một đại tá phu nhân, một mục đàn bà đầu mỗi buôn lậu, cái gì mục cũng buôn, có cả buôn tiền, đổi tiền và rửa tiền.

Trên bốn mươi tuổi, đẹp sắc sảo, có học nhưng cặp mắt khi liếc thì bén và ác. Sau khi nghe tao nói mục bảo:

- Cho tôi xem mẫu.

- Vừa nhìn tờ bạc mẫu trên tay tao, mục nhìn tao với cặp mắt khác, vừa hoảng sợ vừa căm thù:

- Tiền Việt Cộng ở đâu ông có?

Có lẽ tao cũng hoảng hơn cả mục, nhưng tao làm tỉnh và trấn an bằng một cái lưỡi:

- Tiền nào cũng là tiền. Tôi đến đây không phải để làm chính trị. Tôi với bà là người làm giàu bằng chiến tranh. Cái gì có lời tôi nghĩ là chúng ta không nên bỏ qua.

Aánh mắt mù ta dịu lại:

- Đôla này là đôla Hồng Kông, đất Sài Gòn không ai có, không ai xài, trừ Việt cộng. Nếu muốn đổi ra tiền Việt Nam Cộng Hòa thì phải đổi ra đôla Mỹ, không dễ đâu!

- Vì không dễ nên tôi mới tìm đến bà, nếu trong tay tôi là đôla Mỹ thì tôi với bà không quen nhau. Tôi thấy bà đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ, đôla này người Tàu Chợ Lớn nhiều nhiều lắm, nó có thể đốt cháy tôi và cả bà.

Mụ ta cười, cái cười thấy đồng tiền trước mắt:

- Chiều mai ông trở lại, tôi trả lời dứt khoát...

Đây không phải là báo công mà kẻ lể dài dòng, vắn tắt để cho mày biết chơi vậy thôi.

Nói đến chơi, tao chơi một cú thật động trời, bọn tướng tá, thằng nào nghe, gặp tao cũng bái.

Số là hôm đó tao mang về hai vali tiền. Đến cái đồn cuối cùng trước khi vào căn cứ thì trời về chiều, tao xách hai chiếc vali tiền đi thẳng vào đồn. Cái đồn này coi như đồn biên giới giữa hai vùng ta và địch. Khi tao bước vào tên trung úy đồn trưởng biết tao là ai rồi, nó đã nhận được điện của một viên đại tá đàn anh báo trước, nó chực sẵn ngoài cổng.

- Chờ cậu Hai lâu quá! - Vừa vồn vã vừa đỡ lấy hai chiếc vali và hỏi - Gì mà nặng dữ vậy cậu Hai?

- Tiền! Tiền gỗ, tiền phát lương.

Sau đó tao hỏi:

- Ở đây có gì vui?

- Khỉ ho cò gáy, buồn thúi ruột!

- Bây giờ làm gì vui?

Nó nháy mắt cười nửa miệng rất đều:

- Cái gì vui, cậu Hai biết rồi!

Hiểu ý, tao lệnh cho nó:

- Gọi về Sài Gòn, lấy một chiếc trục thẳng, chở em xuống, mỗi thằng một em.

Bọn lính đứng xung quanh nhảy dựng lên, có thằng chạy lại đấm bóp hai vai tao...

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đổi hết tiền, một hôm gặp lại bọn tướng tá trong nhà hàng, mượn rượu tao chửi thẳng vào mặt chúng nó:

- Đ. mẹ, tụi mày đánh giặc như con c... Tao theo chân tụi mày, tao rải tiền, bây giờ tụi mày tháo chạy, gỗ của tao nằm ì tại chỗ, cháy túi.

Mặt thằng nào cũng sượng. Tao thấy nổi thất vọng đến chán chường qua cặp mắt lơ lảo của bọn tướng tá.

Tôi nói:

- Mày tồn tại đến bây giờ kẻ cũng giỏi.

- Biết thế nào mà giỏi với dờ, cũng như mày, bom đạn vậy mà mày vẫn sống, cũng không bị thương. Tao chơi, tao tung hoành trong cái khe hở của bọn nó.

- Mày có viết nhật ký, ghi lại những việc đã làm không?

Nó bật cười:

- Viết làm quái gì!

Tôi hỏi sang chuyện khác:

- Sao mày không lấy vợ?

- ở đất Sài Gòn này, mang tiếng là dân chơi, có lẽ vì chơi mà tao không tìm ra tình yêu. À! Mày còn nhớ con Thùy không?

- Nhớ đến mày là tao nhớ đến nó.

- Tại sao nó không phải là Thủy là Thuy, là Thụy mà lại là Thùỵ. Nghĩ sự đời, tao thấy đời tao lận đận vì cái dấu huyền.

Tôi làm trung gian sắp xếp một cuộc gặp gỡ giữa hai người bạn được mệnh danh là dân chơi - Anh Tư già nhà văn và Nguyễn Khắc Trung - Một người là dân chơi trong lòng giấc đầy trắc trở, hiểm nguy. Tôi hình dung một cuộc gặp gỡ đầu thú vị.

Chiều hôm đó, tôi ăn mặc đàng hoàng hơn mọi ngày, ngồi chờ.

Thằng Nguyễn Khắc Trung của tôi cỡi chiếc xe Honda đen, như ngồi trên con ngựa ô, xe thắng "két" trước sân nhà, nó khoác tay và hét:

- Bận áo vô!

Nguyễn Quang Sáng

Đạo trưởng

Tân Châu được biết, tên thật của ông là Lâm Văn Quốc, tự Ba Quốc, con của ông Lâm Văn Ngươn, mẹ là Nguyễn Thị Nhỏ, quê ở Cái Cùnh xã Long Điền, một thôn nằm ở giữa xã Vĩnh Mỹ và Gia Thái tỉnh Bạc Liêu. Cái đất sinh ra ông là Cái Cùnh. Tên "Cái Cùnh" gợi cho người ta một vùng rừng đất hoang sơ của U Minh, một vùng rừng còn những con rắn khổng lồ đêm đêm treo mình giữa hai thân cây, tự lấy thân mình làm gàu "bành bạch" tát nước giữa đêm khuya để bắt cá.

Thuở nhỏ, nhà nghèo, Cái Cùnh là nơi xa xôi hẻo lánh, nên ông chỉ học đến lớp a,b,c... Lớn lên, với thân hình vạm vỡ của ông, ông thích võ nghệ. Ông thích giao du với các hảo hớn, học võ "Thiếu lâm tự" để thỏa chí bình sanh, ông lưu lạc lên đất Miên, qua Lào, học thêm bùa ngải.

Sau bao năm "tầm sư học đạo" ông trở lại đất Tân Châu, lãnh cai quản cho gia đình người cậu của mình là ông Nguyễn Chánh Sắt, người có tiếng trong làng văn làng báo thời bấy giờ. Ba Quốc nổi tiếng là người siêng năng, giỏi giang việc đồng áng, to lớn và "hâm hừ" vậy, nhưng hiền lành dễ thương. Chẳng bao lâu, vào một đêm mưa gió, những đêm mà sông Tiền như con rồng chuyển mình, dậy sóng hàn đập ì ầm, sau những ngày bản thân rã rượi, biếng nói biếng cười, cặp mắt như lơ lơ, khi đỏ ngầu, thân xác ông như bị

một vị khuất mặt nào đó hành hạ ông, ông la, ông hét, ông đấm ngực, ông đập đầu vào cột nhà, rồi ông "phát huệ", ông lại xưng là "ta là tướng núi" và đủ thứ danh tánh.

Sau đó, ông lập am hành đạo. Rồi nhà người cậu, bỏ việc đồng áng, bằng bùa ngải ông bỏ công đi trị bệnh cho bà con dọc theo sông Tiền. Theo lời kể, lạ thay, bệnh nào ông trị cũng hết. Đó là bệnh nhẹ. Còn bệnh nặng, những bệnh kinh niên, ông gọi là bệnh tà ma ám ảnh, sau khi cho bệnh nhân uống bùa ngải, ông ra thần oai, ông đập đầu vào cột nhà cho tà ma hoảng xuất. Rồi ông trầm tư, dùng luồng sáng của đôi mắt chiếu vào bệnh nhân. Cũng lạ thay, bệnh nhân nào cũng thấy nhẹ người, người nào cũng thấy nhẹ người, người nào cũng lồm cồm ngồi dậy xá lạy ông.

Vào năm 1928, cái am bằng tre lá như một cái chòi ruộng được dựng lên, bề thế, tọa lạc trên con đường gọi là Hương Chùa, cách chợ Tân Châu độ cây số ngàn.

Đạo của ông lấy kinh gốc từ chùa Tây An. Mỗi ngày ông hành lễ ba thời: khuya, ngọ và chiều. Trước hết ông lễ Bàn Thầy, Bàn Thánh, Bàn Thần. Bàn chư vị năm Ông, mỗi bàn mười hai lạy. Xong, ông ra lễ bàn Thông Thiên, lạy đủ bốn phương: đông, nam, tây, bắc.

Khi hành lễ cũng có chuông mào ngân vang như nhà chùa.

Sau 14 năm hành đạo (1925-1939), ông có trên 10.000 tín đồ sống rải rác trên khắp cả đất Tân Châu, từ sông lớn đến kinh rạch qua các đồng sâu. Ông đi đến đâu cũng được tín đồ tung hô, vái lạy. Từ đó ông tự xưng là "Minh Hoàng Quốc", lúc ban đầu, đạo tưởng có nghĩa là ông ngồi tưởng cho bệnh nhân thoát bệnh. Sau cái nghĩa của Đạo Tưởng được nâng cao hơn, tưởng về "giang san tổ quốc, tưởng đến ngôi vua".

Dần dần, cái sân am hành đạo của ông biến thành sân võ. Một đêm đệ tử thấy thần oai, ông đập đầu vào một thân cây, cây lá rung rinh như đương

đầu trước ngọn gió. Như vậy, chắc ông thấy cũng chưa đủ, có lần ông đóng cây đinh ba tấc vào cột nhà, trước mặt hàng ngàn tín đồ đứng vây quanh, ông đục đầu vào cây đinh, cây đinh quẹo ngang mà đầu ông không hề có một vết xước xây xước.

Rồi đêm đêm, như một thời xa xưa nào được dựng bên bờ sông đất Tân Châu. Trước cái sân am hành đạo của ông, lá dừa bó thành đuốc nổ lép bép, đỏ đùng đục như ánh ma trời. Hàng trăm tín đồ với sắc phục vàng hươm, kiếm loang loáng trong ánh đuốc đỏ rực dưới trời đêm, bên con sông không bao giờ mệt mỏi, vừa trôi vừa vỗ sóng dập bờ.

Chừng như đã có một đạo quân, ông Đạo Tướng bắt đầu lập triều đình: Ông là Minh Hoàng Quốc, quân trẻ của Nguyễn Văn Hương, Đinh Phan, Vương Lèo và Nguyễn Soái Năm.

Đã có tham vọng, có triều đình, có quân đội, ắt phải có ngày hành động. Theo sách đã ghi, đó là đêm mừng 8 rạng ngày 9 âm lịch năm Kỷ Mão (20-2-1939), đêm trăng lưỡi liềm mờ mờ ảo ảo cùng nhang khói, tín đồ từ xa kéo đến nghe ông thuyết pháp. Buổi thuyết pháp trong đêm huyền ảo ấy, ông không giảng giáo lý cao siêu của đấng Từ bi hay đức hy sinh cao cả của Phật Thích Ca, mà chuyển giọng sang sáng như tiếng kèn thúc quân.

"Hỡi đồng bào. Dân tộc ta đã bị người Lang Sa cai trị nhục nhã gần trăm năm nay, số của chúng ta đã sắp mãn, đồng bào hãy cùng bốn đạo đánh đuổi quân thù rửa nhục nước".

Rồi ông đưa tay vỗ ngực, đồng dục tự xưng "Ta là Chánh vì Vương thừa mạng trời lập Quốc".

Như sóng dậy từ lòng người, tiếng hò hét của tín đồ dâng lên như sấm, đuốc hươ cao, dao gươm kiếm vung lên loang loáng, tiếng reo, tiếng trống, tiếng phèng la nổi dậy trời... Chó dục theo con sông cất tiếng tru ông ổng, xao xác cả dân chợ dân làng.

Rạng ngày mùng 9 trời vừa hừng sáng, cò Laffont, quận trưởng Nguyễn Văn Đề, thơ ký Phan Văn Thông cùng với hai tiểu đội lính vũ trang súng trường, xếp hàng theo một bờ kinh Vĩnh An tiến vào đường chùa. Quân của cò Laffont vây tròn lấy cái am của ông Đạo Tường trong tầm súng.

Ông Đạo Tường không hề nao núng... Cái am của ông không còn là cái am hành đạo nữa. Là một triều đình đã bày binh bố trận, sẵn sàng chinh chiến. Trước am, ông Đạo Tường oai vệ trong sắc phục vàng, áo tay rộng, đầu phủ bạch cân, lưng thắt dây đen, chân mang giày vàng, cổ đeo lòng thông râu chuỗi bồ đề, theo cách mô tả của người cùng thời "ông đường đường như Vu Hồng đương kiểm binh vua tướng quý, sải đậu thành binh hầu xuất trận".

Đứng hai bên, dài dọc theo sân võ, gồm hàng trăm nam nữ "đầu trọc áo vàng" tay gươm tay giáo, bùng bùng khí thế".

Giữa sân võ là hai cái thây của hai vợ chồng Hương Kiếm đã bị đem ra tể cò vào giữa đêm vì tội phản đạo.

Ông cất giọng về phía quân thù, nhằm nói với tên cò Laffont và quận Lễ:

- Các ông cứ bắn súng đi. Súng đạn của các ông không lủng được da thịt của quân "Minh Hoàng Quốc" này đâu. Bắn đi.

Sau lời thách thức của ông, súng vẫn im. Với giọng nói hùng hồn và sang sảng của ông, tin đồn không chỉ tin súng không làm gì được ông mà kể cả họ nữa. Họ đã được thầy tẩm cho bùa ngải rồi. Cả ông, cả họ không còn là người thường nữa, họ là người mình đồng da sắt.

Quận Lễ đứng từ xa cất tiếng:

- Ba Quốc hãy buông gươm giáo đầu hàng. Không sẽ thiệt mạng.

Đạo Tường phát tay áo:

- Hồi binh sĩ. Trẫm nay vốn thiệt là "Minh Hoàng". Các người hãy trả áo lại cho bọn Lang Sa cùng ta tiêu diệt kẻ thù. Tiến.

Tín đồ của ông một loạt trụ bộ, rùng chân đi vừa chĩa gươm giáo vừa hô, tiếng hô như tiếng gầm phát ra từ những lồng ngực, rùng rục máu.

Phía bên cò Laffont và quận Lễ, đạn lên nòng, một họng súng cất lên trời.

- Cóp.

Súng không nổ. Viên đạn lép đầu tiên của cò Laffont là bằng chứng cho lòng tin của Đạo Tường và tín đồ.

Gươm giáo lửa tủa trong vang lên cùng tiếng gầm thét. Súng bắt đầu nổ.

Nhưng đạn chỉ cày lên sân cỏ, bốc khói, chẳng trúng ai. Quân "đầu trục áo vàng" của Đạo Tường vừa nhảy vừa xông lên như một đám lân vừa đập xác pháo vừa cất cao đầu.

Khi mặt dần giáp mặt, ông Đạo Tường vừa lắc hai vai vừa bước, phát hai tay áo, đưa hai bộ vuốt hùm, mắt trợn nhìn cò Laffont, Lê trong nháy mắt, hai bộ vuốt hùm của ông sẽ móc cả ruột gan cò Laffont.

Cò Laffont vừa lùi bước vừa móc súng, bàn tay cầm súng của hắn run lẩy bẩy. Một tiếng nổ.

Nghe tiếng "hực" của ông, binh lính tín đồ giật mình quay lại. Con người siêu phàm đang loạng choạng, vừa ngã, vừa đưa cái bàn tay móng vuốt hùm lên lồng ngực. Cái lồng ngực căng đầy của ông máu tràn đầm cả chiếc áo vàng. Không một lời trời trắng, chỉ có tiếng "ừng ực" uất nghẹn không nên lời, hai con mắt nhìn trời trợn ngược.

Bao năm tu luyện bùa ngải, chỉ cần một tiếng nổ, một viên đạn đồng bằng đầu đũa, mộng lớn của ông bỗng tan biến như khói hương trong am hàng đạo trong cơn gió.

Ông ngã xuống, không một tín đồ nào ở bên ông, quanh ông chỉ còn là gươm giáo của tín đồ đã tản chạy.

*

* *

Sau này có một lão râu dài đến tận ngực, vốn trước kia, thỉnh thoảng ông được Đạo Tường mời vào am đàm đạo. Ông kể Lại với một vài bạn tri âm. "Ông Đạo muốn làm vua nước Nam, nhưng ông không biết biên giới nước Nam mình từ đâu đến đâu. Nước Nam có bao nhiêu sông lớn, bao nhiêu núi cao, ông cũng không rành. Ông tưởng đánh được đồn Tân Châu thì cả quân Pháp đầu hàng. Ông tội thay".

Ông lão đã đến bàn thờ ông Đạo Tường thắp ba nén nhang:

- Chí khí của ông thật là đáng phục, xin ông nhận cho tôi ba lạy.

Ông quỳ, ông lạy ba lạy rồi chấp tay ngửa mặt lên trời:

- Hỡi ôi. Ông Đạo Tường.

18 - 4 - 1992

Nguyễn Quang Sáng

Đổi nghề

Người học trò chưa kịp cúi đầu chào thầy thì thầy đã cúi đầu chào trước, thầy cười niềm nở và đưa tay hướng dẫn khách ngồi vào bàn và hỏi giọng hỏi nhẹ và lễ phép lắm: "Dạ hai cậu đi mấy người?". Người cùng đi trả lời cộc lốc: "Hai!".

Chiều mưa lất phất, hứa hẹn một buổi nhậu ngon lành sau một hợp đồng xây dựng cho một công ty xuất nhập khẩu. Anh học trò là kỹ sư xây dựng, tuổi ba mươi, người dong dỏng, mang kính cận, hãy còn dáng dấp của một sinh viên, tên Liêm. Ông giám đốc công ty người vạm vỡ, tuổi hơn bốn mươi, vẻ phong trần, râu lún phún, tóc muối tiêu - ông Nguyễn Hưng. Sau khi hai người an toạ thì cô tiếp viên tuổi hai mươi mặc chiếc áo bà ba cách điệu màu xanh lá cây, lễ phép trình thực đơn bìa màu đen - ông Nguyễn Hưng đưa tay chụp lấy. Tiếp viên giọng nhỏ nhẹ: "Hai anh uống gì?". Ông Nguyễn Hưng: "Chiều mưa ta làm chai rượu?". "Dạ tùy anh". Ông Nguyễn Hưng giọng vừa to vừa ấm: "Một chai Rémy!". "Dạ lớn hay nhỏ?". Ông Nguyễn Hưng trợn mắt nhìn cô tiếp viên: "Chai nhỏ không đủ lỗ mũi". Cô tiếp viên cười. Anh kỹ sư Liêm vẫn bị ông thầy ám ảnh, anh hỏi: "Anh đến quán này thường không?". Ông Nguyễn Hưng: "Từ ngày khai trương, gần một năm, thấy được, không sang không hèn lại tiện đường". Chai Rémy đặt lên bàn, hai cái

ly bầu, một xô đá, hai chai soda Chương Dương... Hai ly rượu sóng sánh màu mật ong - ông Nguyễn Hưng vui mừng với hợp đồng, ông háo hức cầm ly nâng cao: "Cạn!". Anh kỹ sư vẫn bị ám ảnh nhưng vẫn nâng ly. Ông Nguyễn Hưng nốc cạn, còn anh kỹ sư thì nhấp đến ba lần, rồi cũng cạn. Khách tốp ba, tốp bốn lác đác vào - Ông chủ lại chào, lại bắt tay, lại cười, qua lại, lui tới, lảng xãng. Anh kỹ sư cứ đưa mắt nhìn theo ông chủ: "Sao mà giống ông thầy trường tôi quá!". "Còn ai vô đây nữa, thầy Viết chú không nhớ à!". "Tôi không ngờ...". "Có gì mà không ngờ...". Rồi ông kể. Đáng lẽ ông hạ giọng nói nhỏ cho hai người vừa đủ nghe, nhưng ông vẫn giữ giọng bình thường: "Trong giáo dục, sự nghiêm khắc là điều cần thiết, ông ta nổi tiếng là ông thầy nghiêm khắc - Hồi chiến tranh ta có chiến sĩ diệt Mỹ, chẳng biết ông ta làm gì mà nổi tiếng là "chiến sĩ diệt sinh viên". Mỗi năm mỗi kỳ học, đơn kêu oan, đơn khiếu nại gởi lên ban thanh tra chồng chất. Ban thanh tra xuống. Cái bộ mặt nghiêm khắc là cái mặt nạ. Những sinh viên chưa đáng đuổi thì ông ta đuổi, còn đứa đáng đuổi thì ông ta cho học. Chúng có rành rành thế là ông ta bị thôi việc, không chỉ có ông ta, cái băng của ông ta dài lắm. Tôi cũng là một bằng chứng". Ông Nguyễn Hưng phát giận, ông cầm ly ực một hớp: "Tôi có một đứa cháu ở Đồng Tháp lên trên này học - Đồng Tháp bị lũ, nó chạy về thăm nhà. Không ngờ lũ to, nhà bị cuốn trôi, em nó chết. Mùa lũ người chết không có đất chôn. Vắn tắt là như vậy, chú đủ thấy bê bối cỡ nào. nó phải ở nhà giúp mẹ em út chạy lũ. Tạm ổn, nó trở lên. Nó bị phạm quy vắng mặt không xin phép. Thầy Viết này đuổi. Với tư cách là chú, tôi đến trường. Tôi là người làm ăn, tôi biết muốn đạt được mục đích thì phải đi nhiều đường. Cửa trước, cửa sau, cửa hai bên hông, đi ngày đi đêm. Nhưng tôi nghĩ, nhà trường là chốn tôn nghiêm - Tôi đi cửa chính. Khi tôi bước vào phòng của thầy, thầy nhắc cặp kính nhìn tôi. Tôi cúi chào lễ phép: "Chào thầy". "Ông có việc gì?" - Gương mặt của thầy

sắc lạnh, thầy cũng không mời tôi ngồi. Tôi rất bực, nhưng tôi phải xuống nước nhã nhặn. "Dạ tôi thay mặt cho phụ huynh của cháu Đông". Không để cho tôi nói hết lời, ông ta nói như rít trong hai hàm răng: "Trường hợp này tôi đã xử lý rồi, không khác được". Nói xong ông ta quay mặt qua hướng khác, còn tôi, tôi quay đi luôn. "Bây giờ thì khác, là chủ quán, ông ta phải chào mình, phải xới lời. Chú không nhận ra ông thầy của chú cũng phải. Mỗi nghề, mỗi gương mặt. Nghệ sĩ có gương mặt nghệ sĩ, công an có gương mặt công an, chính khách có gương mặt chính khách. Đờn là vậy. Mất dạy thì phải đổi nghề, còn tại sao ông ta chọn đường mở quán thì tôi không biết". Ông thầy Viết mở quán thật ngẫu nhiên. Trong thời gian bị thôi việc, tất nhiên là buồn. Không việc làm, buồn thì giao du với bạn bè, nhưng xấu hổ, ông chẳng muốn gặp ai. Ngay ngày Nhà giáo, không có một bó hoa. Học trò không ai đến thì làm gì có hoa. Hồi đương chức, Ngày Nhà giáo hoa ngập cả phòng khách đủ hương đủ sắc, tôi phải phân tán nó đi, không thì ngộp mà chết. Trong những ngày quần bách, một người bà con ở Sóc Trăng tạt qua thăm. Người bà con tên Trần Sễn, trên năm mươi tuổi, tóc hớt đầu đinh, bụng phệ, nói cười rang rang. Ông là chủ nhà hàng, với con mắt nhà nghề, qua nhiều câu thăm hỏi, ông chợt nói: "Nhà thầy mà mở quán thì thầy giàu to". Thầy Viết tròn mắt ngạc nhiên: "Mở quán à?". "Thì mở quán". Thầy lắc đầu lia lịa: "Không được, không được. Ở con phố này có bao nhiêu tiệm ăn. Có tiệm ở xéo bên kia một năm mà thay tới ba chủ. Chủ nào cũng lỗ". "Họ lỗ là họ không biết làm ăn". "Tôi thì biết gì?". Ông Trần Sễn ngồi trên chiếc nệm da, áo phanh ngực, hai chân xoải dài, giọng tự tin: "Không biết thì học. Thầy để tôi chỉ. Nhà thầy ở quận 5, nhà lại mặt tiền. Thầy có nghe dân Sài Gòn nói không? Ăn quận 5, nằm quận 3... Ăn thì ở đâu mà không ăn, nhưng ăn cho ra ăn thì phải ăn ở quận 5. cái lợi thế thứ hai là thầy không tốn tiền thuê mặt bằng. Nhiều người bị lỗ là một phần tiền thuê mặt bằng. Người cho

thuê mặt bằng họ ăn chắc nhưng là người không biết làm ăn. Cái mặt bằng của thầy, cái phòng khách kê được tám bàn, cái sân, thầy che mái, xếp được mười hai bàn". Thầy Viết cảm thấy hứng thú nhưng vẫn ngại ngần: "Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc mở quán". "Có phước làm quan, có gan làm giàu. Nghề dạy nghề mà. Nghề nào cũng có mảnh lời, cũng có bí quyết, phải biết dụ khách. Khách hàng là thượng đế, họ thích thì mình chiều. Như ở nhà hàng tinh tôi thì làm gì có heo rừng, nhưng khi gọi heo rừng tôi vẫn có heo rừng. Nói thầy đừng cười, heo rừng của tôi là heo nọc. Con heo nọc hôi dái ai ăn! Nhưng biết làm thì thịt nó như thịt heo rừng. Mỡ ít, da dày, thịt nhiều nhai nghe giòn rụm, ai biết. Khách gọi rùa rang muối, rùa phải có trứng họ mới ăn. Họ đâu có biết rùa có trứng phải nhằm mùa. Dù rùa không có trứng, tôi vẫn có trứng. Có gì đâu, tôi mua trứng rắn bông súng, tôi nhét vô, họ ăn vẫn thấy ngon. Có một lần sơ ý, tôi nhét trứng rắn bông súng vô bụng con rùa đực nhưng họ vẫn ăn ào ào. Còn nói về con cua, con cua hấp phải đủ càng đủ ngoe. Hai cái càng mà rời ra thì họ chê. Cua tôi mua là cua xuất khẩu không đạt tiêu chuẩn. Cua một chỗ càng ngoe một chỗ. Có gì đâu ráp nó lại bằng keo dán sắt. Họ bẻ rôm rốp, họ cười rang rảng. Họ toàn là khách sành ăn!". Thầy Viết càng nghe càng thú vị, thầy như đưa học trò được giảng một bài học kinh tế đầu đời.

Con rùa rang muối đặt lên bàn. Ông Hưng lấy đũa lật cái mai lên, trên mình con rùa có một chùm trứng, những cái trứng nhỏ bằng đầu ngón tay út, màu trắng ngà, ông đưa mũi trên chùm trứng nghe mùi khói. Chùm trứng như vượt hết cơn giận của ông Hưng, ông đưa đũa gấp một cái trứng vào chén anh kỹ sư: "Chơi đi! Ăn nguyên trứng chớ đừng cắn, một cái trứng đủ liều lượng cho một hớp rượu". Như để làm mẫu, ông cho nguyên cái trứng vào miệng, vừa nuốt xong thì ly rượu kê bên môi, ông ực một hớp ngon lành. Ông vừa rót thêm rượu vừa nói: "Tôi thích ăn rùa, nhưng rùa phải có trứng,

trên đời này không có trứng nào bằng trứng rùa. Có những quán hời rùa có trứng không, nó bảo mùa này không có trứng. Đẹp! Còn quán này, ngày nào, mùa nào rùa cũng có trứng, tôi thích quán này là vậy". Ông Hưng tìm ông chủ, vẫy tay một cách hào phóng. Ông chủ chạy tới, ông Hưng rót rượu đưa cho chủ quán: "Thưởng!". Ông chủ quán khẽ cúi chào, mặt rạng rỡ, ông đưa hai tay bưng ly rượu vẻ trân trọng, nhưng ông chưa kịp uống thì ở bàn bên kia một ông khách hỏi: "Ai có bút cho tôi mượn!". Ông chủ quán vội đặt ly rượu xuống, vội quay đi. Chỉ cần vài bước mà ông đi như chạy: "Dạ bút đây!".

Nguyễn Quang Sáng

Gà sanh đôi

"Tháng giêng là tháng ăn chơi", năm nào cũng vậy, sau ba ngày Tết, làng tôi lại mở trường gà. Những tay chơi gà tứ xứ kéo về, họ đi bằng ghe, bằng xuồng, đi xe hơi, nhiều nhất là đi bằng xe ngựa, và đông nhất là dân Cao Lãnh, gà Cao Lãnh.

Trường gà xây tròn giữa sân chợ. Hàng quán tràn ra tận đường, người qua kẻ lại tấp nập. Gà, khỏi phải nói. Người ta ôm nó trong lòng tay, trước ngực, hết sức nâng niu. Con nào cũng rực rỡ, oai phong như Lữ Bố.

Trong bọn con nít chúng tôi, thằng Xẹ là thằng xông xáo nhất. Xẹ mười hai mười ba tuổi, chắc nó có một cái tên khác đẹp hơn, nhưng bọn tôi không ai biết, chỉ biết nó là Xẹ vì nó là thằng mắt lé, lé xẹ, nó ngó bên này nhưng lại nhìn bên kia. Má nó bán cháo cá, chắc nghèo, hình như nó không có quần dài, toàn mặc quần xà lỏn, áo bà ba nhưng lại cụt tay, người ốm yếu nhưng lại dẻo dai trong mọi cuộc chơi. Những ngày vui này, nó được má cho tự do, khỏi bung cháo cho khách. Nó cũng ôm một con gà, nhưng là gà tre, con gà trong tay nó cũng sắc sảo chẳng kém ai, nhưng nhỏ bằng một nắm tay. Gặp con gà chiến nào nó cũng đưa gà nó ra thử. Nó quan sát từng con để khi trường gà đóng cửa, thắng thua rồi gà ai nấy bỗng, không ai nhớ thì nó bắt

đầu kể, con thắng con nào, con thua con nào, màu sắc nó ra sao như một cuốn phim. Bọn tôi, có đứa ngồi bên cạnh nó từ đầu đến cuối, nghe nó kể cũng há miệng nghe như một chuyện mà chưa bao giờ biết.

Sau trận gà năm đó, nó kể. Con gà thắng trận là con gà ô của Cao Lãnh. Con gà tuyên một màu đen, cựa cong như lưỡi hái.

- Cựa đó là cựa móc họng - Nó nói. Nhưng con ô Cao Lãnh thắng không phải nhờ cái cựa móc họng đâu!

- Vậy nó đá con kia dẫy tê tê là nhờ cái gì? - Một thằng hỏi.

Thằng Xệ nghiêng mặt ngó tôi nhưng lại nhìn thằng vừa hỏi rồi nó ra vẻ bí mật:

- Nó là con gà lai.

- Nó lai tàu à?

- Lai tàu thì vô nòi - Nó lai rắn. Con ô đó cha rắn, mẹ gà.

- Trời đất! Bọn tôi sững sờ. Nó không thêm đề ý đến vẻ ngạc nhiên của bọn tôi, kể tiếp:

Ông chủ gà đó có nuôi con gà mái nòi để lấy giống. Là gà mái nhưng khi nó có con, nó đá mấy con trống hàng xóm cụp đuôi rút hết. Có một đêm, ông chủ gà thấy có một con rắn hổ mang chui vào chuồng, ông định đốt đuốc, đập nó, nhưng ông thấy êm ru, không nghe con gà "la ó" gì mà nghe nó "rin rít" trong cuống họng. Ông rình ông xem, ông thấy con gà mái ngủ với con rắn. Lại, đêm thứ hai ông rình, ông thấy y như đêm trước. Con gà mái bắt đầu đẻ. Ông đánh dấu mấy cái trứng ông nghi là con của rắn. Gà nở, ông bắt đầu nuôi, nuôi cho đến lớn. Con ô của ông đúng là con của rắn. Tụi mày biết không, khi nó rướn cái cổ của nó lên mổ xuống y như con rắn hổ mang. Mổ dính đầu con kia, nó quay mình, song phi, đưa cái cựa lưỡi hái móc họng con kia dẫy đành đạch...".

Nghe thằng Xệ kể, bọn tôi nhìn nhau, bán tín, bán nghi.

- Tụi mày không tin thì thôi, tao không kể nữa.

- Tin chứ sao không tin, kể nữa đi Xẹ.

Như đắc thắng, nó nghênh mặt, ngó bên này, nhìn bên kia, làm cao:

- Bữa khác!

*

* *

Năm sau, cũng sau ba ngày Tết, xác pháo còn đầy đường và trời cũng se lạnh, sân chơi lại tấp nập với trường gà.

Ngay ngày đầu, thằng Xẹ chạy tìm bọn tôi. Bọn nhóc chúng tôi lại túm tụm dưới gốc cây trướng cá như mọi năm. Nó báo một tin giật gân:

- Con gà lai rắn độc nhứt vô nhị bị gục rồi!

- Con gà đá gục con lai rắn nó lai con gì?

- Con cọp hả?

- Xạo! Cọp làm sao ngủ với gà?

- Hay là nó uống rượu hổ cốt?

- Xạo hết!

- Vậy thì làm sao nó đá gục con gà cha rắn mẹ gà?

- Vậy mới nói! - Bọn tôi sốt ruột. Thằng Xẹ từ từ ngồi xuống, bọn tôi cũng từ từ ngồi xuống theo nó, nó bắt đầu:

- Con gà lai rắn đá đâu thắng đó khắp vùng Cao Lãnh. Trong khi đó, ông chủ gà lai rắn nghe đồn có một con gà bên xứ Nha Môn cũng đá đâu thắng đó, chủ gà Nha Môn thách ông đánh đấu. Trước khi nhận lời, ông đi dò hỏi. Ông đến trường gà, xem con gà Nha Môn. Ông thấy ông Nha Môn có hai con nòi giống hệt nhau. Rồi ông nghe nói đó là cặp gà sanh đôi. Ông để ý thấy, khi cây nhang tàn, đồng xu rớt xuống đĩa một cái keng, chủ gà bỗng con gà vô cho nước, tới "rul" thứ hai, ông tráo con gà em vô, giống hệt, không ai biết, hai con gà thay nhau đá với một con, con nào chịu nổi. Người ta kể, ông Nha

Mân đó, khi gà của ông ấp, đến ngày sắp nở, ông bỏ trứng vào thau nước. Ông thấy có một trứng lắc mạnh, nó lắc từ bên này qua bên kia, rồi từ bên kia nó lại lắc qua bên này, mạnh không giống ai. Ông để ý, khi gà nở, ông thấy cái trứng đó ló hai cái mỏ, ông tưởng là con gà hai đầu, ông sợ, ông chấp tay ông vái, khi trứng bẻ ra, ông thấy hai con, ông mừng như la làng, ông chạy đầu trên xóm dưới ông khoe, ông có cặp gà sanh đôi rồi, ông nuôi nó thành một cặp gà chiến.

Ông gà Cao Lãnh vỗ vai ông Nha Môn:

- Tôi nghe ông nhẩn thách đấu với con ô của tôi.
- Dạ đúng ! Nghe con ô vang danh quá, tôi muốn cho gà tôi thử sức.
- Tôi không chạy, nhưng gà ông là gà sanh đôi, hai con thay nhau đá một con., con nào chịu nổi.

Bị lộ, ông Nha Môn tái mặt, chôi quanh co, Ông Cao Lãnh nói:

- Ông thách, tôi không chạy. Con anh hay con em, con nào cũng được, nhưng khi ra đấu trường, ông cho con anh ra đấu thì tôi bồng con em, nếu con em đấu thì tôi bồng con anh.

Không đợi ông Nha Môn trả lời, ông gà Cao Lãnh nói:

- Sau Tết tôi bồng con ô đến trường đấu, tôi chờ cặp gà sanh đôi của ông.

Ông gà Nha Môn ôm cặp gà sanh đôi đến trường đấu.

Ông gà Cao Lãnh hỏi:

- Ông cho con anh hay con em?

Ông gà Nha Môn:

- Nó nở một lượt, tôi không biết con nào anh, con nào em. Ông chọn con nào tôi thả ra con đó.

Giao kèo xong, ông gà Cao Lãnh liền bồng một con. Trận đấu thật mê hồn.

Hết cây nhang thứ nhứt, con gà sanh đôi thương tích đầy mình, lông lá rơi tả.

Không chịu nổi con gà lai rấn, con gà sanh đôi xụi đuôi, rút chạy. Con gà

sanh đôi trong tay ông gà Cao Lãnh nó dựng lên, cất tiếng kêu "ót ót" mấy tiếng, lập tức con gà sanh đôi kia lại như hồi mã thương, đập liền mất cái. Con gà lai rấn chồm lên, từ trên cao mổ xuống như con rắn, con gà sanh đôi ở trong lại "ót ót", lập tức con gà sanh đôi ở trong như quì xuống, thấp hơn, rồi vung hai chân đá ngược, cái cựa của nó phập ngay cái cổ họng con gà lai rấn. Con gà lai rấn quy xuống, giãy đành đạch.

Ông gà Cao Lãnh mặt xụi lơ:

Con gà sanh đôi của ông lợi hại quá. Con trong nó mách nước con ngoài.

Ông gà Nha Môn:

- Làm gì cũng phải có chỉ huy chứ anh!

Kể xong chuyện, thằng Xẹ ngó bên này nhìn bên kia chờ bọn tôi tán thưởng, không ngờ có đứa phật ngang:

- Dóc ! Dóc tổ!

Thằng Xẹ cụt hứng, nó lại ngó bên này nhìn bên kia.

- Uừ, thì tao dóc. Tụi mày, tao đồ thằng nào nói dóc được như tao. Tao đồ.

Bị một đòn phản công của nó, như bị một cú hồi mã thương, bọn tôi nhìn nhau, lơ láo. Thua ! Thua thằng Xẹ.

27/11/97

Nguyễn Quang Sáng

Một chuyện vui

Bao giờ cũng vậy, hễ một chuyện nguy hiểm qua rồi thì chuyện đó trở thành chuyện vui. Đó cũng là trường hợp của anh Bảy Ngàn. Trong một ngày, anh suýt chết đến mấy lần, thoát chết rồi, bây giờ anh coi đó như một trò đùa. Ấu cũng là cái tính lạc quan của người miền Nam vậy ! Nhiều người nấp trong chỗ kín nhìn thấy rõ cái cảnh gian nan của anh từ đầu đến cuối, nhưng vẫn cứ muốn nghe anh kể lại.

Trận lụt chưa rút. Nước vẫn mênh mông. Trời trắng sáng. Đúng là cảnh trắng nước của Tháp Mười. Năm, bảy chiếc xuồng kê lại gần một tằm cây. Họ đang nhậu và nói chuyện. Hình như có cả nữ nữa.

- ở cái chiến trường Tháp Mười này mà không nhanh trí, không táo bạo thì làm sao mà sống được ?

Anh Bảy đang nói đấy, giọng oang oang. Một anh bạn nhà báo của tôi liền rập mình, thọc sâu mái dầm bơi nhanh lại.

Xuồng đang trớn, mũi va vào lái xuồng khác đánh cốp một tiếng, xuồng này thúc xuồng kia, chòng chành, có người chơi với và nhiều tiếng hỏi. Đang lúc vui, chẳng ai muốn nổi giận.

- Anh Bảy, kể lại từ đầu đi!

Anh Bảy, người kể chuyện, đang ngồi giữa chiếc xuồng cui lớn. Cạnh bên

anh là một rổ ốc bươu, một chai rượu đã cạn, và một cái cốc, một bình tích nước trà. Anh khoảng ba mươi hai tuổi, người hơi thấp, vai ngang, da nâu, bắp thịt nổi cuồn cuộn. Anh ở trần, lồng ngực phồng lên như cái ức chim. Mặt anh vuông, tóc rẽ tre, cắt ngắn và dựng đứng.

- Kể lại từ đầu đi, anh Bảy.

- ừ, phải đó, có người mới tới mà.

Với giọng đầy hứng thú, nhiều người cùng lên tiếng bảo anh.

- Làm lại từ đầu à ? Cũng được.

Có người nắm lấy be xuống, kéo sát lại xuống anh.

- Sáng hôm đó - anh bắt đầu - tôi mang bá đở chống xuống ra ruộng thăm lưới. Tôi vừa gỡ được mấy con cá chày thì thấy trời trở lạnh. Tôi lấy thuốc hút. Thuốc tôi đựng trong bọc ni lông, vắn điều thuốc xong, rờ túi mới biết là mình quên hộp quẹt. Tôi ngó vô nhà, nửa muốn về, nửa muốn nhịn. Đang phân vân thời tôi nghe tiếng máy chạy hu hu, tiếng máy nghe rề rề. Dòm lại, tôi thấy nước cứ lả ra, trắng xóa. Nhìn kỹ, tôi thấy tàu một dọc, không biết mấy chiếc đang chạy xả vô đồng, chạy xấn lại chỗ tôi. Thôi chết, tụi nó càn. Tôi hoảng quá. Tôi liền nhận xuống. Nhưng mà tôi hãy còn tỉnh, trước khi nhận xuống, tôi lấy bao thuốc để vô túi, lấy kim tây gài cẩn thận, rồi mới nhảy xuống nước. Trận lụt năm nay thật ghê gớm, cánh đồng của tôi ít nhất cũng hai thước nước. Tôi lật úp xuống lại, chun vô lườn định chém về. Tôi nghe tiếng máy tàu hu hu mỗi lúc một gần. Tôi thấy không xong - Chém về như thế này nó sẽ nắm tóc mình, nó sẽ kéo lên tàu lúc nào cũng không biết. Phải cao chạy xa bay thôi. Tôi chui ra, lắt xuống, trèo lên, nhắm rừng tràm, rừng mình, chống thẳng. Lúc đó, sức mạnh chẳng biết ở đâu mà có, xuống tôi lao vun vút như tên bắn. Nước trước mũi xuống tôi cũng lả ra, bọt trào lên trắng xóa. Nghe tiếng máy rền rền mỗi lúc một gần, tôi biết nó đang rượt tôi. Tàu nó chạy máy, xuống mình cũng máy, nhưng mà máy gân làm sao

mà chạy kịp ! Lần xăn cái điệu đó thì nó nằm lưng lúc nào không hay. Phải tính đến nước khác. Chưa có kế gì mới, súng nó bỗng nổ rộ lên. Y như cái máy tự động, súng vừa nổ thời tôi cũng vừa trằm mình dưới nước rồi. Một chiếc, hai chiếc , ba chiếc, bọn nó lớ nhố có cả bọn chur hầu nữa, chắc Nam Triều Tiên hay Tân Tây Lan chứ không phải Mỹ; Mỹ thì chỉ ngồi trực thăng thôi. Tôi thấy nước trong mũi tàu nó cứ dựng đứng lên. Còn súng của nó bắn nghe mà phát ham. Thăng giầu đạn thật, nó như mình thì kiểm thảo sẵn đầu. Đạn rơi xung quanh tôi như trấu vãi. Lùm bùm, lèo xèo, lùm bùm, lèo xèo đều hết. "Cạch": Nó bắn trúng xuống rồi. Xuống mà chìm tôi chỉ có nước chết đuối. May mà nó chỉ làm mẻ một miếng lái thôi. Phải nói thật là đạn nó chệch mình. Đạn vừa bay tới chỗ tôi thời nó tạt ra hai bên hết.

- Thôi đừng có lên giọng phách - Một chị nói chen vào, chọc anh.

- Đừng có xía vô, để người ta nói - Một chị khác lên tiếng rầy chị kia.

Anh Bảy sừng lại một chút, nhưng không mất hứng, vẫn cái giọng hài hước và sôi nổi ấy, anh tiếp:

Aà, thì cũng phải cho người ta làm phách một chút chứ. Tôi kể đến đâu rồi há: Aà, nó bắn tôi. Trằm mình hoài như vậy một là ăn đạn, hai là bị bắt sống thôi. Đã đến nước đó thời tao cũng liều mạng. Mạng đổi mạng. Tôi lên xuống. Nhưng tôi không trèo. Trèo ló đầu cho nó bắn nát óc à? Tôi đâu có dại. Tôi nắm lấy bệ xuống ấn xuống rồi nằm sấp gác nửa thân mình rồi lăn lên. Tôi chụp lấy bá đồ, chẻ culát, lên đạn. Tôi lấy cái xuống làm công sự. Tôi khạc cho nó mấy phát liên. Tiếng súng dội xuống mặt nước, nổ bung bung, nghe thiệt đã. Nói cho có trời, chẳng biết có trúng được thằng nào không, tôi không thấy, nhưng biết chắc là tàu của nó bị lủng. Nó sừng lại, hai chiếc khác kè lại cho mấy thằng trên tàu lủng đó nhảy qua. Nhìn kỹ, tôi thấy đó là tàu mủ. Vậy là tôi nắm được cái nhược của nó rồi. M113 gặp bá đồ còn phải ớn, xuống mủ thì có ra cái nước mẹ gì. Húp nước nằm thôi con ả

! Tôi khạc luôn mấy phát nữa. Xuồng lắc, chắc là trật.

- Dở thì nói dở, đổ thừa cái gì - Một chị lại lên tiếng chọc anh.

- Hề, để người ta nói mà.

Anh Bảy không lấy đó làm giận, anh ngược cổ cười hề hề:

- Ổ thì dở. Bắn ba phát - anh tiếp, tôi thấy nước tạt lên, bọn nó hoảng, liền rồ máy, chạy tán. Nó chạy tôi cũng chạy.

- Tưởng làm sao, té ra mình cũng chạy.

- Phải chạy chứ - anh lớn giọng cãi lại - ở đó để ăn đạn à? Tôi chống hết gân, chạy được một lúc, sắp tới tới rừng tràm, mệt quá. Tôi quay lại dòm chừng.

Thấy chúng nó, ba bốn chiếc cứ đứng một chỗ mà rồ máy chạy xả lại tôi.

Nước trước mũi tàu nó xối ngược lên trắng dã. Tôi nằm xuống, nã luôn mấy

phát. Chúng lại sừng lại rồi quay mũi chạy. Máy chạy tao cũng chạy. Tôi lại

lia sào, chống riết vô rừng tràm. Còn khoảng gần một ngàn thước nữa thì

tôi mới vô tới rừng. Hết sợ rồi. Tôi quay lại đưa tay ngoắc nó một lần nữa.

Thấy tôi ngoắc nó lại nổ súng, rồ máy, chạy tới. Đạn trước mặt tôi, xung

quanh tôi như tát nước. Tôi lấy cho nó ba phát nữa. Tôi thấy đầu mũi tàu của

nó bốc khói. Khoái quá. Hai chiếc khác liền kè lại. Tôi nã luôn mấy phát

liền. Lần này chắc nó nghĩ chơi với tôi chỉ có lỗ thôi. Nó giết được tôi thì

cũng chỉ có một thằng, còn tôi giết nó ít nhất cũng bằng hai. Không khéo tàu

chìm thì uống nước cả đám. Vậy là nó quay tàu, chạy tát nước, chạy xịt khói

đít. Tôi bắn mấy phát đưa nó đi, bọn nó chạy xa rồi, đáng lẽ tôi đâm vô rừng

cho mau mới phải. Nhưng tôi lại không. Tại sao cái số mình lặn đạn, nó

khiến cho mình như vậy hay sao há ! Tôi muốn hút thuốc, ngật chưa !

Nhưng hộp quẹt đâu mà hút. Tới cơn ghiền tôi đâm ra uể oải. Tôi chống khía

khía vô rừng. Tôi bỗng nghe tiếng cào cào. Tôi nghe nó rên hi hi từ đằng xa,

lúc đó, tôi mới chống vội chống vàng. Xuồng phóng lên, mũi đập lên mặt,

nước lạch chạch, ào ào, lạch chạch, ào ào. Xuồng đi như bay. Nhưng trời !

Nó tới rồi, con cào cào đực nó thấy tôi rồi. Một mình tôi, một chiếc xuồng đang chơi voi giữa trời nước, nó không thấy làm sao được ! Nó có đuôi đâu ! Vậy là nó rề tới. Nó đảo - Thế nào nó cũng "sút" hỏa tiễn vào mình. Phải nói thật là lúc đó tôi có quỳnh. Chân tôi đứng không vững, xuồng cứ lắc lia. Nhưng tôi kịp nghĩ, quỳnh thì chết, bình tĩnh thời may ra có thể sống. Một trong hai lẽ phải chọn lấy một. Chọn thế nào ? Tôi chọn lấy cái bình tĩnh. Nước cao hai thước, tôi trằm mình dưới đáy, còn lâu hỏa tiễn mới đụng tới tôi. Nhưng trằm mình dưới nước thời bị động quá. Không thấy đường mà tránh. Có khi vừa nhoi đầu lên hỏa tiễn nó gõ ngay đầu cũng nên. Tôi bỗng nhớ một câu chuyện. Nghe nói ở Củ Chi hay Bời Lời gì đó, có một anh cán bộ đang chạy xe đạp, cào cào từ sau bay tới anh không hay. Nghe tiếng, anh đã thấy nó tới rồi. Hai bên đường trống trơn. Anh không biết lùi đi đâu. Mỗi lần nó tắt máy cắm xuống, "sút" hỏa tiễn anh lại đạp xe chạy, chạy ngoằn ngoèo như con rắn. Trái hỏa tiễn thứ nhứt rơi phía sau lưng anh. Anh cứ chạy lẩn quẩn lít quýt như vậy. Trái thứ hai rớt phía trái, trái thứ ba rơi bên phải. Đến trái thứ tư anh quay xe, chạy ngược, trái thứ tư cũng xẹt khỏi phía sau đít anh. Đúng bốn trái hỏa tiễn. Vậy là nó hết đạn rồi. Nắm được cái nhược của nó anh dừng lại, ngoảnh mặt cổ nhìn lên nó và cười. Nghe chuyện ấy, tôi phục anh cán bộ đó quá. Phục thì phải bắt chước. Mình cũng phải ở trên xuồng. Trằm mình dưới nước, nó bắn không được thời nó sẽ "sút" vô xuồng. Bể xuồng thời chết đuối.

- Quỳnh mà nghĩ nhiều được như vậy à ? - Cũng cô gái hay chọc anh lúc nãy lại chen vô nói. Lần này chị hỏi nghe có lý nên chẳng bị ai phản đối.

Bị hỏi bất ngờ, chưa biết trả lời sao, anh cứ "ha ha".

- Tại sao ? Hỏi sao, à à nói thời nghe lâu vậy chớ lúc đó tôi nghĩ nhanh lắm. ý nghĩ nó nhoang nhoáng qua đầu như trời chớp vậy. Tôi đã nói là phải nhanh trí kia mà.

- Thôi, kể tiếp đi anh Bảy - một người lên tiếng giục.

- Oờ, tiếp thì tiếp - anh nói vẫn hào hứng - nó bắt đầu siết, tôi thủ sẵn cây sào, dòm nó. Nó cất lên, nó sắp bắn. Nó tắt máy, nín thở rồi chúi chúi xuống. Một, hai, ba... Tôi lấy hết gân chống thật mạnh xuống chạy nghe cái rồ.

"Cảo cảo xùy... đừng". Một cái rơi phía sau tôi nghe cái chéo. Nhìn lại tôi thấy nước chỗ đó bốc khói. Nó lại cất lên rồi nín thở, chúi xuống. Tôi cho xuống lách qua trái chống một cái rết - "cảo cảo xùy... đừng" ! Trái thứ hai rơi ngay chỗ chiếc xuống lúc nãy. Thằng bắn giỏi thật. Mỗi lần nghe nó "cảo" tôi thấy lạnh đến tận xương. Nó lại rồ máy cất lên, lại siết lại cất lên cao, rồi lại chúi xuống. Phải nói thật là tôi có hơi ớn. Lần này tôi lách xuống lật qua bên phải, trở về vị trí cũ. Cũng "cảo cảo xùy... đừng". Lần này nó tưởng tôi lách qua bên trái nó bắn đón. Trái hỏa tiễn tát nước không đụng tới tôi. Ba trái rồi vậy là còn một trái nữa, thôi, ráng lên con ! Tôi nói với tôi như vậy. Bên phải bên trái, đằng trước tôi đã lách qua ba hướng rồi. Lách đi đâu nữa đây? Nó vừa chúi xuống, xem chừng nó vừa phụt ra tôi liền đưa sào ra phía trước, chống xuống chạy lui lại. Đừng... Hú hồn hú vía. Nó bắn xém mũi xuống, nước tát vô mặt tôi, tôi chơi với muốn té. Nè, tại sao nó chỉ có bốn trái hỏa tiễn thôi vậy bà con? Nó cũng lại đảo, lại siết. Nó làm như sắp "sút" tôi nữa vậy. Nhưng tôi đã biết tẩy nó rồi. Anh cán bộ Củ Chi dừng xe nhìn lên và cười. Còn tôi, tôi không làm như vậy. Thấy nó nghiêng nghiêng ngó ngó tôi liền xắn quần trở... lên.

- Hứ !

- Hé !

- Đồ quỷ hè !

Các chị rộ lên, hứ hé xì xịt và đưa tay phát vào lưng nhau "bách bách".

Một người đàn ông tuổi sồn sồn nói xen vào:

- Bảo người ta kể, người ta kể cho nghe, sao lại hứ hé ?

- Chuyện có sao tôi nói vậy, ai bảo các bà bắt tôi kể - anh Bảy đắc ý, ngược mắt hỏi lại.

Một chị hay chọc anh, nói:

- Thì cũng phải bơn bót đi một chút chứ !

- Khúc đó là khúc mức (1) mà kêu người ta bót à ? - Người đàn ông sồn sồn ấy lại nói.

- Thôi đi đồ quý. Thôi tôi về.

- Tự do, bà nào ón thì cứ về. Tự do. Kể tiếp nữa đi anh Bảy.

Anh Bảy tự nãy giờ cứ cười hì hì, nghe có người bình vực mình, như được đà, anh càng thêm hứng. Anh kể tiếp:

- Sau đó tôi chụp lấy bá đờ "đề" (2) cho nó mấy phát. Đầm già mà nghe bá đờ thì "lạnh máu" thôi. Nó liền bay ngược ngược lên. Bay tung lên cao, nó lại đảo. Tôi lại "đề" luôn mấy phát nữa. Lúc nãy nó "sút" tôi không trúng, bây giờ tôi bắn nó cũng trật lất. Nó đảo rồi nó bắt loa gọi. Nó nói:

- Anh bạn du kích ơi ! Quá tầm đạn rồi, đừng bắn nữa uống đạn !

Ước một cái, nó nói thời mình nghe, mà mình nói thời nó như điếc. Giận quá, tôi đưa tay làm loa hét lên :

- Con c...! Thôi tôi nói vậy là bà con biết rồi đó ! Tôi lại "đề" luôn cho nó mấy phát nữa. Coi bộ nó hoảng, rướn lên, tè tè te, bay xấp xấp (3) rồi chạy tuốt.

Xong cái thằng cào cào, tôi nghĩ, không nên chủ quan. Nó kêu phản lực lại thời nát xương chớ chẳng chơi. Tôi liền chống rút vô rừng, vô thật sâu. Y như tôi đoán. Nó quay lại, nó dẫn theo sau một bầy trực thăng năm chiếc. Nó đảo qua khu rừng, thả trái mìn. Vậy là bầy trực thăng đó bu xuống bắn. Nó bắn dai như trâu đá. Nó bắn cho tới tôi mới chịu rút. Nó rút rồi thời tôi trở ra. Lúc đó, tôi mới thấy đói, lạnh và mệt. Suốt một ngày chống chọi, gân cốt như dây thun kéo thẳng. Bây giờ nó dừng lại rồi. Xương cốt tôi như rời rã,

lạc lìa lạc lọi.

Tôi chống ra chỗ đó, nếu nước mà giòn như kiếng thì chỗ đó chắc tan ra thành bụi. Mặt nước vẫn y nguyên. Chỉ có rùng là xơ xác. Thấy có một cái gì đang cháy tôi liền chống xuống lại. Đó là một cây trâm bầu lớn bị đạn hỏa tiễn, lửa hầy còn nghi ngút. Thật là may đang lúc mất hộp quẹt, tôi liền mở kim tay cái, châm vô đó. Hút. Hút phà phà. Chuyện ngày hôm kia của tôi như vậy đó.

Nói đến đó, anh đưa hai tay ra giăng xuống như nhạc trưởng đang đánh nhịp và nói:

- Hết !

Nguyễn Quang Sáng

Người Bạn Lính

Tôi không ngờ, người mà tôi sẽ viết bản báo công để chọn phong anh hùng là thằng bạn của tôi, thằng Tấn. Bạn cùng xóm, bạn từ lớp một đến lớp ba trường làng. Hai đứa xa nhau từ khi tôi học cấp hai, còn nó ở lại nhà với nghề mộc, nghề cha truyền con nối và chơi thì chơi với bạn chăn trâu hàng xóm. Tuổi mười bốn, mười lăm mà nó làm được khối tiền. Khéo tay, nó lượm gỗ vụn, đục đẽo làm những chiếc ghế nhỏ như cái cóc, cái bàn nhỏ như bàn tay, làm cả bộ salon nhỏ xíu, khách hàng ai cũng thích mua để trưng tủ kiếng. Hết cấp hai, tôi lên tỉnh, từ nhà trường tôi ra thẳng chiến khu. Còn nó, cũng năm ấy(không hện) nó ra đi từ trại mộc. Ấy là năm 1950, hai đứa cùng tuổi mười tám.

- Mày viết báo công cho tao hả Quang?

Vẫn cái giọng xuề xòa, thân mật "mày- tao".

- Được không? Hay là chọn người văn hay chữ tốt hơn tao?

- Được mày là tao mừng. Tao thấy mấy thằng sắp làm anh hùng như tao, thằng nào cũng khổ. Nhà báo nhà văn tụi mày tra hỏi còn hơn công an hỏi cung, hỏi cả cái thời còn ở trường, hỏi ở nhà ăn cái gì nữa. Cực hơn đánh giặc ! Với mày thì tao khỏi nói, ăn cá chột hay cá linh, ăn đọt xoài chấm mắm hay bông điên điển làm nhưn bánh xèo, mày biết ráo. Đánh giặc bằng

ổng thụt, tắm sông, nhảy từ lan can cầu xuống, hay leo dừa, leo xoài, lật đất cày bắt dế hay đá cá lia thia, cái gì tao chơi mày cũng chơi, khỏi hỏi, khỏi nói, được mày là tao khỏe.

Một đôi câu của Tấn đủ gọi lên trong tôi cả một thời thơ ấu. Tôi cảm thấy rạo rực, muốn cầm viết, viết ngay. Viết về Tấn nhưng chan chứa tâm hồn của tôi.

- Viết mày là thằng Tấn trọc được không?

- Được, mày muốn viết gì thì viết.

Gọi nó là Tấn trọc, vì ở trường có đến ba thằng Tấn. Tấn đen, Tấn sún, nó là Tấn trọc. Chẳng hiểu sao, từ lớp một đến lớp hai, cái đầu của nó lúc nào cũng trọc lóc, đầy u với nhọt. Bù lại cái đầu u nần lam nham thuốc xanh thuốc đỏ, nó có cặp mắt sáng, tròn trắng rất trắng, tròn đen rất đen với nụ cười hiền lành. Đến năm lớp ba, nhờ một người Tàu bán tương chỉ cho một bài thuốc gia truyền: cháo lươn với đậu xanh, vừa mát vừa xỏ chất độc. Chỉ có vậy mà cái đầu nó lành lặn lúc nào chẳng ai hay biết. Sau, dù có một mái tóc rậm đen, nó vẫn mang danh là Tấn trọc.

Bây giờ, ngồi trước mặt tôi là một người đàn ông hơn ba mươi, dạn dày chinh chiến, rắn chắc trong bộ quân phục mà cách ăn mặc trông không được nghiêm chỉnh cho lắm, hơi xóc xếch, xuyênh xoàng.

Chiến công nổi bật của nó là trận đánh vừa chặn đứng vừa đánh tan một cánh quân Mỹ đợt hai năm Mậu Thân (1968) trong một làng vùng ngoại ô Sài Gòn. Đơn vị nó nằm trong một vị trí bất lợi. Một bên là quốc lộ, một bên là con sông. Trên quốc lộ là xe tăng, là thiết giáp; dưới sông là tàu chiến, trên trời là trực thăng. Xa hơn là dàn pháo của căn cứ "Bình Chánh, dàn pháo được mệnh danh là "dàn nhạc Tân Tây Lan". Đơn vị nó hơn một trăm tay súng nằm trong cụm vườn thưa, lũy mương nước, gốc cây làm công sự. Giữa lúc hiểm nghèo ấy, Tấn đeo B41 leo lên ngọn dừa, lần đầu tiên trong

chiến tranh, Tấn là người chiến sĩ dùng B41 từ trên ngọn dừa bắn hạ trực thăng. Chiếc trực thăng hình con cá lẹp, như con diều hâu sắt vừa quay cánh vừa sà thấp xuống, chưa kịp phóng rốc két thì bùng lên thành một đám cháy. Bầy trực thăng hốt hoảng, vội vã dạt ra xa. Chiến sĩ ta đồng loạt xông lên với tiếng reo hò. Tàu chiến bị trúng đạn phụt lửa, xe tăng bị B41 bốc cháy mềm như sáp. Trận đánh im tiếng súng vừa lúc trời sụp tối.

Trận đánh của Tấn tôi viết thật tỉ mỉ, tôi nghĩ, chỉ cần một trận đánh ấy đủ cho Tấn xứng đáng là anh hùng. Cho nên những phần khác về cuộc đời của nó, tôi chỉ lướt qua. Vậy là đêm đêm, người viết báo công và những vị sắp là anh hùng cùng nhau làm việc không nghỉ ngơi, hỏi rồi ghi, ghi rồi lại hỏi dưới ánh sáng của ngọn đèn chai, còn hai đứa tôi thì ra trăng, nhìn trăng sao, hóng gió, uống rượu và nhắc chuyện đời.

- Sao? Có viết lại chuyện cô ở Thanh Hóa không?

Tôi nhắc lại chuyện cũ, Tấn ngửa mặt cười.

- Hồi còn đóng quân ở Thanh Hóa có một cô mê tao. Cô ta bảo: "Em xấu gái, em biết anh chẳng lấy em làm vợ đâu! Em chỉ có chỗ này là đẹp thôi". Cô ta mở nút áo cho mình xem bộ ngực, đẹp thiệt. Không sao dẫn lòng được, nhưng mình muốn đến thì cô ta xê ra. "Em sợ". "Sợ gì?" "Em muốn hiến cho anh, nhưng sợ anh phản tỉnh". "Không. Không. Anh không phản tỉnh đâu mà?!" "Thôi, thôi, bây giờ thì nói thế, chứ đến lúc chinh huân, cái đèn lù mù, chuyện chi mà các anh không nói, càng nói nhiều càng tiến bộ, chết là chết chúng em. ở bên làng, có một cô như em, bị anh bộ đội phản tỉnh. Xấu hổ, cô bỏ làng đi mất!". Hôm rồi, nhân dịp đi mua bò cho đơn vị, mình trở lại Thanh tìm cô ta, lần này mình nhất định xin hỏi làm vợ. Về đến làng thì biết cô ta đã có chồng rồi. Cô ta khóc và trách: "Sao hồi ấy anh không bảo với em!" Trở về, đánh một đàn bò mấy chục con qua ga Hàng Cỏ, mấy cô gái tóc quăn đứng bên đường kêu hỏi: "Anh Bộ đội ơi, anh dẫn bò đi

đâu mà nhiều thế?" Đang buồn, đang quạu, lại mắc cỡ, mình đốp lại: "Dẫn bò đi phidê!" Máy cô nhìn lại mình, hai con mắt như hai ngọn đèn pha...

Kể xong, Tấn bỗng nhảy ùm xuống suối, tôi hốt hoảng:

- Máy làm gì vậy?

- Tắm cho đỡ buồn.

Nhớ lại, tôi hỏi:

- Bây giờ còn tắm cho đỡ buồn nữa không, cha?

- Đêm nào mà không xối ào ào cho đỡ buồn.

- Vợ con tính sao?

- Thấy ai, gặp ai mà tính...

Mấy ngày sau, bản viết của tôi được trả lại kèm theo lời phê: "...Viết về thành tích khá sinh động, nhưng còn thiếu phần lý lịch. Phải viết rõ vì động cơ gì mà hành động. Không thể không bị bóc lột, không thể không căm thù đế quốc phong kiến. Điều này cần phải được đào sâu".

Đọc xong tôi đỏ mề hôi trán. Thế là tôi bắt đầu hành hạ thằng bạn tôi:

- Nhớ lại xem. Máy bị bóc lột như thế nào? Máy căm thù đế quốc phong kiến ra sao? Kể lại cho tao viết.

- Tao thì máy biết rồi, hỏi gì nữa? Nhưng có một thời gian mình xa nhau.

- Thì cũng vậy, máy đi học, tao làm thợ mộc với ông già.

- Động cơ nào máy đi theo cách mạng?

- Tới tuổi quân dịch, không đi để tụi nó bắt lính, cầm súng bắn lại bà con à?

- Được, được, nhưng phải nhớ kỹ, phải đào sâu thêm, bị bóc lột ra sao?

Tấn thở dài:

- Tao là lính, tao chỉ biết đánh giặc - còn máy là thằng viết, máy phải nghĩ, viết sao nghe được thì viết.

Thật đau đầu! A, tôi nhớ ra rồi. Hồi nhỏ cái đầu của nó hay bị u nhọt. Tôi viết, hồi nhỏ, gia đình bị bóc lột, nghèo khổ, không đủ ăn, nên thường hay

bệnh hoạn. Nhớ nó hay đi chăn trâu, tôi viết, có lúc nó phải đi chăn trâu cho chủ, cơm ăn không đủ no, đêm phải ngủ ngoài chòi, mưa gió. Còn cái đoạn nó khéo tay làm ra khối tiền thì tôi xóa sạch.

- Cần đọc lại cho mày nghe không Tấn?

- Khỏi. Tao có sao mày cứ viết vậy là được !

Sau đó trong đợt bình bầu, Tấn được phong danh hiệu anh hùng.

Năm sau, tôi và bạn bè tình cờ đi qua đơn vị của nó. Tôi rủ:

- Ghé thằng bạn anh hùng tao chơi. Thằng điệu đời lắm.

- Nhắm có gì không, tụi tao đang đói.

- Tiệc tùng không dám hứa, nhưng ít nhất cũng có một con thịt, không nai cũng dộc, tẻ lắm thì cũng một con heo.

- Vậy thì đi!

Vào đến trạm gác đầu tiên, được tin Tấn đang họp. Từ trạm gác đến hội trường không xa lắm. Hội trường lợp bằng lá trung quân, không có vách, trống huơ trống hóc, đứng từ trạm gác nhìn vào tôi thấy Tấn ngồi trên hàng ghế chủ tịch đoàn. Vừa nhấn tin, tôi vừa đứng thấp thoáng cho Tấn thấy. Từ trên ghế chủ tịch đoàn, nó nhờ một người lính nhấn ra chờ.

Chúng tôi ngồi bệt xuống đất lưng dựa lên ba lô, hút thuốc, ngồi chờ. Hút hết điếu này lại mời qua điếu khác, tôi chờ đến phát ngượng với bạn bè.

Một cái nhướng mày:

- Sao, chờ hay đi?

- Ráng chút.

Từ hội trường vang lên tiếng vỗ tay. Tấn bước ra:

- Tấn ! - Tôi như reo lên, rồi rít giới thiệu Tấn, đây là phóng viên nhà báo, phóng viên thông tấn xã, và đây là nhà thơ.

- Chào các đồng chí !

Tấn hơi cúi người, bắt tay từng người, trong nháy mắt, tôi nhận ra sự khác lạ

của anh qua phong cách. Trinh trọng trong bộ quân phục thẳng thớm, lạ với con mắt của tôi, khó chịu hơn là sự trinh trọng trong cách bắt tay từng người, trinh trọng mà xa cách. Còn tôi thì anh như không thấy. Có lẽ anh sợ tôi vô vậ, sợ những cử chỉ thân mật quá của tôi.

- Các đồng chí đến làm việc với đơn vị? Cạnh bên anh lại có một chiến sĩ bảo vệ, với khẩu AK. Ba thằng bạn cùng mở tròn mắt dồn lên mặt tôi. Tôi ngượng đến muốn độn thổ.

- Sẵn đi qua, tụi này ghé thăm.

- Vậy hả? Tiếc quá, đơn vị đang họp.

Vừa lúc, trong hội trường có tiếng vỗ tay. Tấn vội cúi người chào:

- Các đồng chí ngồi chơi.

Lại cúi người trinh trọng bắt tay, lần này thì Tấn không quên bắt tay tôi trước khi quay vào hội trường.

Từ đó, không đến nỗi giận, nhưng tôi buồn. Dù không tới lui hay thư từ, tôi vẫn nghe và dõi theo từng bước đi của Tấn. Từ trung úy thăng lên đại úy, Tấn thường được các cơ quan mời đến báo cáo điển hình, đi đâu cũng tiền hô hậu ủng. Hội nghị nào có Tấn, Tấn cũng ngồi ghế chủ tịch, ngực lấp lánh huân chương. Nghe đến anh hùng Trần Đình Tấn là tiếng vỗ tay rộ lên.

Bẵng đi hơn năm, nhớ là mùa hè năm 1971, tôi đang bị say nắng dưới chòm cây tai ghé bên rìa trắng. Có tay ai đập khe khẽ trên đầu vồng, giật mình mở mắt, tôi không tin, đưa tay dụi mắt.

- Mày còn sống hử Quang?

- Nó, người bạn anh hùng.

- Chết cũng khó!

(Những năm chiến tranh ác liệt, gặp nhau, hỏi thăm người nào đó, không hỏi mạnh khỏe mà hỏi sống hay chết, thành thói quen).

- Dậy đi... - Nó vừa bảo vừa đưa tay rút dây vồng bắt tôi phải bật dậy.

- Bếp đâu, củi đâu? Tao nấu nước. Trà củi măng, thuốc Rubi chiến lợi phẩm - Tấn vừa nói vừa mở thắt lưng treo lên chạch ba cây.

- Rượu đế với khô sặt. Chiều nay tao ở đây với mày.

- Khô sặt ?

- Được không?

- Đâu mày có?

- Bên vợ.

Tôi nói như hét:

- Mày có vợ?

- Chẳng lẽ ở góa?

- Ai? ở đâu?

- Ấy, từ từ rồi tao kể.

Thằng bạn anh hùng của tôi, nó vẫn như xưa, vẫn là thằng Tấn, vẫn xuề xòa, vẫn cởi mở, tôi bỗng ước gì có mấy thằng bạn cùng đường năm trước cũng có mặt ở đây. "Tao nói có sai đâu, nó rất điệu đời mà!".

Sau một tuần trà, vừa ném cái tàn thuốc, nó xề lại bếp lửa, đặt con khô sặt lên than hồng.

Ôi, chẳng biết bao nhiêu năm rồi tôi mới nghe lại cái mùi thơm của con khô quê hương. Chúng tôi lại nhắc đến mùa nước nổi, mùa giăng câu, mùa đặt lọ đặt lò trên đồng nước.

Hai đĩa hai chiếc võng mắc song song, giữa là chiếc bàn nhỏ được trải bằng chiếc ni lông màu lá. Trên bàn: bình toong rượu Tấn mang tới, hai cái chén mắt trâu, ba con khô sặt bằng bàn tay trên tờ bản thảo. Vài giọt nắng rơi qua kẽ lá, râm ran tiếng ve rừng, và tiếng rên rỉ ì ầm của phản lực quần đảo trên bầu trời.

- Mày là nhà báo, nhà văn, tao nghĩ là mày không giận tao. Mới nghe sẽ được tuyển làm anh hùng, thằng nào không khoái. Khi được phong anh hùng

rồi, tao thấy khổ hơn làm dâu trăm họ. Có lúc tao nghĩ, tao không còn là tao nữa, tao như thằng nào vậy!

Tấn dừng lại, mở tròn hai con mắt. Tôi bỗng nhớ hai con mắt học trò của nó ngày xưa.

- Ngày thường, tao cười ha hả, thích thì cười, chẳng ai nói. Bây giờ tao cười như vậy thì có người nhắc nhở, anh hùng đừng cười như vậy. Vậy còn nhẹ, có người nói sau lưng: "Anh hùng gì mà cười nghe ha há". Anh hùng phải cười ra sao, tao chẳng biết, nên có lúc tao chẳng dám cười. Trước đánh giặc xong về cứ chẳng biết làm gì, rủ nhau đi săn, nhậu, nói chuyện đời. Bây giờ có người hỏi, anh hùng mà nhậu nhẹt kia à! Thèm rượu muốn chết. Minh thì ăn mặc xốc xếch, quen rồi, bây giờ anh hùng phải giữ quân phong, quân kỷ. Trước, giận thì chửi thề, vui cũng chửi thề cho nó đã. Bây giờ- anh hùng mà sao mở miệng là chửi thề? Nhiều lúc, thèm chửi thề hơn thèm thuốc. Giận nhau thì mày tao, bây giờ anh hùng rồi, nói năng, xưng hô phải gọi nhau là đồng chí. Đó, đại khái là vậy, cho nên lúc nào tao cũng cứng đờ như cây củi. Nghĩ cho cùng, chẳng qua là anh em thương mình, muốn cho mình bất cứ lúc nào, nhứt cử nhứt động luôn luôn là anh hùng. Thôi, cũng được đi.

Chuyện này mới đau. Một hôm, một bày trực thăng đảo qua chỗ đóng quân, thấy nó nghiêng cánh biết là nó sắp bắn, tao nhanh chân tọt xuống hầm. Sau đó tao nghe xì xầm: "Anh hùng mà nhát như cáy. Trực thăng mới liếc qua mà đã xón đái trong quần!". Mấy lần sau, nó bắn, tao kênh mình đứng, xoay xoay theo gốc cây, may, đạn nó tránh.

Nghe nó nói mà thương, tôi nâng ly:

- Thôi bỏ. Tao hiểu. Nói chuyện vợ con nghe đi.

Khoan, mầy cho tao cởi cái áo, mặc cái quần cụt cho nó đã.

Quần áo nó ném lên cành cây, ngồi lại vờng vừa lắc tới lắc lui vừa xé một miếng sắt đưa cho tôi:

- Vô đi, rồi tao kể.

Hai đứa cạ ly.

- Chuyện vợ con cũng gian nan, tưởng cưới cô này, té ra lại cưới cô khác. Mày biết, nói theo miền Bắc, tao là con cả, lại là đứa con trai duy nhất. Ba má tao chỉ có cháu ngoại mà không có cháu nội. Năm rồi, tao móc gia đình lên thăm, ba tao có dẫn theo một cô gái cho tao coi mặt, tên Thảo, tuổi hăm hai, người cùng làng ở xóm Đình, nhưng hồi mình đi cô ta mới tám chín, không quen cũng không biết. Nếu hai người ưng nhau thì bên vợ cho phép làm đám cưới ngay tại rừng, không cần trở về hỏi han gì nữa. Mấy ngày ở chơi, Thảo lo cho tao đủ điều, lo cơm lo nước, vá quần vá áo. Tao ưng rồi, nhưng tất nhiên là phải báo cáo với đơn vị, với chi bộ. Không ai phản đối, nhưng chi bộ có một đề nghị: cần thăm tra lại lý lịch. Nếu tao là chiến sĩ thường thì chẳng có gì phải thận trọng đến vậy. Với lại, Thảo là người trong vùng địch kiểm soát, lại nhằm lúc địch đang tung chiến dịch Phụng Hoàng, cần cảnh giác Thiên Nga chui vào hàng ngũ mua chuộc cán bộ. Cũng vừa lúc đơn vị lên đường hành quân, tao mới có dịp xin hoãn. Nửa năm sau, chi bộ nắm rõ được lý lịch bên gia đình bên gái, mới đồng ý cho. Tao liền nhắn tin về. Mỗi lần đi là mỗi lần sống chết, cho nên cả bên cha mẹ đồng ý cho Thảo theo bà má giao liên, một mình đi lên rừng lấy chồng, và theo chồng ở lại chiến khu. Còn sui gia thì nhậu với nhau, coi như mời nhau ăn đám giỗ. Trên đường, Thảo bị trục thẳng bắn chết. Bà má giao liên về, vừa kể, vừa khóc. Bà má nhờ anh em trạm giao liên chôn cất cho.

Tôi bỗng nghĩ đến cô con gái, tiếng là đã có chồng, nhưng lại đời đời nằm lại dưới nấm mộ giữa cánh đồng hoang.

- Rồi sao? - Tôi hỏi sau phút ngậm ngùi.

- Nghe chuyện, ai cũng thương. Còn mình thì lao vào chiến đấu. Coi như đã có một đời vợ, lý lịch mình cũng ghi: Vợ - Lê Thị Thảo, hy sinh. Bất ngờ,

sau một trận đánh trở về, đồng chí trung tá bí thư đảng uỷ gọi mình lên, bảo: "Đảng đã lo vợ cho đồng chí rồi. Không đâu xa, cô mật mã, con gái của đồng chí bên hậu cần của Bộ Tư lệnh. Mai đồng chí lên đường". "Chào đồng chí anh hùng - Ông già vợ mình là người vui tính, chào mình như vậy - Lý lịch đôi bên không có gì phải lo, bây giờ chỉ còn có việc gặp mặt. Cứ tìm hiểu, ưng thì tuyên bố, không hợp nhãn thì là đồng chí. Con gái của bác là Nguyễn Thị Nương Nương, nhưng cứ gọi là Nương cho gọn... Là nhân viên mật mã, suốt ngày trong rừng sâu, chẳng mấy khi được tiếp xúc với ai, hơn cả đi tu, đã ba mươi, cũng muộn màng như mình. Vừa mới gặp mặt, mình đã nghĩ ngay: đây đúng là cái bến của mình, cái bến của một tay chèo đường dài quá mỗi mết. Cắm sào thôi. Mình ở đó một tuần để tìm hiểu. Một tuần nhưng chỉ gặp nhau đôi lần. Công việc của mật mã hầu như chẳng được nghỉ ngơi. Khi nào Nương rảnh, hai đứa mới dẫn nhau ra chòi ngoài trảng. Ở đó, mới nhìn thấy trời, thấy trăng sao. Rảnh rồi, không biết làm gì, mình trở tài làm mộc, đóng cho mỗi cô một cái bàn, cái ghế, đóng cho cơ quan một cái bàn dài để tiếp khách. Có một buổi chiều, hai đứa ngồi ngoài trảng, trời vừa sụp tối, mình đưa tay choàng qua vai cô, mày biết cô ta phản ứng ra sao không? Cô ta hất tay mình xuống: " Anh hùng mà làm vậy, người ta cười!". Khổ không? Tao chẳng biết tỏ tình thế nào cho đúng là người anh hùng- thế là tao ngồi nghiêm, mắt nhìn thẳng lên một vì sao. Hết phép, tao về, cô ta hứa sẽ trả lời sau. Một tháng sau, tao làm đám cưới. Anh em cất cho tao một ngôi nhà lợp lá trung quân, dưới bóng cây cày, bên bờ suối, thật thơ mộng. Dưới thêm là căn hầm chống bom B52, gọi là hầm bảo vệ hạnh phúc. Cha ơi! Cái đêm đầu của vợ chồng, vừa háo hức, vừa bối rối, vừa hồi hộp, chẳng biết tỏ lòng thế nào cho phải. Cô ta nằm cuộn tròn trong tấm vải dù pháo sáng, nằm thẳng như một cái gối. Còn tao thì nằm nghiêng. Chẳng có đứa nào ngủ, cứ trần trọc cũng chẳng biết nói năng gì, chỉ nghe hơi thở của nhau.

Cho đến gần sáng, nghe tiếng rền của phản lực, nghe tiếng bom dội lại từ xa, mình bỗng chợt nghĩ, nếu bom B52 rớt xuống, thì mình mang tiếng là có vợ mà chẳng biết gì. Nghĩ vậy, tao liền bật dậy như một người lính xung trận, "lên cò nổ liền mấy phát". Sau đó, tao hoảng, không biết sẽ bị vợ trách thế nào đây. Không ngờ, cô ta ôm cổ tao, thì thầm: "Anh đúng là một anh hùng!".

Tấn dần ly rượu xuống bàn quay mặt, cười sượng sùng.

Sau ngày giải phóng, gặp lại, nó trách:

- Mày làm hại tao quá Quang ơi!

- Chuyện gì?

- Cái bản báo công của mày. Sau ngày vào thành phố, tao đang sắp xếp công việc để về quê thì ông già tao lên. Cha con gặp nhau tất nhiên là mừng nhưng mặt ông lại hầm hầm, bảo tao: Bà con lối xóm nếu không tận mắt đọc, không tận tai nghe cái bản báo công của tao qua đài thì cũng nghe người khác kể lại. Mấy bà dì ông cậu đến mắng vốn ông già tao: "Hồi nhỏ nó qua chơi, nó thích đi chăn trâu thì chăn trâu, có ai thuê, ai mượn, ai bóc lột nó, hiếp đáp nó, để cho nó căm thù!". Ông già tao ông đưa tay vỗ bôm bốp vào ngực: Còn tao, thằng cha mày, tao đâu có nghèo đến nỗi cho mày ăn đói để mày bị u bị nhọt. U nhọt thì thằng nhỏ nào không bị. Mày nói thêm nói bớt để làm gì? Để làm anh hùng à? Đảng, Nhà nước nói, dân tộc mình là dân tộc anh hùng, mày thấy chưa đủ sao? Thôi, mày đừng có về, mày về, bà con không ai nhận mày đâu!". Nghe ông già nói, tao đau quá, tao có khóc bao giờ, vậy mà nước mắt tao cứ chảy. Chẳng lẽ mình bị mất hết dòng họ với quê hương?

Tôi ngồi lặng, không ngờ cái ngồi bút của tôi lại gây ra một hậu quả nặng nề đến như vậy.

Sau, tôi lại gặp người cậu của Tấn, một nhà giáo từ Hà Nội về, ông cho tôi

thêm một bài học qua giọng mắng nhiếc:

- Khi anh viết văn, anh muốn cho người ta bay lên trời hay độn thổ, muốn cho người ta mọc ba đầu sáu tay cũng không ai nói, còn báo cáo, báo công thì phải thật chứ!

Chuyện đã qua bao nhiêu năm nhưng mỗi lần chợt nhớ là mỗi lần thấy nhục cho ngòi bút của mình. Cái ngòi bút nhọn sắc như đâm vào tim tôi, nhói đau. Nghe tin Tấn chuyển ngành, đang trở lại nghề cũ, đóng bàn ghế, tôi chưa kịp đến thăm anh thì anh đến thăm tôi, báo tin đã qua thời gian nan.

Ngày vào thành phố, với cương vị là trung tá trong ban quân quản, trong tay anh không biết bao nhiêu là nhà cao cửa rộng, nhưng anh lại chọn một ngôi nhà trong hẻm. Bây giờ bạn bè của anh, người cùng cương vị anh hoặc thấp hơn anh, nhờ ở mặt tiền, nhờ ở villa, chỉ cần cho thuê, cho mượn cũng đủ sống. Còn anh, lương trung tá, vợ chuyên viên hai, hai đứa con, đứa sinh trong rừng năm 1972, đứa trong bụng mẹ về thành phố, những năm củi que gạo châu không đủ sống, phải sống nhờ gạo "viện trợ" của hai bên cha mẹ dưới quê.

Trước khi kéo quân lên biên giới đánh Pôn Pốt, Tấn về Đồng Tháp tìm lại ngôi mộ của Thảo, mang hài cốt Thảo về quê. Chắc anh là người tình nghĩa, bà con dòng họ không nỡ giận lâu.

Từ chiến trường Campuchia trở về, mất sức, anh xin chuyển ngành, về phụ trách tổ chức cho một xí nghiệp. Qua một năm, Tấn thấy công việc không hợp mình. Anh tự thấy mình không đủ sức hiểu người trên, người dưới và người chung quanh. Họ không dễ hiểu dễ nhận như những người lính của anh. Người ta tặng quà, anh không dám nhận, được mời đi tiệc tùng cũng e ngại. Anh thấy đằng sau những buổi tiệc linh đình là một cái gì đó sẽ đến với anh. Có được một bữa nhậu tình nghĩa thật hiếm hoi. Đã đến cái tuổi muốn thanh thoi, anh xin hưu. Hưu sống sao đây? Vợ chồng anh sống sao cũng

được, không đòi hỏi gì, chỉ thương hai đứa con bị thua thiệt muốn xem tivi màu phải xem nhờ hàng xóm, đi học thì nhờ bạn bè chở giúp. Vợ anh, thỉnh thoảng lại bị sốt rét rừng tái phát, vẫn xanh xao, mỗi ngày mỗi yếu, không xông xáo như chị em. Cũng may, nhà có được cái sân, anh che mát, làm trại mộc. Khởi đầu là sửa bàn ghế cho lối xóm, sau đóng bàn đóng ghế cho các quán cà phê, quán bia vỉa hè. Chỉ cần đóng ghế cóc thôi cũng đã có đồng ra đồng vào. Dần dần, khách đến đặt bàn, đặt tủ. Một mình làm không xuể, anh về quê, kéo lên những tay nghề đang thất nghiệp.

- Đến bữa nay thì vững rồi, tao muốn mày dẫn tao đi chơi một trận, xả hơi - Tấn vừa nói vừa đưa tay vỗ túi - Bữa nay tao có.

Nhìn cái vẻ hớn hờ và xuềnh xoàng của Tấn, tôi ước:

- Đi bia ôm?

Tấn trợn mắt nhưng miệng lại tủm tỉm:

- Thì cứ thử xem. Nè, tao nghe nói nhà báo tụi mày ở đâu cũng có mặt, thiệt bụng là đi chơi, nhưng nếu có ai bắt bẻ thì nói là đi lấy tài liệu, phải không? Tôi cười.

- Như tụi mày sướng thật !

- Dám đi không?

- Ừ thì đi. Đừng sợ tao hư!

Nói vậy chứ tôi đưa anh đến một quán khác, một cái quán quen, có nhạc lúc xập xình, lúc nỉ non, có các em son phấn tới lui, bung rót, có khăn mát ướp dầu thơm, một cái quán sạch sẽ về nhiều nghĩa.

Tình cò gặp mấy anh bạn nhậu làm xuất khẩu, những người bạn làm ăn khá giả. Thế là chúng tôi quây thành một bàn. Tấn đưa tay xuống bàn quèo tôi, biết ý tôi giới thiệu anh, thằng bạn tôi, chủ một trại mộc. Anh bạn làm xuất khẩu của tôi, một người bạn tuổi trên dưới năm mươi, khỏe mạnh, đầu hót "cua" cũng vốn là con nhà lính, liền bung ly đưa thẳng lại Tấn:

- Một ly làm quen!

Cả hai đều cạn trong một hơi, hai cái ly vừa đặt xuống thì hai cái "bốp" nổ cùng một lúc, trong ánh đèn màu, hai cô em xuất hiện từ lúc nào, đã bật nút hai lon Heineken và những cái ly màu vàng lại đầy bọt. Sẵn đà tôi giới thiệu về cái xóm mộc của làng tôi và tay nghề cha truyền con nối của anh. Anh bạn xuất khẩu của tôi như bắt được của:

- Minh nghe tiếng cái làng mộc của mấy anh từ lâu mà chưa có dịp tới, sẵn đây, để gọi là làm quen, anh có thể đóng cho tôi một bộ ghế cổ, có cần ốc, có chạm rồng, được không?

- Đó là nghề của gia đình tôi.

- Vậy thì ta ký tất. Sáng mai tôi đến trại mộc của anh. Nếu đúng tiêu chuẩn xuất khẩu, tôi sẽ đặt anh dài dài... Mời!

Ra khỏi khách sạn, Tấn vừa đi vừa bảo:

- Minh không ngờ đi nhậu chơi mà được một hợp đồng ký tất! - Tháng tới, thằng con tao có xe đi học rồi!

- Xe gì?

- Xe đạp.

- Tao tưởng mày nói Honda.

- Chưa, chưa đâu.

- Nếu đóng được hàng xuất khẩu dài dài thì tivi màu cho con đâu có khó gì?

Tấn gật gù:

- Tao cũng đang nghĩ. Nói mày đừng cười, đêm nay như là đêm đầu tiên tao bước vào đời.

Tấn không say, có lẽ anh đang vui nhiều hơn. Anh đi như cái dáng đi ngày xưa lúc là anh lính chặn bò ở Ba Vì, sau vài ly rượu, đi hơi lắc lư.

- Mày thấy đêm nay vui không? - Tôi hỏi.

Tấn đáp một tiếng gọn:

- Đã.

1991

Nguyễn Quang Sáng

Người đàn bà đức hạnh

Khi tôi nhận vai "người điên" trong vở "Khi người điên biết yêu", tôi đến nhà thương điên Biên Hòa để nhập vào xã hội người điên.

Từ nhà thương Biên Hòa trở về, tôi tìm Năm Thanh. Năm Thanh là cô đào, cùng gánh, cùng hát với tôi Một cô đào lòng danh, hầu như không ngày nào không có hình ảnh cùng lời ca ngợi trên các mặt báo Sài Gòn. Có người dù chưa được dịp xem cô diễn lần nào, vẫn nghe tên tiếng và tài năng của cô, cũng si mê cô theo người khác. Trong làng, trong xóm, thấy cô nào đẹp, người ta ví "Đẹp như đào Năm Thanh". Cô gái nào giọng hát hay, người ta cũng ví: "Hay như đào Năm Thanh". Nơi nào có đào Năm Thanh về, nơi đó trở nên nô nức, tưng bừng.

Người đang kể chuyện với tôi là lão nghệ sĩ. Lão nghệ sĩ đã một thời được báo chí tôn vinh là quái kiệt, vượt hẳn những nghệ sĩ được tôn là kép độc hoặc kép mù

- Năm nay tôi đã bảy chín rồi "Thất thập cổ lai hy". Chẳng biết đi ngày nào, đi ngày nào cũng là hợp với lẽ trời Không chỉ đủ mà đã quá thừa, có gì để tiếc? Nhưng còn tiếc một điều, đó là chuyện chẳng ai biết, ngoài tôi Tôi có thề với Năm Thanh sống để bụng, chết mang theo Nhưng nhiều đêm suy nghĩ, nếu tôi mang theo xuống mồ thì trên thế gian này dù có muôn triệu

chuyện vui buồn, vẫn thiếu một chuyện đời, chuyện đời của đào Năm Thanh. Đêm qua, trước khi quyết định kể, tôi đã thắp một nén nhang lạy cô ba lạy xin cô cho tôi được phản lại lời thề. Năm Thanh dù mắt đã lâu, nhưng hồn cô vẫn thiêng. Không ai hiểu được điều đó hơn tôi. Khi tôi cầm nén nhang trước bàn thờ tổ, qua làn khói lớn vờn trong bóng tối âm u của bàn thờ, lần nào tôi cũng thấy cô hiện lên trước mắt tôi những vai diễn của cô. Khi là Lưu Kim Đính, khi là Lữ Bố, khi là một gái quê, khi là một mệnh phụ.

- Năm ấy! - Tôi thường gọi Năm Thanh là Năm. ở nhà thương Biên Hòa, tình cờ anh gặp lại vị công tử si tình của em.

- Ông ta làm gì ở đó?

- Ông ta điên vì Năm thì phải nằm nhà thương điên chứ làm gì?

- Đừng nói chơi, anh Bạ

- Bộ hết chuyện nói chơi sao mà nói chơi về một người điên? Năm Thanh nhìn lại tôi, biết là tôi nói thật. Năm Thanh đang vui, mặt mày đang rạng rỡ, đôi mắt bỗng sụp xuống như bóng đêm.

- Thiệt vậy sao anh Bạ

Và tôi kể lại với Năm Thanh. Khi tôi nghe có một người điên vì tình, tôi mừng (ác vậy) vậy là đúng "vai" của mình rồi, tôi lật đật đến thăm. Một người điên vì tình, nhìn qua song sắt, tôi thấy quen quen. Một thanh niên, tóc quăn từng lọn, phủ cả ót, cả mặt mày, chiếc áo sơ mi màu hột gà nát bươm khoác qua người, chiếc quần tây trắng cũng tả tơi. Hình như người điên nào cũng thích xé áo xé quần. Khi người điên nhe răng, thì tôi bỗng lùi lại, tôi nhận ra anh ta, người mà trong gánh hát ai cũng gọi đùa là vị công tử si tình của Năm Thanh. Đó là chàng thanh niên tuổi độ hai bốn hai lăm, con của một nhà giàu xứ Bạc Liêu, ruộng đất cò bay thẳng cánh, từng học ở Sài Gòn, lấy bằng "đíp lôm".

Đêm đầu hát ở Bạc Liêu, sau khi hạ màn, giã hát, thì có một thanh niên ăn mặc sang trọng quần tây trắng, áo sơ mi lụa lèo màu hột gà, người tầm thước, nước da trắng hồng, mái tóc hớt xanh, tay cầm một bó hoa hồng rực rỡ lên sân khấu xin được tặng cho cô đào Năm Thanh. ở một miền đất xa, trong một thành phố nhỏ, giữa những người lam lũ, người thanh niên nổi bật lên như một vị công tử. Và xứ Bạc Liêu vốn là nơi xuất thân của những anh con nhà giàu, nhờ cách ăn chơi, mà nổi danh công tử, công tử Bạc Liêu. Trong bó hoa tặng cho Năm Thanh có cài một danh thiếp đề rõ họ tên - "Trần Hữu Liêm, Thông ngôn quan chủ tỉnh", dưới có hai hàng chữ, viết tay "vô cùng ngưỡng mộ!" Và một dòng chữ tiếng Pháp, mà cả gánh chẳng ai hiểu.

Năm Thanh nhận được hoa của khán giả là chuyện thường, có gì đáng nói. Rồi đêm sau, chúng tôi chú ý thấy vị công tử ngồi ghế thượng hạng, và khi màn hạ, vị công tử lại lên sân khấu tặng hoa cho Năm Thanh, lần này trong bó hoa không phải là danh thiếp mà là một lá thư. Khán giả gửi thư cho đào Năm Thanh cũng không phải là chuyện lạ. Đêm sau, đêm thứ ba, cũng vậy, cũng chẳng có điều gì đáng ngạc nhiên.

Gánh chúng tôi nhổ neo, rời bến. Đêm đầu đến điểm mới cách xa chợ Bạc Liêu có đến ba ngày đêm đường sông nước, sau một hồi chuông, chúng tôi hé màn nhìn khán giả, lại thấy vị công tử với chiếc áo lụa lèo, ngồi ở ghế thượng hạng. Rồi sau khi màn hạ, vị công tử lại lên sân khấu tặng hoa cho đào Năm Thanh. Đêm sau, và đêm sau nữa, cũng vậy. Sau ba đêm diễn, gánh lại nhổ neo... Từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ miền Tây đến miền Trung, không thể nhớ bao nhiêu sân khấu, bao nhiêu đêm diễn, đêm nào chúng tôi cũng thấy vị công tử trên ghế thượng hạng, và đêm nào đào Năm Thanh cũng nhận một bó hoa với một lá thư tình của chàng công tử si tình.

Vị công tử biết tôi tuồng nào cũng diễn cặp với Năm Thanh, khi Năm Thanh

trong vai Lữ Bố, tôi là Đổng Trác, khi đào Năm Thanh là hoàng tử cầm quân ra biên ải thì tôi là tướng giặc, khi Năm Thanh là cô gái quê thì tôi là chàng sở khanh, khi Năm Thanh trong vai người đàn bà đài các thì tôi là đức lang quân, và biết tôi là bậc đàn anh của Năm Thanh, đêm nào vị công tử cũng nài nỉ mời tôi và Năm Thanh đi nhà hàng sau đêm biểu diễn.

- Anh Ba ơi, nếu người nào đó mời thì em đi, những vì em thấy vị công tử này lậm quá, em sợ, anh Ba đi giùm em đi

Những lần đầu, tôi lựa lời nói cho quạ Càng ngày càng nhìn thấy cái vẻ si mê trên gương mặt, trong đôi mắt và giọng nói của anh chàng, tôi thấy động lòng, nói xa nói gần với anh rằng, anh nhỏ hơn Năm Thanh gần mười tuổi, cho anh thất vọng, ngờ đâu sau đó, anh viết cho Năm Thanh... "Với anh, em là người không có tuổi..". Có hôm, tôi khuyên anh không nên bỏ công ăn việc làm, vừa hao tốn mà chẳng ích lợi gì thì thư anh viết cho Năm Thanh có câu: "Tình yêu không suy tính. Và mỗi đêm anh phải đến em, vì tình yêu cũng có nghĩa là ngắm, nhìn. Càng ngắm em càng lòng lẫ. Càng nhìn càng thêm yêu thương. Nhìn em như hoa đang nở. Ôi, em là đóa hoa nở mãi không tàn".

Đọc những dòng chữ của anh, không thể không nhận anh là con người tinh tế. Năm ấy, đào Năm Thanh vừa tuổi ba mươi, cái tuổi đầy đặn của người đàn bà. Thật ra, Năm Thanh không phải là người đẹp sắc sảo, hay lộng lẫy, cũng không có vẻ quyến rũ gợi tình, cũng không duyên dáng mặn mà, Năm Thanh có một vẻ đẹp phúc hậu. Nhưng khác hơn người, Năm Thanh có một giọng nói rất lạ. Năm Thanh không nói bằng môi, không nói bằng lưỡi, mà như nói từ tận đáy của tấm lòng. Một giọng nói bắt anh phải quay nhìn, phải tìm kiếm, phải lắng nghe. Và một điều kỳ lạ hơn, sân khấu là phong màn, là cảnh giả nhưng khi đào Năm Thanh với vai hoàng tử bước ra sân khấu cùng với tiếng kèn tiếng trống, thì cái cảnh giả của sân khấu bỗng lộng lẫy, uy

nghi của một triều đình. Khi đào Năm Thanh là một cô gái quê trong bộ đồ bà ba vá vai, tay cầm chiếc nón lá bước ra, thì sân khấu là một cánh đồng quê. Và khi Năm Thanh cất tiếng thì trong rạp như không còn hơi thở nữa. Sau, tôi phải nói thẳng với vị công tử rằng Năm Thanh đã có chồng, thì thư anh viết: "... Em có chồng hay không, em vẫn là của anh. Thế gian có biết bao nhiêu người, những sao anh chỉ thấy, chỉ nghĩ, chỉ mơ một mình em, em ơi!".

- Vậy là lậ quá rồi anh Ba, chắc em phải trốn.

Đêm sau đó, khi vị công tử mang hoa lên sân khấu thì một cô đào khác bước đến anh:

- Thừa công tử, chồng của cô Năm Thanh vừa mới rước cô đi, bó hoa này xin công tử tặng cho em.

Vị công tử si tình chết lặng giữa những cặp mắt đào kép đứng vây quanh, vị công tử si tình vẫn lịch sự, đưa tay rút lại lá thư cài trong bó hoa, đặt bó hoa vào tay cô đào, rồi quay gót lẳng lẳng đi... Tôi nhìn thấy sự sụp đổ qua dáng đi của anh. Anh gục đầu lúi lúi như một thân cây đã trốc gốc. Từ đó gánh chúng tôi không còn gặp lại vị công tử si tình ấy nữa.

Câu chuyện vị công tử si tình ấy mỗi ngày một nhạt dần trong câu chuyện và tôi cũng quên đi, thì gặp lại chàng trong nhà thương điên.

Trong song sắt, có lúc chàng đóng vai Lữ Bố của Năm Thanh, vừa múa vừa la hét, khi đã mệt là thì cất tiếng ngâm thơ. Thư anh viết cho Năm Thanh, anh thường trích thơ tình của nhà thơ Xuân Diệu hoặc Nguyễn Bính, bây giờ trong cơn điên, anh ta la hét thơ của anh:

"Yêu là giết cả hồn ta

Yêu là thiên đàng, là địa ngục.

Ta đã đến tận cùng địa ngục.

Ta bị lửa tình địa ngục đốt ra tro

Ôi ta hạnh phúc"

Vị công tử lúc tỉnh, lúc điên. Lúc tỉnh ra anh ta nhận ra tôi:

- Anh Ba hả anh Bả

- Tôi đây

- Anh Ba đi đâu đây

-...

- Năm Thanh tôi đâu anh Bả

Vừa nhắc đến tên Năm Thanh thì anh quơ tay múa theo Năm Thanh trong vai Lữ Bố.

- Thiệt vậy sao anh Bả - Năm Thanh hỏi mà không phải hỏi, mắt ngược nhìn tận đâu đâu

- Nếu bây giờ em đến thăm thì liệu anh có tỉnh lại không anh Bả

- Có thể lắm!

Lúc ấy, gánh chúng tôi đang hát ở Thủ Dầu Một, cách Biên Hòa chẳng bao xa

Sáng hôm sau, Năm Thanh bao một chiếc xe thồ mợ. Trên xe Năm Thanh chỉ dặn tôi một điều: "Anh Ba giữ kín chuyện này giùm em nghe anh Ba".

Tôi gật đầu, suốt trên đường chẳng ai nói với nhau thêm lời nào Trong tiếng vó ngựa gõ đều trên mặt đường, tôi chợt thấy Năm Thanh đẹp hơn mọi ngày, nhưng là vẻ đẹp u buồn.

*

* *

Sau vài đêm hát, gánh trở lại Sài Gòn. Và mỗi ngày lặng lẽ một mình, Năm Thanh đều đi Biên Hòa Mỗi ngày Năm Thanh đều tin cho tôi

- Bác sĩ nói, bữa nay ảnh tỉnh nhiều hơn hôm qua Mỗi lần ảnh lên con, bác sĩ nhắc lại lời dặn của em thì ảnh dụ xuống. ảnh bớt hát bớt hò. Nhưng đến bữa ăn thì vẫn còn đồ cơm xuống nền nhà, ăn bốc.

Chiều hôm sau, Năm Thanh tin thêm:

- Bữa nay, trước mặt em, ảnh chịu ngồi yên để hớt tóc, đầu cổ bữa nay gọn gàng rồi! Nhưng con mắt nhìn em vẫn còn đại lắm.

Chiều hôm sau:

- Bữa nay ảnh đi tắm.

Chiều hôm sau nữa:

- ảnh hỏi em là anh đang ở đâu

Sau mỗi ngày là mỗi tin vui của người điên.

Có gần một tháng mỗi ngày đều đi thăm người điên, chiều hôm ấy, Năm Thanh hỏi tôi:

- Anh Ba còn tiền cho em mượn đỡ.

Đào kép chúng tôi hỏi mượn tiền nhau là chuyện thường, nhưng với Năm Thanh đây là lần đầu..

Sáng ngày hôm sau, Năm Thanh gọi tôi lúc tôi đang ngủ. Nhìn Năm Thanh tôi giật mình, Năm Thanh như già đi trong vẻ bơ phờ. Hai con mắt, không còn hai con mắt vừa long lanh, vừa băng lãng của một cô đào nữa, hai tròng mắt cứ nhìn ngược lên, dài dài, đôi môi như sẫm lại trong bóng tối của đôi mắt thâm quầng.

- Có chuyện gì vậy Năm?

- Chiều hôm qua, em không nói với anh. Em hỏi mượn tiền anh là vì em rước ảnh về Sài Gòn, em thuê phòng cho ảnh ở. Tối qua, hát xong, em vào thăm ảnh. Đêm qua, em cho ảnh hết rồi anh Ba! Cho xong, em hỏi ảnh:

"Anh thấy chưa Tôi có gì để cho anh phải mơ ước, phải khao khát đến phát điên? Tôi cũng là một người đàn bà, một người đàn bà, bình thường đừng thèm đừng dặt thêm cho tôi nữa Thôi, anh về, tịnh tâm cưới vợ, đẻ con, sống như mọi người". Em nói mà không nhìn mặt ảnh. Rồi em đưa ảnh ra bến xe, mua vé cho ảnh và dặn dò tài xế phải đưa ảnh về tận nhà. Xe chạy lâu rồi

anh Ba

Nói xong, Năm Thanh gục đầu, ôm mặt khóc. Khóc nức, khóc nỏ, khóc vật vã, khóc rung cả đôi vai Tiếng khóc của Năm Thanh tôi nghe như tiếng cào, tiếng xé trong tâm hồn mình. Tiếng khóc nhói đau suốt cả cuộc đời tôi

- Anh Ba ơi, em có lỗi với chồng em, em là người đàn bà hư hỏng.

- Không ! Không phải vậy đâu Năm Thanh. Đừng nghĩ vậy Em đã cứu một người điên, em là Người đàn bà đức hạnh.

Năm sau, lão nghệ sĩ quái kiệt mất, thọ 80 tuổi Nếu cõi này có cả thế giới bên kia, hai linh hồn của hai nghệ sĩ chắc gặp nhau Họ đã để lại trần gian những điều thiện, điều đẹp, linh hồn họ chắc thanh thản, phiêu diêu.

Nguyễn Quang Sáng

Quán rượu người câm

Bất cứ ở nước nào, thời kỳ nào, bất cứ cuộc cách mạng nào cũng đều phải trải qua những ngày đen tối. Trong những ngày đen tối thì có những chiến sĩ bị cầm tù. Và bất cứ nhà tù nào, người ta cũng chia làm hai, kẻ phản bội và chiến sĩ trung kiên. Những chiến sĩ trung kiên có người đến chết không hé một lời khai, có người bị tra tấn đến tàn phế, hoặc ngơ ngẩn hoặc điên không còn biết gì nữa. Trong một nhà tù- Trong hàng trăm nhà tù ở miền Nam - khoảng năm 1956, có một người bị tra tấn đến đứt cả dây nói, thành một người câm. Đó là anh ba Hoàn hơn bốn mươi tuổi. Trong kháng chiến đánh Tây, anh là Đảng viên Cộng sản, là Ủy viên nông hội xã. Giặc bắt anh vì cái tội đi đo đất tạm chia cho dân cày và bản thân anh được lãnh ba công. Qua ba tháng tù, chịu mọi thứ cực hình, anh chưa bị câm và vẫn không khai. Một hôm, trong nhà tù, có một tên phản bội đã khai cho một cô gái mười sáu tuổi, cô làm liên lạc riêng cho hắn ta, gọi hắn ta bằng chú. Cháu gái ấy bị bắt, cũng như một số đồng anh em, cháu nhận mọi thứ tra tấn. Cháu bị đưa đến nhà tù đàn ông để mặt đối mặt. Tên địch chỉ mặt tên phản bội hỏi cháu:

- Mày có biết tên này không?

Cháu gái lắc đầu:

- Không!

Tên địch trợn mắt, đưa chân đá khe khẽ vào cằm tên phản bội:

- Con nhỏ này nói vậy mày thấy sao?- Tên phản bội không dám nhìn cô gái nhỏ. Hắn gục đầu, lằm bằm trong miệng, không biết hắn nói gì. Tên địch lại đưa mũi giày vào cằm hắn- lúc đó hắn ngò- hất cái mặt hắn lên:

- Sao! Mày muốn tao chơi lại cái món ngày hôm qua hả? Ngày hôm qua, bọn địch đem nhét anh ta vào cái cống vừa chỉ lộ cái đầu và hai cái chân.

Bọn địch bảo:

- Tao sẽ nuôi mày như nuôi vịt trong ống tre. Người sẽ tóp lại, đùi sẽ lớn ra. Mày khai không?

Hắn gật đầu. Bọn địch lấy búa tạ đập vỡ cái cống và cho hắn trở lại nhà tù- Nghe nhắc đến cảnh tra tấn đó, hắn toát mồ hôi, hắn ngược nhìn cô gái nhỏ và lắp bắp nói:

- Nhận... nhận đi cháu! - Hắn vừa nói thì một chuyện bất ngờ không ai đoán được. Cô gái nhỏ mười sáu tuổi ấy, tóc đang rũ xuống, bỗng hất tóc ra sau vai và nói như nghiến:

- Chú Hai! Chú sợ chết hả! Chú hãy nhìn tôi đây này.

Đưa cháu gái liền thè lưỡi, mắt long lên, đưa quả đấm đánh vào cằm mình.

"Bực", đầu lưỡi cháu rơi xuống, cháu ngã ngửa ra sau và máu vọt ra. Cái chết của cháu gái quyết liệt quá khiến cho tất cả anh em tù liền nhóm dậy.

Nhưng chân của họ bị còng, còng bị kéo tới, tay họ vồ vào kẻ thù. Bọn địch bỏ xác người con gái nhỏ lại, chen nhau, tuôn ra, đập song sắt và rút súng ngắn chĩa vào tù nhân.

Anh Ba Hoàn chụp lấy cái đầu lưỡi của cháu gái và nhỏ một bãi nước miếng vào mặt tên phản bội, anh để cái đầu lưỡi nhỏ lên bàn tay, bàn tay xòe ra, anh đưa chậm chậm qua mắt anh em, tay anh lẩy bẩy run, và nước mắt anh cứ xối xả.

Sau đó ba ngày, trong một trận tra tấn, khi một tên địch dùng búa đập

lên cổ anh, anh ngã quy xuống, giẫy một lúc, miệng há ra, rồi ú ớ. Bọn địch hỏi gì anh cũng ngễnh mặt, ngơ ngác, cái ngơ ngác của một người điếc, và miệng cứ há ra, hàm dưới đưa qua đưa lại một cách khó nhọc và cứ ú ú ớ ớ. Bọn địch trả anh lại nhà tù và cho người rình. Đối với anh em, anh cũng ú ớ và ngơ ngác như vậy. Bọn địch lại tra cái bệnh câm của anh. Chúng bắt anh phải nói. Qua ba trận tra tấn, anh câm luôn, cả cái tiếng ú ớ anh cũng không ú ớ được nữa. Bọn địch đưa anh vào nhà thương để xét nghiệm. Sau nhiều lần tra tấn bằng các thứ thuốc, bác sĩ kết luận: "Tên tù này câm thật!".

Chúng đánh người cốt để moi lấy lời khai, người tù này câm rồi, đánh nữa chỉ một xác, bỏ tù cho tốn cơm, chúng thả anh ra.

Anh Ba Hoàn, vốn là con người lực lưỡng, một tay phát thề (1) nổi tiếng. Ở nhà tù về anh chỉ còn có bộ xương, lại câm. Anh không thể cảm nổi cái phảng được nữa. Nhưng nếu còn sức cảm phảng thì anh cảm phảng nữa làm gì, ba công đất của anh bị giật mất rồi.

Anh câm, anh hết cả sức lực, nhưng anh còn sống, anh sống vì người vợ, vì ba đứa con, và vì cái gì nữa ai mà biết được. Anh còn sống và phải sống. Muốn sống thì phải có cái ăn. Anh phải nuôi vợ và ba đứa con. Anh có vợ muộn, vì nghèo mà phải lấy vợ muộn. Anh nghèo thật, nhưng anh cũng không phải vì nghèo mà không lấy được vợ. Lúc còn trai trẻ, anh được một người yêu. Đó là cô gái đẹp ở xóm, một cô gái khá giả, nhà có ruộng lại có cả miếng vườn cây ăn trái. Anh nghèo, anh vác cuốc đi làm mướn, nghèo nhưng lại bạt mạng, dám chơi, dám làm, dám nói. Có lẽ vì vậy mà anh được người con gái ấy yêu chẳng? Cái đó anh không hề biết. Chỉ biết là mình được yêu. Người ta bảo anh: "Nghèo phải lo phận nghèo, đừng có chơi trêu mà té nặng". Cái tuổi trẻ của anh không nghĩ tới điều đó, vả lại, anh yêu cô ấy. Anh định sau khi cưới nhau, cô ấy sẽ ở với ngôi nhà của anh, anh không có ý định xây nhà trên miếng vườn đó. Nhưng rồi cha mẹ người ta bảo với

gia đình anh muốn làm sui gia thì phải "môn đăng hộ đối". Đến khi người con gái ấy bị gả cho một người khác - một anh thư ký - đến lúc ấy mới vỡ ra cái lẽ là mình nghèo. Nghèo thật, rồi có những lúc than thở, anh ta hát nghêu ngao. Anh ca vọng cổ, ca bắt quàng: "Nghèo xơ nghèo xác. Nghèo nát xương mông, nghèo không gạo nấu, nghèo thầu Ngọc Hoàng, nghèo tàn nghèo mặt, nghèo khắc ra tro, nghèo ho ra bụi, nghèo lủi trong bờ, nghèo lờ con mắt, nghèo thất ống chân, nghèo sung ống quyển - ơ ờ..." hoặc "Than ôi, nước mắt mặn không tiền mua giấm...". Mãi đến năm 1950 anh mới cưới vợ. Đó là một cô gái dở dang, ba mươi tuổi mà chưa chồng. Chị bị dở dang không phải vì hư hỏng vì xấu hay vô duyên. Chị bị dở dang vì người yêu của chị là một anh vệ quốc đoàn bị hy sinh. Ba mươi sáu tuổi anh mới lấy vợ. Năm năm, đẻ liền ba cháu. Đứa lớn nhất năm tuổi, đứa nhỏ nhất vừa sanh thì anh bị đi tù. Vợ anh đi làm mướn, đi cấy, đi gặt để lấy công. Một mình chị làm chị không nuôi nổi ba con, lại còn tiền thuốc tiền men cho chồng nữa. Sống làm sao nổi. Ở nhà tù ra, trở về với bệnh tật nhưng anh không thể nào nghỉ được. Nhưng sức của anh còn làm gì nổi nữa! Anh nghĩ đến chuyện buôn vặt. Anh đi mượn tiền mở một quán rượu. Buôn bán mà cam thật khó! Tạo hóa sinh ra con người, nếu tạo hoá muốn ở ác với con người thì cái ác cũng rất phải chăng. Nếu tạo hoá muốn cho một người nào đó phải cam, cam, khổ lắm! Để cho người cam ấy đỡ khổ, tạo hóa cho người cam ấy điếc luôn. Đã cam thì phải điếc, bởi vì nếu không nói được mà phải nghe, nghe mà không nói thì ức chết thôi. Cho nên tạo hóa phải cho họ điếc để khỏi phải nghe những điều họ không đáng nghe. Còn anh Ba Hoàn, anh cam không phải do tạo hóa mà con người, do kẻ thù. Con người khi trở thành kẻ thù thì họ ác hơn tạo hóa. Bọn giặc đánh anh đến cam, nhưng lại để cho anh nghe được. Khổ thân anh quá! Những chuyện xung quanh toàn những chuyện bất bình nên anh không phải nghe nhiều, chỉ cần nghe vài ngày thôi, chuyện

này, chuyện nợ cứ dồn ép vào, đến mức anh không còn sức chứa nữa, ngực anh sẽ vỡ tung ra.

Kẻ thù ác với anh nhưng đòi lại thương anh, thật may! Trong thời kháng chiến lúc làm ủy viên nông hội xã, anh có học được vài chữ, anh đọc được và viết được. Thằng địch gian ác và xảo trá, nhưng nó lại quên cái điều ấy. Anh câm, anh không nói bằng miệng được nhưng nói bằng tay.

Anh trở về với quán rượu, nhưng địch không cho anh sống yên. Đêm đêm nó cho người đến rình nhà anh. Nó muốn nghe anh nói chuyện với vợ con anh. Và nó nghe cả những lời ân ái của anh. Nó kể lại với bọn lính trong bót nghe và lấy đó làm trò cười. Bọn nó kháo với nhau: Thằng cha câm khi muốn ngủ với vợ, nó không ú ớ mà ư ư như rên, khi nó bị vợ phui tay, thì nó kêu á á, khi vợ nó kéo nó tới, thì nó à à - Một lần nữa bọn chúng xác định: tên tù ấy câm thật.

Dù khó khăn anh vẫn sống qua ngày, sống với quán rượu của anh. Quán rượu anh cất cạnh bờ sông. Một cái quán nhỏ lợp bằng lá dừa khô. Một cái quày hai cái ghế dài để cho khách ngồi, một cái tấm vạc nhỏ để nhậu. Có hai con đường dẫn đến quán. Một con đường có cây cầu dừa, dành cho khách đi xuống, hoặc ghe máy đuôi tôm, một con đường mòn nhỏ băng qua vườn mía dẫn vào con đường lớn xuyên qua xóm.

Quán nhỏ tồi tàn, nhưng lại có đủ thứ rượu ngon, toàn là rượu nổi tiếng. Người chủ quán là người biết chọn rượu. Rượu Lương Hòa tỉnh Bến Tre - Rượu nặng mà đậm và thơm... Rượu đế thì rượu kinh ông Kho, rượu ngon nhất tỉnh Long Châu Sa, rượu trong veo, sủi bọt nặng mà đậm. Rượu đậu nành nước trong xanh cay mà ngọt, uống say lúc nào chẳng biết, lúc say người như lịm đi. Rượu cất bằng mía, rượu "Rum" của Hiệp Hòa màu rượu như trái hồng quân. Đó là những thứ rượu ngon, loại mắc tiền nhưng đồ nhậu thì lại bình dân thôi. Đâu phụng rang tằm mỡ với ngũ vị hương, tôm

khô, củ kiệu, khô mực, các loại khô, và các loại cây trái, mùa nào thứ ấy xoài, ổi, mận và chùm ruột...

Ông chủ quán cầm nhưng lại lịch sự, và tiền nong rất rõ ràng. Nếu cần chủ quán sẽ mời anh một ly nhỏ không lấy tiền và nếu vui chủ quán sẽ sẵn sàng chạm một ly. Trên quầy có một xấp giấy nhỏ, có khi là một xấp lịch cũ của một cuốn sổ tay nào đó và một cây viết "bic". Khách nào đến ngồi lâu, uống nhiều ly, mua nhiều đồ nhậu, chủ quán cầm không nói được, chủ quán tính tiền trong cái giấy. Khách cứ coi theo đó mà trả. Rất tiện khỏi phải cãi cò nhiều lời. Ông chủ quán này lại có cái lạ là không tham bán nhiều, thấy khách vừa say thì một cách lịch sự, lịch sự theo người cầm, nhe răng cười ú ớ mấy cái rồi đưa cho khách. Vậy là khách biết mình sắp say rồi. Chỉ phiền có một điều, có lẽ vì chủ quán ít chữ nghĩa quá, viết không được mạch lạc, hoặc nguệch ngoạc cho nên khách phải đọc rất lâu, có khi tiền thì cứ trả mà giấy thì mang về đọc lại.

Khách rượu ở quán này thường hay ngồi lâu, có khi ngồi đến hàng giờ. Ông chủ quán cầm kể loại biết điệu đời, ông xếp ghế ngồi để cho khách nhìn ra sông: sông Cửu Long. Khách có thể ngắm rặng cây xa mờ, ngắm những cánh buồm, vừa ngắm nhìn vừa nghe tiếng sóng. Sóng bạc đầu, bỏ vôi, tràn lên nhau, sóng bủa âm âm. Sóng lưỡi búa, lách chách từng đợt nhỏ và đều, lấp lánh khắp mặt sông. Sóng nhỏ nhưng lại thường hay nhấn chìm xuống ghe. Xuồng ghe tấp vào bờ. Sóng vắng rì rầm, buồn và mênh mông.

Vì rượu ngon, hay vì có chỗ ngồi nhìn ngắm cảnh hay vì cái vẻ lịch sự cầm của ông chủ quán? Chẳng rõ, chẳng biết, chỉ biết trong làng, hầu như người uống rượu nào cũng đến. Trong làng, dân làng không được hội họp, ba người đàn ông gặp nhau cũng không được, những cuộc gặp gỡ từ ba người trở lên, nếu nhà cầm quyền biết sẽ bị nghi là họp cộng sản, sẽ bị đi tù. Còn ở cái quán rượu này buồn đến nỗi đàn bà cũng uống rượu nữa. Con gái thì

chưa uống ghiền nhưng cũng đến mua. "Rượu vào thì lời ra !". Bọn xâm lược Mỹ và tay sai không cấm được điều đó. Thật tội nghiệp cho ông chủ quán cầm, ông phải nghe chuyện của những thằng uống rượu, chuyện của những thằng say. Nhưng cũng thật hạnh phúc cho ông, ông toàn nghe những chuyện thật. Bởi vì không ai dám nói thật bằng những thằng uống rượu, những thằng say. Lúc bình thường giận đời, giận người, họ không dám chửi, uống rượu vào, họ chửi chẳng sợ ai. Lúc bình thường có những sự thật vì lẽ gì đó mà không dám nói, uống rượu vào họ nói tất. Những người khách rượu này, họ nói tất cả những sự thật của làng.

- Chú Hai ở cuối xóm bị bắt, bị đi tù. Thằng xếp đến bắt hiếp vợ chú.

- Nhà chị Ba một người đàn bà góa, bị lính moi hầm, dưới hầm có một anh kháng chiến cũ. Chị bị nhà cầm quyền buộc tội lấy Việt Cộng. Hai người đều bị bắt. Nó bắt hai người phải ngủ với nhau. Anh kháng chiến cũ không chịu. Nó lột quần áo cả hai người, trói lại, bắt nằm chồng lên nhau, rồi giết điện. Chị Ba chết để lại ba đứa con.

- Con Sáu có chồng đi tập kết. Bị bọn lính ép quá, chịu không nổi, nó cạo đầu rồi, định đi tu.

- Nửa đêm một chiếc tàu sắp cập bến. Bọn lính ulla lên nhà một gia đình không có đàn ông, giáng súng vào lưng đàn bà con nít, lừa xuống tàu, phóng lửa đốt nhà, rồi chở đi, chẳng biết đi đâu.

- Ông Năm, một ông già điếc hơn sáu mươi tuổi vừa bị lính bắt, người ta không hiểu sao ông bị bắt. Trong tù ông không khai. Có người bảo ông là người kháng khái, có người bảo ông có gì để khai mà không kháng khái.

- Thằng Chín có vợ có con rồi mà còn ve vãn con nhỏ gọi nó bằng chú. Nó bị phản đối, nó đâm ra thù oán người ta, nó phao tin đồn nhảm định làm hại cô ta. Cô gái đang bị bọn công an áo đen theo dõi. Đối với những thằng sa đọa như thằng Chín, cần phải cảnh giác.

- Thằng Tư nó đầu hàng rồi. Nó khai nó làm chỉ điểm cho địch. Nó mang kiếng đen, nó lảng vảng ở ngoài bến xe. Nó vừa chỉ bắt một người đàn bà.
- Nhà ông Tám bị khai hầm. Ông lấy ngực đỡ đầu súng. Anh cán bộ chạy thoát, Ngực ông bị bắn nát.

Chuyện trong làng trong huyện, trong tỉnh và chuyện của cả miền Nam toàn những chuyện đau thương, ngày nào cũng có. Mỗi ngày một chuyện, có khi hàng chục chuyện...

Ông chủ quán cầm : đầu óc bùm sùm, mặt hốc hác, người gầy gò, mặc bộ bà ba rách, ngả màu cháo lòng.

Ông lắng nghe chuyện, mặt hơi nhếch lên, ngơ ngác như một người điếc. Những người khách vừa nói vừa uống, vừa chửi, vừa nắm quả đấm muốn đập nát cái vạc tre để đồ nhấm, hoặc thở dài hoặc đang nói thì bị nghẹn. Còn ông chủ quán cầm, ông nghe mà cứ như điếc chẳng ai thấy ông bị xúc động, mặt cứ trơ. Hay là tạo hóa thương ông, cho ông điếc luôn? Chẳng biết nữa. Lâu lâu ông cúi xuống, rút giấy ra ghi. Ông ghi tiền rượu cho khách, hay ghi những chuyện đáng cười, đáng giận đó. Chẳng ai hiểu nổi. Mà hiểu để làm gì mới được chứ ! Từ cầm đến ngớ ngẩn có khó gì. Lúc ông ta cúi cái đầu bùm sùm xuống quây, hai tay khuỳnh ra, mặt nghiêng nghiêng, tay ghi ghi, miệng há hốc, dáng điệu của ông ta, đúng là dáng điệu của một thằng ngớ ngẩn, lúc ghi, lúc viết, miệng ông ta như không ngậm lại được.

Khi khách hàng ra về, và quán vắng, ông rót ly rượu kính ông Kho, rót đầy, có khi rót mà không nhìn ly, rót tràn ra quây vì ông là chủ quán nên ông không uống từng ngụm như khách, ông uống cạn một hơi. Nói cho đúng thì ông không uống mà ông đổ. Uống thì phải nhấp, phải chén, phải khà, phải thưởng thức cho hết chất cay, chất nồng của rượu. Còn ông, với cái miệng vốn há hốc của ông, ông ngược mặt rồi cầm ly rượu, đưa cao lên, đổ xuống. Hình như rượu không đụng đến lưỡi, rượu đổ ngay vào đốc họng rồi tuôn

thẳng vào lòng ông. Ông uống rượu mà như uống thuốc độc vậy.

Uống xong mặt ông không đỏ, mà tái, ông ngồi im, miệng há hốc, mắt lơ đãng. Đứng thấy dòng sông lặng lẽ mà bảo dòng sông không có sóng. Sóng đang nổi lên từ dưới đáy người ta gọi đó là sóng ngầm. Nhìn sông đến chán, ông gục đầu xuống quầy. Như một ông chủ quán bán khuya đến lúc phải ngủ gục. Khách rượu đến bất ngờ thấy ông gục đầu, hai vai run run, khách rượu tưởng ông khóc. Khách rượu vỗ vai ông, ông giật mình lật đật đứng dậy, khách rượu hỏi:

- Sao ông khóc ?

Ông lắc đầu ú ớ, đưa tay chỉ vào mắt, con mắt khô quánh. Yý ông muốn nói: Tôi khóc hồi nào !

Nhưng khách rượu không tin, thấy đôi vai run của ông, khách rượu đoán là ông khóc. Có điều là người khách có thể tin. Là con mắt của ông không ướt. Con mắt khô, nhưng miệng chảy nước dãi. Khách rượu ấy kết luận : Ông khóc thật, nhưng không phải khóc bằng nước mắt mà ông khóc bằng nước miếng, đó là kiểu khóc đặc biệt của người câm.

Trong làng, trong cả miền Nam, nhà nào cũng có người bị bắt bị giết, những nhà bị tan nát. Con người sống không yên. Người ta phải đứng dậy. Từ một đến mười, từ mười đến trăm, từ trăm đến ngàn, rồi cả làng. Hầu hết đàn bà trong làng, họ kéo nhau ra đồn bót, ra huyện, ra tỉnh, kéo nhau đi cả Sài Gòn nữa. Họ bắt kẻ thù phải công nhận cho họ là con người đang sống và có quyền sống. Những cuộc biểu tình ấy, nếu đi xuống đi ghe máy đuôi tôm hoặc đi tài thì qua bến chủ quán rượu. Cái bến của quán rượu người câm lúc nào cũng nổi sóng. Nếu đi bộ, thì đoàn người đi ngang qua con đường sau quán. Ông câm nhưng ông thấy, ông nghe và ông biết. Đi đấu tranh xong trở về, người ta lại ghé vào quán rượu của ông. Người vào quán ông bất cứ lúc nào, về lúc nào ghé lúc ấy, có khi vừa tối, có lúc nửa đêm. Người ta ghé vào

để uống rượu và nói chuyện và bàn cãi. Nhờ có nhiều khách hàng, đêm đêm ông thấp đèn khí đá. Ông vừa bán vừa nghe chuyện. Địch nó bắn người ta cứ tràn lên. Một người bị bắt cả ngàn người cứ đứng vây cửa nhà tên quận, hò hét cho đến lúc nó thả ra mới chịu về. Bọn địch nó biết, khi mà đàn bà đã đứng dậy thì chẳng có sức mạnh nào bằng. Nó sợ đàn bà, nhưng nó lại biết chỗ yếu của đàn bà. Đàn bà không sợ bị bắt, không sợ tù, không sợ súng, không sợ chết, nhưng lại sợ nhục. Nó không bắn, nó sai lính đi tuột quần từng người. Ôồ! Chuyện ấy có gì khó. Đàn bà đi đấu tranh người ta không mặc quần thun hay quần lưng rút nữa, người ta mặc quần gài nút, giật quần không tuột, nó bắt từng người, lấy kéo cắt đầu tóc, mái tóc dài, và đầu tóc ở sau ót, đó là vẻ đẹp của người đàn bà Việt Nam. Những người đàn bà khi đã bước vào đấu tranh, người ta không sợ mất cái vẻ đẹp đó. Chồng họ cũng không sợ. Một hôm có một anh chồng ra quán người cầm đón vợ, thấy vợ buồn vì mất cái đầu tóc, trong lúc mọi người đang ồn ào anh kêu lên:

- Sao mình buồn ? Mình sợ tôi chê mình xấu à ? Ông cầm, ông cho tôi một ly rượu, "rượu" "rum" Hiệp Hòa ấy.

Anh chồng uống cạn một ly. Uống xong, anh lấy rượu làm nư, anh ôm lấy vai vợ rồi cúi hôn lên cái ót trần của vợ. Vợ anh đẩy ra, người ta cười ồ lên, người ta vỗ tay, anh chồng ấy - có rượu rồi - không lấy đó làm then, anh ngả ra cười ngất. Đã lâu lắm rồi, người ta mới thấy ông chủ quán cầm cười. Khi ông cười, mặt ông thâm hại làm sao. Mặt ông nghiêm, nhắm một con mắt, miệng méo. Cười xong, ông rót thêm hai ly nhỏ, đưa anh chồng ấy một ly, hai người cùng chạm và uống cạn.

Lại một lần khác, bọn địch không cắt tóc nữa, chúng gi súng vào từng người, đè họ xuống giữa chợ, cởi quần áo. Bọn địch muốn làm nhục họ. Chúng muốn cho người khác bỏ chạy. Bỗng một bà già, gọi là bà Tư Trầu - vì bà ăn trầu luôn miệng và kêu lớn. Thân thể của người đàn bà là vẻ đẹp thiêng liêng

của họ, nhưng đến lúc cần phải giành lại tự do, độc lập và quyền sống họ sẵn sàng hy sinh tất cả. Khi bà Tư Trầu ra lệnh, thế là cả ngàn người đàn bà, bà già, người có chồng, người còn con gái, tất cả, liền cởi hết và họ xếp lại thành hàng, họ thành một đạo quân ngang nhiên lạ lùng diễn qua trước mặt kẻ thù. Kẻ muốn làm cho họ nhục, thì chính họ lại thấy nhục. Những thằng giặc ấy, chúng mặc áo, quần, tay cầm súng, nhưng chúng phải bỏ chạy.

Người ta nói chuyện ấy trong quán rượu. Ông chủ quán cầm liền rót đầy một ly rượu màu hồng quân trinh trọng đưa cho bà Tư Trầu và rót nhiều ly khác cho những bà, những chị, những em đang có mặt. Những bà, những chị, những em đều uống cạn những ly rượu do người cầm rót ra. Rượu ấy là rượu đặc biệt do chính tay chủ quán cắt bằng trái cây, rượu dành riêng cho đàn bà, rượu không cay nồng, rượu ngọt và rượu uống không say.

Giặc lê máy chém đến. Chúng giết bà Tư Trầu và giết nhiều người khác nữa. Trong làng, có thêm những đứa bé chít khăn tang. Cái quán rượu không còn ồn ào nữa. Nhưng quán rượu của người cầm không vắng khách - những người ghiền, những người say lại đến với quán rượu.

Bỗng một ngày, không một khách rượu nào đến, ngoài đường cũng chẳng thấy ai đi. Dưới bến, chẳng có một chiếc xuồng, ghe nào qua lại. Người chủ quán cầm chỉ còn biết ú ớ cũng chẳng có ai để cho ông ta ú ớ nữa, trong làng chỉ còn nghe có tiếng sóng. Sự im lặng của mọi người đang nín thở ấy kéo dài gần nửa đêm. Như một hơi thở dài bị đè ép bỗng trút ra, bất thần, cả làng bỗng dậy lên. Nhà thờ kéo chuông, nhà chùa nện đại đồng chung, người ta đánh trống, người ta đánh mõ, người ta đánh thùng thiếc, người ta đánh xoong, đánh bất cứ cái gì gây ra tiếng động. Người ta hò hét, người ta vác cái gì như súng, người ta đi, người ta gọi nhau, kêu rú nhau, người ta gọi cả ông cầm chủ quán rượu. Người ta báo cho nhau một cái tin lạ " Đồng khởi". Người ở tất cả các ngả xóm, các con đường làng cứ đổ ra. Người trong làng

cũng bấy nhiêu đó, nhưng đêm đó lại đông hơn, đông hơn gấp mười, gấp trăm. Người kéo đi cuồn cuộn, kéo tràn đến dồn bót giặc. Người ta cho nổ những tiếng nổ lớn.

Bọn giặc trong đồn, trong bót hoảng hốt. Nghe những tiếng nổ tiếng trống, và mọi thứ tiếng vang dội lên mỗi lúc một dữ dội, chúng thấy cái đồn, cái bót của chúng như những chiếc xuồng con đang bị sóng của một cơn bão đang bủa tới, chúng nhớ những người chúng giết, nhớ những người chúng bắt, nhớ những người chúng đánh, nhớ những gia đình do bàn tay chúng phá tan nát, chúng thấy những người đó đang tràn tới. Đông quá! Chúng không thể biết được bao nhiêu. Với súng, với đạn của chúng, chúng có thể giết được hàng trăm, nhưng khi hết cả đạn, chúng không thể sống được. Vậy là chúng nó lần lượt vứt súng đưa hai tay lên trời, có đứa vứt súng tìm cách thoát thân.

Thế là dân làng san bằng tất cả đồn bót bằng tiếng trống tiếng mõ, bằng những tiếng nổ lớn của pháo tre, của khí đá.

Sau khi san bằng hết đồn bót, dân làng đốt đuốc, kéo nhau ra đồng, dựng lên một khán đài cao.

Cả làng mỗi người một ngọn đuốc, người ta nhìn về phía lễ đài, chờ một người mà người ta muốn biết : Người chỉ huy ngày đồng khởi.

Người ta đứng im. Chỉ còn nghe có tiếng lửa cháy rần rật. Tiếng nổ đều đều của tàn đuốc. Tiếng lửa cháy nghe thật trang nghiêm. Hầu hết người làng đều không biết người chỉ huy. Khi người ta không biết thì người ta đoán và tưởng tượng. Con người trong tưởng tượng thì không thể nào giống con người thật. Người ta chờ đợi người chỉ huy theo ý tưởng tượng riêng của mình. Người ta hồi hộp chờ một người chỉ huy thật.

Người chỉ huy ấy xuất hiện, đứng trên lễ đài, hoàn toàn không giống như ý tưởng tượng của họ. Người ta kinh ngạc nhưng người ta không thất vọng.

Con người thật không giống như trong tưởng tượng nhưng phong phú hơn, và gần gũi hơn. Qua một thoáng kinh ngạc, người ta liền dậy lên. Người ta hoan hô, người ta kêu nhau, người ta chen nhau tràn về phía trước. Trong ánh lửa hồng của hàng ngàn ngọn đuốc, người chỉ huy hiện lên trước khán đài. Người ấy, một con người cao, gầy gò, mặc bộ bà ba màu cháo lòng tóc bùm sùm. Đó là người cầm của quán rượu. Anh Ba Hoành!.

Anh mọp đầu chào dân làng, rồi nhón chân, đưa hai tay chào, rồi đưa tay vuốt ngực và cất tiếng:

- ... Bốn năm nay tôi không nói, không phải tôi câm. Mà tôi im lặng. Đã đến lúc chúng ta không im lặng được nữa. Đã đến lúc chúng ta phải...

Tiếng nói của bốn năm câm lặng, tiếng nói không cần phải qua máy móc của các thứ loa, tiếng nói của anh vang lên đến từng người, vang dội cả trong lòng họ.

Cả làng. Mỗi người một ngọn đuốc, mỗi người một thứ giọng lại dấy lên, đáp lại lời của anh.

Làng lúc nào cũng tràn trề tiếng sóng, người ta không nghe tiếng sóng nữa. Người ta chỉ nghe tiếng vang dội của dân làng.

Dân làng quây quanh lấy khán đài, hò hét cho hả hê, và đốt thêm đuốc.

Đuốc: cái đưa lên, cái đưa xuống rào rào như một đám cháy. Người ta quơ đuốc cho cháy to hơn, quơ đuốc cho lửa bốc cao và người ta phóng cả ngọn đuốc bay vọt lên không. Tưởng chừng, hàng ngàn ngọn lửa đuốc đang đốt cả trời đêm.

Tháp Mười 16-5-1967

Nguyễn Quang Sáng

Về lại bức tranh xưa

Cái nét nhậu của thằng bạn tôi thật dễ thương: không quậy, không khích bác, không nổi nóng trước những lời cà khịa, không nói xấu người vắng mặt, càng uống càng có duyên, nó được khen "càng uống càng có lập trường". Đó là lời khen của dân nhậu, xin đừng bắt bẻ. Rất lạ, bữa nhậu nào mà có hai đứa tôi, bữa nhậu đó trở nên rôm rả, hào hứng, nếu vì lẽ gì đó mà vắng đi một đứa, đứa có mặt dù rượu ngon cũng cảm thấy cô đơn, bữa nhậu uống cứ uống, nhưng cứ xiu. Tôi với nó kẻ tung người hứng, luôn luôn gây dựng "phong trào". Từ đó tôi với nó được bạn bè tặng cho danh hiệu "cặp đánh đôi trên sân nhậu".

- Mươi Biện! Có lần nào mày say không?

- Không! - Mươi Biện trả lời dứt khoát - Nghề tao mà say thì chết người.

Nghề của Mươi Biện là nghề công an. Mươi Biện làm công an từ lúc hai đứa rời khỏi ghế nhà trường. ở cái tuổi học trường làng, hai đứa không biết nhau, bởi vì tôi ở Long Xuyên, Mươi Biện ở Cà Mau, xa lắc xa lơ, nhưng đến năm 1948, sau ba năm chống Pháp, Sở Giáo Dục kháng chiến Nam Bộ mở một loạt trường trung học ven theo các con kênh rạch bên kia bìa rừng U Minh. Vậy là, chúng tôi từ các chiến trường, lên xuôi theo sông nước đổ về.

Tôi với Mười Biện cùng ngồi một bàn. Hai đứa cùng tuổi hai mươi. Ấn tượng đầu tiên của tôi, Mười Biện là một anh chàng cục mịch, người thâm thấp, chắc nịch với nước da đậm đà. Khi nó mặc quần cụt, nhìn cái đùi của nó chúng tôi bảo hai cái bộ trụ của thằng này vững như hai cột đình. Đặc biệt nhất là đôi mắt, đôi mắt vừa to, vừa sâu, vừa đen thăm thẳm.

Con người cục mịch như vậy mà tiếng đàn ghi-ta thật là lướt, lại có tài vẽ tranh nữa kia. Bức tranh nó vẽ thầy khen hết lời, là bức tranh người chiến sĩ canh giữ bầu trời Tổ quốc dưới ánh sao nhìn từ phía sau.

Thầy giảng:

Trò Biện vẽ cái lưng chứ không vẽ cái mặt, vì sao? Tâm trạng của con người thường thể hiện qua gương mặt của mình nhưng phía sau của con người thể hiện tâm trạng của mình nhiều lúc có phần trung thực hơn. Trò Biện chọn cái góc nhìn thật thông minh. Đáng lẽ thầy cho trò Biện 10 điểm nhưng thầy cho 9,5 điểm để không có gì tuyệt đối, để còn phát triển.

Tôi hỏi Mười Biện:

- Thầy nói vậy đúng không?

Mười Biện cười:

- Tao vẽ mặt người chưa nổi, mặt người luôn thay đổi, tao bắt không kịp, đành vẽ cái lưng.

- Mà có biết cái lưng trong bức tranh là cái lưng của ai không?

- Lưng tao - Nó trả lời dứt khoát đến mức tôi phải ngạc nhiên, đúng là cái lưng của nó!

- Lưng mày làm sao mày thấy?

Mười Biện cười:

- Mày ngu! Không thấy bằng mắt thì thấy bằng tai. Tao nghe tụi mày nói tao là thằng vai u thịt bắp. Mà tao cũng lấy làm lạ là tao vẽ ai rồi cũng có tao trong đó. Nghệ thuật mà mày !

Té ra nghệ thuật là vậy, tôi không hiểu.

Ngồi cùng một bàn, cùng chơi trong dàn nhạc của nhà trường, nhưng kỷ niệm sâu sắc nhất là hai đứa ngủ chung, áo quần cũng mặc chung. Không biết ai lây ai, hai đứa đều bị ghẻ ngứa đầy mình, gãi sồn sột suốt đêm. Hai đứa trị ghẻ ngứa bằng cách lọc máu. Lấy máu trong gân của cánh tay rồi tiêm vào mông. Một hôm, hứng vì lẽ gì chẳng biết, nó bảo:

- Tao với mày đổi máu chơi, dám không?

Bất ngờ nhưng tôi vẫn đáp ứng không một chút đắn đo:

- Cái gì mày dám tao cũng dám!

Vậy là máu của nó tiêm vào mông tôi, máu của tôi tiêm vào mông nó (Cho đến bây giờ nhớ lại, tôi không hiểu sao anh y tá nhà trường không ngăn cản mà đồng tình với giọng cười khoái trá).

Gài xong nút quần, nó bảo:

- Vậy là trong máu tao có máu mày, trong mày có máu của tao.

Rồi bất thành linh nó hét "Xung phong", hai tay đưa lên theo động tác cầm súng như hình ảnh một người chiến sĩ trong bức tranh vệt ra cửa. Nó như con ngựa bị chôn chân được xuất chuồng, vừa cất vó, vừa hí cho hả.

Năm 1950 chúng tôi ra trường. Trong những ngày chờ phân công công tác, nó về nhà lấy vợ. Nó là đứa lấy vợ sớm nhất trong chúng tôi, tuổi hai mươi hai.

Từ Chắc Bạng về Rạch Rán, tôi chèo xuồng suốt đêm.

- Mày yêu hồi nào sao tao không biết? - Tôi hỏi.

- Tao có yêu đâu! - Nó đáp, mặt tỉnh bơ.

- Không yêu sao cưới?

- Ông bà già cưới!

- Cha mẹ đặt đâu ngồi đó à?

Nghe nó lấy vợ, tôi có cảm tưởng như mình bị mất một người bạn, tôi hỏi

theo cái giọng chất vấn hơi gay gắt.

Mười Biện vẽ gương ngáp:

- Ông bà già tao cháu ngoại có đến một tiểu đội, hai ông bà thêm một đứa cháu nội. Tao biết tâm lý ông già tao. Mỗi lần nhâm nhi ổng đều ngâm:

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi

(Xưa nay chinh chiến mấy ai về!)

Ổng bả sợ tao chết, muốn có một đứa cháu nội làm vốn, lúc đầu tao cũng cự nự, nhưng khi tao gặp cô ta, chỉ mới thấy cái lưng thì tao đã mê. Nhìn thấy cái mặt, tao càng mê hơn. Ông nội vợ là người Tiều lai Miên, bà nội vợ là người Việt. Nếu làm một bài toán về máu huyết thì vợ tao bảy mươi phần trăm là người Việt.

- Vợ mày làm gì?

- Cô giáo!

Ngày cưới, tôi mới nhìn thấy mặt vợ nó. Cô gái mười tám, cô gái có ba dòng máu, một cô gái thon thả, mái tóc dài, vẻ mặt thật là khó tả, chỉ biết nói là đẹp! Cái vẻ đẹp lạ lùng làm sao! Hạnh - tên của vợ Biện, cái vẻ đẹp của Hạnh mờ mờ ảo ảo, như người con gái đi đứng trong sương mờ.

Nó cưới vợ là phải, tôi thâm nghĩ.

Hớp rượu đầu tiên trong đời tôi là hớp rượu để ngày cưới của nó. Trong hơi men nó bảo tôi:

- Tao có vợ mày cũng sướng!

Tôi nhìn nó, hỏi vẻ ngạc nhiên.

- Mày không biết à. Trong tao có máu của mày, quên à? Hai đứa ngửa mặt cười, cười trong hơi men, giọng cười mở hết "volum"

*

* *

Tôi về Bộ Tư lệnh Quân khu, vì trước khi đi học, tôi là tiểu đội phó Vệ quốc

đoàn, Mười Biện về Sở Công An Nam Bộ vì trước khi đi học Mười Biện là thư ký đánh máy của Công an huyện, coi như ngành nào trở về ngành đó.

Tôi không là nhạc sĩ, Mười Biện cũng không là họa sĩ.

Cả hai cơ quan đều đóng dọc theo kênh rạch, theo bìa rừng U Minh, muốn gặp lại nhau phải mất một hai ngày bằng xuồng, thỉnh thoảng gặp nhau là tình cờ. Mỗi lần gặp nhau, phần lớn câu chuyện của nó là khoe con.

- Mày đặt con tên gì?

- Minh.

- Sao là Minh?

- Minh có nghĩa là minh mẫn, là sáng suốt.

- Cha tên Biện, con tên Minh. Biện Minh à? Biện Minh cái gì?

Nó ngồi đực ra một lúc:

- Biết đâu đời mình cũng có lúc phải biện minh cái gì đó.

Tưởng là chuyện đùa, không ngờ sau này nó phải tự biện minh cho mình.

Năm 1954, tập kết ra Bắc. Ở Hà Nội, hai đứa thường gặp nhau. Một hôm nó đến tìm tôi. Nơi tôi ở là cái gara ô tô được cải tạo thành một căn phòng trên đường Nguyễn Du trong đêm đẫm mùi hoa sữa. Nó bảo:

- Tao chuẩn bị đi học.

- Đi đâu?

- Liên Xô.

- Học gì?

- Làm công an thì học về công an, hỏi vô duyên. Còn mày?

- Viết văn.

- Nó trợn mắt nhìn tôi như nhìn một động vật lạ:

- Nói thiệt hay nói chơi vậy mày.

- Tao xạo với mày làm gì?

Thấy nó không tin, tôi bèn rút tờ báo Văn Nghệ, đưa ngón tay trở chỉ thẳng

vào cái tên truyện ngắn của tôi trên trang đầu:

- Mà thấy cái gì không?

Mặt nó vẫn tỉnh bơ:

- Tao đọc rồi, hay lắm, nhưng tao tưởng của ai đó trùng tên với mày.

- Mày không tin tao?

- Bán tín bán nghi cho nên đêm nay tao đến mày. Mày nhớ cái bài văn của mày không?

Bài luận văn mà Mười Biện nhắc là bài luận văn nhục nhĩ của tôi. Đề luận văn thầy cho viết về kỷ niệm của nhà trường. Nhà trường ở đây là nhà trường tôi đang theo học. Nhưng tôi lại viết về ngôi trường làng năm tôi lên mười. Tôi nhớ một chiều giông gió, con trót xoáy qua trường, tôi tả: "Ngồi rơi xuống nằm sải tay!". Thầy tôi giận dữ:

- Trường ta mái lá giữa rừng làm gì có ngồi. Mà ngồi thì sao lại nằm sải tay!

Bài luận văn ấy của tôi thầy cho nửa điểm trên hai mươi. Mười Biện nói:

- Ở trường, tao thấy mày có khiếu nhạc, năng khiếu văn chương thì có gì đâu, luận văn thi dở ẹc!

- Tao có năng khiếu, nhưng lúc đó năng khiếu của tao ngủ quên. Bây giờ cuộc đời đánh thức nó dậy.

Nó gật gù đăm chiêu.

- Có lẽ đúng! Vậy thì không còn gì bằng! À, hôm rồi, Bác Hồ đến thăm cán bộ công an, Bác nói, đại ý một câu ngắn gọn như vậy: "Muốn nổi tiếng thì làm văn nghệ sĩ. Làm công an thì phải là chiến sĩ vô danh". Chí lý!

Nó cầm ly rượu đưa lên:

- Cạn!

Vui, tôi quá chén lăn ra ngủ lúc nào không biết. Giữa đêm tỉnh giấc, khát nước tôi mò dậy, Mười Biện về lúc nào chẳng hay, thấy trên bàn có tờ giấy nó để lại: "Chúc mày ngủ ngon. Tao là thằng phải chìm, mày là thằng phải

nổi. Thôi! Tao đi!".

Nó đi biệt. Mãi đến năm 1965, cũng mùa thu nó trở về. Năm ấy máy bay Mỹ đang dồn dập đánh cầu Hàm Rồng. Với tư cách là phóng viên của tờ báo Văn Nghệ, tôi từ một ụ pháo bảo vệ cầu Long Biên trở vào lúc đường phố vừa lên đèn, thấy nó đứng đợi ngoài cửa. Nó ôm tôi, hôn theo kiểu Tây. Người Mười Biện mập mạp hồng hào, trẻ ra nhưng giọng không vui:

- Nếu đêm nay không gặp mày, tao chẳng biết đi đâu. Có vợ chưa?

- Chưa!

- Vậy thì mày đi với tao.

Bằng chiếc xe gắn máy của Liên Xô, chiếc xe màu đỏ, tiếng nổ giòn tan, nó đưa tôi lên Nghi Tàm, vào nhà thằng bạn cùng một lớp nay là kỹ sư chăn nuôi, thằng Bình, thằng có giọng hát hay nhất trường.

Thằng Bình hầm con gà công nghiệp nặng đến bốn ký. Da gà dày như da heo, nhai nghe rào rào, thật ngon.

Mùa thu bên bờ sông Hồng, lạnh lạnh mát, ba chúng tôi đốt lửa, đàn hát như hồi còn ở trường.

Ở Liên Xô, Mười Biện chắc vẫn chơi đàn, tiếng đàn của nó bây giờ cảm hơn, sâu hơn. Thằng Bình có giọng nam cao, Mười Biện giọng nam trung, tôi thì giọng nam trầm. Cả ba đều hát bài hát Tình ca của Hoàng Việt. Trong bài hát, lời nào là "em" thì Mười Biện đổi chỗ lại là "con". Như câu đầu, cả ba đều hát đúng lời: Khi hát lên tiếng ca gởi về người yêu quê ta. Đến câu thứ ba: Em ơi nghe chẳng lời trái tim vọng ra. Mười biện hát: Con ơi nghe chẳng lời trái tim vọng ra... Lời cuối cùng: là một bài tình ca của đôi lứa ta... Mười biện hát: Là một bài tình ca của ba chúng ta không thể xóa nhòa. "Ba chúng ta..." của Mười biện không phải là ba chúng tôi mà của nó, vợ nó và con nó.

Đêm thu, ngọn gió sông Hồng đưa chúng tôi trở về với những ngọn gió xuân

xao trong rừng trầm, xôn xao trong rặng lá ven sông nước đất U Minh.
Chúng tôi ngồi với nhau bên đồng lửa, bên đĩa thịt gà, bên ly rượu cùng
tiếng đàn hát cho đến sáng.

Trước khi ra về, Mười Biện nói giọng tâm sự:

- Bây giờ đến lúc tao phải tự biện minh.
- Biện minh cái gì ? - Chúng tôi hỏi.

Thức suốt một đêm, râu ria đứa nào cũng dài ra, mắt trũng sâu, như thêm
một tuổi. Mười Biện nói:

- Tao học trong thời kỳ Liên Xô đang xét lại. Bây giờ tao muốn biện minh
cho cấp trên hiểu rằng "xét lại" không chạm đến cái lông chân của tao. Tao
biện minh bằng cách xin về Nam đánh Mỹ. Đêm nay là đêm tao chia tay với
tụi mày!

Một chút ngậm ngùi khi nó nổ máy đưa tôi về.

Mười Biện về Nam, tôi cũng về Nam. Tôi về cùng đoàn văn nghệ sĩ, lên
đường vào ngày mừng ba Tết năm 1966. Mười Biện đi lúc nào tôi cũng
không biết, nhưng cũng xuất phát từ ga Hàng Cỏ và chắt lên tàu vào đêm
tối.

Trên đường Trường Sơn, một hôm từ trong bệnh xá ra trạm thì tôi gặp Mười
Biện. Nó vẫn khỏe mạnh, còn tôi thì sau những cơn sốt, người xanh xao ốm
yếu, chân như hai cọng nhang không đủ sức đỡ lấy thân, cây gậy trong tay
mà bước đi cứ run run. Nhận ra tôi từ xa, Mười biện chạy tới vừa ôm tôi vừa
đỡ cái ba-lô trên vai tôi:

- Mày sốt ?
- ừ...
- Đoàn mày đâu?
- Tao rớt, đoàn tao đi trước rồi.
- Thôi, nhập vào đoàn của tao.

Trên đường Trường Sơn, có thể nói không đơn vị nào giữ nguyên quân số từ đầu đến cuối. Người nào sốt thì tấp vô trạm, đoàn cứ đi, khỏe rồi thì nhập vào đoàn khác, tiếp tục lên đường. Vậy thì tôi đi với Mười Biện, đỡ quá, mọi thứ trang bị trên người tôi, nào quần, nào áo, nào gạo... Mười Biện chia ra trong đoàn nó mỗi người một ít, tôi chỉ đi mình không với cây gậy. Tôi khỏe dần.

Đi đã gần hai tháng mà con đường mòn Trường Sơn cứ lên lên xuống xuống và dài ra hun hút.

Rồi một buổi chiều đến cái trạm đổ xuống đồng bằng gọi là trạm Vườn Chuối. Trạm này có chỗ mua rượu và thịt nai do giao liên của trại cung cấp. Trước khi lên đường, mỗi người được lãnh mười ngàn đồng tiền của Sài Gòn để phòng thân, về đến nơi mà còn nạp cho cơ quan, cũng là cách chuyển tiền về chiến trường.

Đoàn của Mười Biện mua cả một con nai, mỗi người một "toong" rượu.

Tôi với Mười Biện ngồi trên một phiến đá bằng phẳng như một cái bàn lai rai với thịt có một cậu bé mười lăm, mười sáu tuổi đi qua. Thấy cậu mặc áo bà ba đen, đội mũ tai bèo, quần khắn rằn, biết cậu là cậu giao liên.

Mười Biện đưa tay ngoắc cậu giao liên:

- Này cháu, cho chú hỏi cái này một chút.

Cậu bé giao liên quay mặt lại, mặt căng căng:

- Xin lỗi, ở đây chỉ có đồng chí chứ không có chú cháu.

Mặt Mười Biện xạm lại.

Cậu giao liên nói vậy rồi bỏ đi, hai đứa uống rượu bớt hào hứng. Vừa lúc đó thì trạm trưởng đi qua, Mười Biện gọi:

- Đồng chí trạm trưởng!

Người trạm trưởng tuổi độ ba mươi, vạm vỡ trong bộ quân phục màu cứt ngựa:

- Có gì không đồng chí?

- Mời đồng chí uống với tôi một hớp.

Trạm trưởng sà xuống, chúng tôi mời rượu bằng cái chén sắt.

Mười Biện hỏi:

- Cái cậu giao liên hồi nãy dân ở đâu, con nhà ai mà căng quá?

- Nó không cho anh gọi bằng cháu chứ gì?

- Đúng!

- Sao?

- Mấy đoàn trước hễ người nào gọi nó bằng cháu là nhờ nó đủ thứ việc, nào cho chú cho bác một bó củi, cho một bình nước sôi pha trà, nó chạy tăm tắp, vất vả quá, nó đành bày ra cái trò ai ai cũng đồng chí.

Suốt hai tháng trên đường Trường Sơn, lần đầu tiên tôi mới nghe giọng nói Nam Bộ, tôi muốn làm quen với cháu.

- Được, để tôi gọi nó.

Anh trạm trưởng uống xong hớp rượu, bước vào con đường mòn.

Cậu giao liên đứng trước mặt chúng tôi, vẫn căng căng. Mười Biện dè dặt, đưa tay lên phiến đá, vẽ ân cần:

- Mời đồng chí ngồi?

Cậu bé không ngồi, cứ tròn mắt quan sát. Mười Biện hỏi tiếp:

- Đồng chí ở tỉnh nào?

Cậu bé giao liên trả lời cộc lốc:

- Bạc Liêu!

- Bạc Liêu mà ở đâu?

- Rạch Rán.

- Má đồng chí tên gì?

- Đồng chí hỏi làm chi?

- Hồi trước tôi có đóng quân ở Rạch Rán, hỏi xem có quen không?

- Má tôi tên Hạnh!
- Còn ba?
- Ba đi tập kết.
- Biết tên ba không?
- Tên ba mà sao không biết!
- Tên gì?
- Mười Biện?

Đang ngồi, Mười Biện bỗng vùng dậy ôm thằng bé, hét lên:

- Đ.m ! Tao là ba của mày! Minh! Ba là Mười Biện đây con!

Tôi thấy hai vai nó run lên, thằng nhỏ đứng như trời trồng, mặt nó sững sờ, còn tôi thì ứa nước mắt.

Sáng hôm sau, đoàn lên đường, Mười Biện xin ở lại với thằng con vài hôm.

Trước khi chia tay, Mười Biện cho tôi biết:

Vợ tao bị đày ra Côn Đảo. Thằng nhỏ bị nó truy lùng, nó theo anh em, vượt sông Tiền, sông Hậu, vượt rừng xa đến đây.

Một câu vắn tắt nhưng chứa đựng bao đau khổ gian nan của vợ con nó.

Mười hai năm, sau một đêm gặp lại cha, nó như một người khác, trông mặt nó hiền lành, nó đứng khoanh tay cúi chào từng người trong đoàn. Tôi ôm hôn cậu giao liên đồng chí trước khi lên đường.

*

* *

Suốt chín năm ở R, hai đứa không gặp nhau nhưng biết là hai đứa vẫn sống, mỗi đứa một chiến trường. Tôi về chiến trường Đồng Tháp Mười, Mười Biện thì về chiến trường Củ Chi, lấy đó làm bàn đạp vọt vào nội thành Sài Gòn gây dựng cơ sở. Cái nghĩa nào đó thì tôi nổi lệnh đệnh trên chiếc xuồng ba lá, Mười Biện sống trong lòng Củ Chi thì như chìm sâu trong lòng đất. Sau 30-4-1975, về Sài Gòn, Mười Biện được lên cấp tá, làm trưởng gì đó

của Sở Công an.

Gặp nhau, câu đầu tiên tôi hỏi:

- Vợ con mày sao?

- Vợ tao được trao đổi sau Hiệp định Paris. Nhưng trở trêu, tao về Nam, nó lại trao trả vợ tao ra Sầm Sơn. Tụi nó chơi tao tới cùng. Tao muốn có thêm một đứa con gái nhưng vợ tao bị triệt sản rồi.

- Còn thằng con đồng chí.

- Đang học trường Công an, cha nào con nấy.

Tôi đến thăm nhà cô giáo Hạnh. Ba mươi lăm năm, người đàn bà bị tù đầy, với mái tóc hoa râm, thân hình gầy gò, tôi chỉ nhận ra cô giáo Hạnh qua ánh mắt và nụ cười. Cô giáo Hạnh kể lại đoạn đời mình qua giọng nói nhỏ nhẹ, đều đều, bình thản chau mày:

Anh xuống tàu tập kết ra Bắc, tôi bỗng thằng nhỏ về Sài Gòn, mượn nghề may làm trạm giao liên. Tôi bị bắt vào buổi trưa. Thật may lúc đó thằng Minh đi học chưa về.

Cũng là tù nhưng tôi là người tù đặc biệt, vừa đánh, nó vừa hét: "Vợ thằng công an! Vợ thằng công an! Tao đánh cho thằng chồng công an của mày ở Miền Bắc cũng phải đau!". Khi gặp lại nhau tôi nói: "Anh làm công an làm chi cho em bị đánh quá trời!" Anh biết anh trả lời sao không, anh đưa tay vuốt ngực vừa cười, tôi cũng cười. Trong tù, tôi nhớ anh mà không lo cho anh, còn thằng con vừa nhớ vừa lo, chẳng biết nó ra sao. Sau ngày trao trả, ở Hà Nội, tôi nhận được thư của hai cha con. Tôi được biết, khi tôi bị bắt thì người bạn cùng cơ sở đến tận trường đón con tôi đi thẳng ra bến xe, lên xe đò về Cà Mau, đó là năm 1960, thằng Minh vừa mười tuổi. Đọc thư nó, nghe đứt ruột, nó theo anh em vào rừng. Bốn năm sau, nó lên R xin làm giao liên, rồi gặp ba nó trên đường Trường Sơn. Gian nan nhưng nhiều lúc, ngẫm lại, đời mình vẫn còn may hơn nhiều anh chị em khác. Một lần khác Mười Biện

tâm sự:

- Đêm đầu gặp nhau, mày biết vợ tao nói gì không? Ở trong tù bọn giặc nó đánh em tan nát, bây giờ gặp anh, anh hôn nát cái mặt em! Là nhà văn mày có sáng tạo nổi tình yêu qua ba tiếng "hôn nát mặt" hay không?

*

* *

Còn nhớ, một chiều cuối năm 1979, Mười Biện tìm tôi:

- Tao muốn nhờ mày một chuyện.

- Tao là thằng viết lách có gì mà mày nhờ, có gì nói đi!

- Mày có chơi với một họa sĩ tên là Đức Quỳnh phải không?

- Có, hay uống bia ở Hội Văn nghệ, nó làm sao?

- Đang ở tù!

Tôi ngạc nhiên:

- Sao vậy.

- Vượt biên bị bắt. Trường hợp này xét ra không có gì nghiêm trọng, tao muốn cho về. Nhưng trước khi cho về, tao muốn mày lấy danh nghĩa là văn nghệ sĩ với nhau mày bảo lãnh để anh ta còn nghĩ đến cái tình người cùng giới. Mày hiểu ý tao.

- Hiểu!

Ba hôm sau họa sĩ Đức Quỳnh đến thăm tôi với chai rượu khó kiếm (lúc bấy giờ), chai Hennessy. Người uống chai rượu ơn nghĩa này đúng ra không phải là tôi!

*

* *

Có việc gì rắc rối tôi thường tìm đến Mười Biện. Anh bạn văn nghệ của tôi có một đứa con vượt biên đang ngồi tù. Hai vợ chồng chạy lo khắp các cửa, bị bọn gian lừa mất mấy cây vàng mà không tiếp cận được người có quyền.

Đêm, tôi gọi điện thoại đến Mười Biện kể lại sự tình, giọng Mười Biện từ đầu dây bên kia:

- Chuyện gì cũng phải xét cho kỹ, nhưng mày nhờ thì tao làm. Biết sao không?

- Sao?

- Mày là thằng nhà văn, là thằng có tâm. Tao là thằng có quyền. Cái quyền làm theo cái tâm. Ê! Nhưng mà nói vậy thì đừng có hiểu là anh em tao không có tâm đâu nghe mậy! Này, không phải chuyện gì tao cũng làm được đâu nhá! Người ta tin mày, mày tin tao, tao tin bạn bè tao. Yên tâm!

Chiều hôm sau, chiều hai mươi tám Tết, anh bạn nghệ sĩ mang đến cho tôi hai cây quất chớ trên chiếc xe ba gác, mặt mày hớn hờ:

- Trưa nay hai vợ chồng đang ngồi ăn cơm, Tết đến nơi mà vắng nó, đang rầu rĩ thì nó ló đầu về. Vợ tôi nhìn sưng nó, mày hả con, tưởng như chiêm bao!

Tôi gọi điện thoại lại Mười Biện:

- Sao mà nhanh vậy?

- Trẻ người non dạ ! Như con của mình, cho nó kịp về ăn Tết. Tôi lại được mang ơn, được hai cây quất chơi ngày Tết. Hè năm 1989, trong chuyến sang Mỹ theo lời mời của các nhà văn cựu chiến binh Mỹ, tôi có gặp một người phụ nữ Việt Nam hơn bốn mươi tuổi vượt biên cùng đứa con gái đã gần mười năm, chồng là đại úy của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn còn ở lại Việt nam; người phụ nữ ôm yếu ấy kể với tôi, chị ra đi không vì lý do chính trị, mà vì bế tắc, vì kẻ sinh nhai, do đó chị không hòa nhập vào nhóm người chống đối cực đoan, chị không tham gia bất cứ cuộc họp hành nào, không theo một đoàn biểu tình nào hô hào chống Cộng, chị bị bọn chúng cô lập, ngày ngày lầm lũi đến nhà trường. Chị là cô giáo dạy Anh văn, chị có một vị trí xã hội nhất định. Không làm gì được chị, chúng đánh vào đứa con

gái mười sáu tuổi của chị bằng một đòn ác nghiệt, chúng dụ đưa con gái của chị vào con đường ma túy.

Chồng chị nằm trong diện ODP, chị nhờ mãi mà chưa được sum họp. Chị ăn tiêu tần tiện, góp nhóp được đồng nào hay đồng ấy gửi về cho chồng để lo chạy vạy cho chuyển đi.

- Nhà tôi là đại úy Bộ Tổng tham mưu nhưng là lính kiểng. Ghé thăm nhà tôi anh sẽ thấy ảnh hiền khô, khờ lăm. Con bé không có tình người cha tôi không biết nó sẽ đi đến đâu...

Tôi nói với Mười Biện:

- Nghe cô nhờ mình chỉ cho chồng cô cái đường dây đứt lốt hổi lộ, tao xấu hổ quá, chẳng biết có hay không, tao không dám hứa điều gì, nhưng khi nghe cô kể, tao nhớ đến mày. Mày làm sao giúp cho họ đoàn tụ đúng chính sách, không tốn một đồng xu, làm một cái lấy uy tín.

Mười Biện đáp lại tôi:

- Không! Không phải là một cái mà hàng trăm hàng chục hàng ngàn tỷ cái.

Đang sôi nổi, Mười Biện bỗng trầm xuống nói giọng tâm sự:

- Trong cuộc đời công an của tao, tao tâm đắc một điều: Bất cứ thời nào, chế độ nào, người dân yêu hay ghét chế độ ấy là qua gương mặt người công an. Người có chức năng về việc này là thằng bạn cùng lứa với tao, cùng học ở Liên Xô, tao tin nó, nó tin tao, việc này mày để tao lo.

Độ tháng sau, tôi nhận được một sấp vải đủ may hai cái quần của người phụ nữ Việt Nam từ Mỹ gửi về, gọi là quà nhớ ơn.

Nhiều lúc nghĩ, cái số của Mười Biện cực khổ vì tôi. Trong bạn bè và cả bà con dòng họ người nào cũng gặp chuyện rắc rối hay oan ức nhờ đến tôi, tôi đều nhớ đến Mười Biện, chưa một lần thất bại. Với tôi, Mười Biện còn là một bạn đọc tri kỷ. Có thể nói Mười Biện đọc không sót một câu nào của tôi kể cả những bào phóng vấn, bài phát biểu trên báo đến chuyện ngắn hay tiểu

thuyết.

Đọc xong bao giờ anh cũng điện cho tôi, vừa cho biết cảm tưởng, vừa nhận xét, có lúc anh hỏi tôi đã đọc của một tác giả nào đó chưa, tôi trả lời chưa thì anh la rầy rất dữ: "Sao không đọc, mày chỉ biết đọc của mày thôi à, đọc ngay rồi cho tao biết ý kiến".

Có một buổi sáng vừa đến cơ quan, Mười Biện đã điện thoại cho tôi:

- Tao mới đọc cái chuyện về người lính của mày. Thích lắm! Lãnh nhuận bút chưa?

- Trưa nay nhậu chơi!

- Cái thằng! Chơi lâu mà không biết! Tao có nhậu trong giờ làm việc bao giờ đâu mày! Chiều tao mang theo chai rượu bù tiền nhuận bút cho mày.

Sau buổi chiều mừng cái chuyện ngắn của tôi hôm ấy, băng đi rất lâu, hai đứa không gặp nhau.

Một hôm bỗng thấy nhớ nhớ, thuận đường tôi rẽ vào nhà Mười Biện gặp cô giáo Hạnh đang tưới kiểng:

- Ảnh vừa về, suýt chết đó anh!

Mười Biện xuất hiện với gương mặt của người khác, nếu gặp ở ngoài đường, không thể nhận ra, râu tóc bờm xờm che kín cả mặt.

Chuyện lạ, Mười Biện bung ra một bình rượu cần đặt lên bàn:

- Thứ thiệt! - Mười Biện xoay chiếc cần qua tôi: Nút một hơi đây.

- Sao?

Nghe mùi rượu nếp than, ngon! Chán đời hay sao mà râu ria dữ vậy. Vô hang hùm bắt cọp - Râu ria để vào sào huyết của bọn Fulrô. Khi nào mày thấy tao cạo râu ria hớt tóc như cũ coi như tao làm xong nhiệm vụ.

Mười Biện xoay cái cần qua nút một hơi dài, thở khè một tiếng, bắt đầu hào hứng:

- Có một chuyện ly kỳ. Một cán bộ bị Fulrô bắt. Nó đem anh ta ra bắn. Sắp

bắn, bọn chúng thấy tiếc cái bộ quần áo của cán bộ. Cởi áo thì phải mở trói. Vừa mở trói xong, thừa cơ, anh cán bộ dùng võ thuật quật một thằng, cướp luôn súng, nổ liên mấy phát rồi lao vào rừng rậm trầm mình dưới con suối. Mày thấy lên phim được không?

- Anh cán bộ tên gì? Mười Biện trả lời tên người cán bộ giọng ấp úng. Tôi nhìn vào đôi mắt sâu thẳm của Mười Biện. Mười Biện cười, hai hàm răng lóe lên trong "bụi râu".

*

* *

Năm 1995, đến tuổi sáu mươi bảy, Mười Biện về hưu, cấp đại tá. Mười Biện mời tôi đến nhà ăn cơm chiều. Nhà Mười Biện nằm trong một con hẻm đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, một biệt thự nhỏ có một cây xoài, một cây vú sữa, che mát mảnh sân trước nhà. Hai đứa đã già rồi, vẫn mày tao không khách sáo.

Mười Biện nói:

- Chiều nay vợ tao mời mày một bữa ăn đặc biệt, nhà hàng khách sạn ở Sài Gòn không một nơi nào có.
- Món gì mà đặc biệt dữ vậy?
- Cá rô nhưng không phải kho tộ, món đó bây giờ lên trời đâu cũng có. Cá rô này là cá rô kho bầu.

Nghe nói mà giật mình, cá rô kho bầu tôi được ăn lúc còn ở làng đã hơn năm mươi năm. Ngồi vào bàn ăn tôi hỏi:

- Đứa con đồng chí đâu?
- Nó đi vắng, cũng lặn lội như tao. An ninh kinh tế, đã lên cấp tá, đi suốt, nhưng bữa nay nghe nói mày đến, chắc nó tránh. Biết sao không, gặp mày là nó nhớ nó bắt tao phải gọi là đồng chí, nó mắc cỡ. Dù lớn mấy cũng là con cháu. Nó đi vắng, tụi mình thoải mái.

Trước khi vào bữa ăn, tôi nói:

- Vừa rồi tao có nghe mày phát biểu một câu nổi tiếng chẳng biết có phải như vậy hay là người ta bịa đặt cho vui?

- Câu gì mà nổi tiếng?

Tôi kể, tôi nghe trong cuộc họp của cấp ủy có một câu hỏi đặt ra, nếu thành phố ta có bạo loạn hoặc có một lực lượng phản động nào đó đánh vào thành phố thì ta bảo vệ cơ quan nào trước nhất. Một giả thiết đặt ra làm đầu óc mọi người căng thẳng. Thành viên hội nghị lần lượt phát biểu với lý lẽ riêng.

Người thứ nhất bảo, nơi bảo vệ trước nhất là cơ quan Thành ủy, vì đây là Trung tâm lãnh đạo của Đảng. Người thứ hai thì bảo vệ trụ sở Ủy ban vì đây là trụ sở của Trung tâm chính quyền. Người thứ ba thì phải bảo vệ Đài truyền thanh truyền hình, vì đây là cái loa, là hình ảnh của chế độ. Người thứ tư thì bảo vệ ngân hàng vì muốn làm gì cũng phải có tiền. Đến người thứ năm, Mười Biện, Đại tá Công an với sắc phục của ông, ai cũng chú ý, ông Đại tá Công an Mười Biện đứng lên trình trọng:

Với tôi nơi cần bảo vệ đầu tiên - nói đến đây ông dừng lại cho mọi người chú ý- nơi bảo vệ đầu tiên là nhà máy bia!

Tôi kể xong, Mười Biện, cô giáo Hạnh, đứa con dâu và cả hai đứa cháu nội đều cười rộ lên, tôi hỏi:

- Ông có phát biểu như vậy không?

Mười Biện tắt tiếng cười:

- Hội nghị chuyên đề về an ninh lần nào cũng căng đầu, mình phát biểu giải trí. Sau khi phát biểu, một đồng chí trong cấp ủy bảo: "Thấy mặt ông ngầu quá, tôi tưởng ông không biết đùa".

*

* *

Bữa ăn không thịnh soạn nhưng trang trọng và ngon miệng. Bàn phủ vải

trắng dọn giữa phòng khách. Vào bàn chỉ có hai người đàn ông, Mười Biện và tôi, cô giáo Hạnh, con dâu và hai đứa cháu nội thì ngồi bàn dưới trong một góc vừa ăn, vừa kể chuyện. Món cá rô kho bầu là món vừa là canh vừa là kho không lạt không mặn, nước kho có thể chan cơm như nước canh, bầu thấm vào cá, thịt cá vừa làm mềm nhậy vừa là món ăn cơm.

Mười Biện chỉ con cá rô to bằng bốn ngón tay được sốt ra đĩa, hỏi:

- Xứ Long Xuyên mày gọi con cá này là con cá rô gì?

- Cá rô ăn dưa nằm!

- Sao ăn dưa nằm, không phải là ăn dưa đứng?

Tôi giải thích bằng cách cầm đôi dưa dài theo tay, lạng hết cái lưng cá. Xong tôi cầm đôi dưa đứng:

- Cá rô li ti thì dưa đứng mới dễ được.

Mười Biện bành miệng cười:

- Giỏi ! Còn một câu nữa, cá rô này mày nghe mùi gì?

- Thịt cá rất thơm nhưng chưa đoán được mùi gì - Tôi xoay qua cô giáo

Hạnh - Chị có để khoai sọ trong nồi không?

Mười Biện đưa tay vỗ tay xuống bàn vẻ thích thú:

- Cái mũi của mày vẫn còn thính, nhưng ai lại đi kho cá với khoai sọ. Đó là mùi củ co. Có biết củ co không?

- Không biết củ co thì còn gì là dân Nam Bộ. Tao còn nhớ, tháng mười là tháng mùa củ co - Bắc Mỹ Thuận, Bắc Cần Thơ con nít vẫn còn bán. Củ tròn tròn bằng đầu ngón tay ngón chân cái sần sùi đen như bùn, nướng hoặc luộc ăn bùi bùi béo béo nhân nhẩn thơm thơm. Ăn vui miệng!

Mười Biện thích chí:

- Nhà văn tả vậy là đúng. Ăn thêm một miếng nữa đi, nghiệm xem có phải mùi củ co không?

Tôi vừa ăn vừa ngẫm, sành lắm mới nhận ra mùi củ co thật đặc biệt này.

Phải là con cá rô mùa khô. Trên đồng không còn nước, con cá rô phải chui xuống tận bùn. Từ dưới đáy bùn là đất của củ co. Con cá rô long lóc trong bùn như được ướp bằng củ co và như được tẩm bằng củ co vì nó phải ăn củ co để sống. Muốn bắt nó, tay phải thọc sâu xuống bùn, vừa lật củ co vừa bắt cá.

Tôi quay sang vợ Mười Biện:

- Chị làm sao biết được con cá nào là con cá có mùi củ co mà chọn?

Cô giáo Hạnh ngồi bên kia góc nhà nói với sang:

- Cũng là tình cờ, sáng tôi đi chợ sớm, thấy thằng cháu mười hai mười ba đội một rổ cá, chân cẳng còn lấm bùn, tôi hỏi: "Cá này cháu câu hay giăng lưới?" Nó bảo: "Cháu mò dưới sinh" "Cháu có hái củ co không" "Củ co nhiều lắm nhưng cháu để ăn". Nghe vậy tôi không trả giá, thằng cháu nói bao nhiêu tôi mua bấy nhiêu, mua hết. Về, tôi khoe với ông, ông liền điện thoại cho anh.

Sau vài ly rượu, Mười Biện hào hứng hẳn lên, nhìn nó tôi đoán biết theo thói quen, nó bắt đầu triết lý, và đúng như vậy, Mười Biện nói:

Ăn con cá rô đồng mùi củ co chiều nay tôi bỗng nghĩ đến chuyện đời. Có lẽ cái ý nghĩ này bốc lên từ men rượu Xuân Thạnh. Mình muốn so sánh nhưng thấy khập khiễng đến độ không chấp nhận được, cho nên có lẽ Liên nghĩ là đúng nhất, Liên nghĩ tới cái đời của tụi mình, con cá rô đồng nó chui nó lách tận dưới bùn sâu, nhờ có củ co nó mới trở thành con cá ngon cá quý, còn tao với mày dù chìm hay nổi nếu mình cũng như con cá rô đồng này, mình sống sâu trong lòng của xã hội thì mình..., phần kết luận xin dành cho nhà văn.

Hai đứa tôi, gặp nhau chuyện nọ xọ chuyện kia, đủ thứ chuyện đời.

Rượu Xuân Thạnh một lít, chỉ còn có hai ly cuối cùng. Bất ngờ tôi hỏi:

- Về hưu mày tính làm gì?

Mười Biện không trả lời mà bước ra khỏi bàn, vào phòng trong khệ nệ bưng

ra cái giá vẽ, được vợ giúp cho một tay. Nhìn bức tranh, nói không quá đáng, tôi giật mình. Bức tranh cách đây 45 năm, Mười Biện vẽ bằng bút chì trên trang giấy học trò.

Bây giờ bức tranh được phóng to lên, được vẽ bằng sơn dầu. Mặt trắng mờ trong tranh là mặt trăng qua lớp sương rừng U Minh. Trong tôi bỗng bùng lên bao kỷ niệm, bao hình ảnh chiến trường xưa. Những người lính, lưng đeo nóp, vai vác súng, xuống hành quân nối dài theo kênh rạch... hình ảnh những người lính vượt đồng lầy với chân trần.

Tôi đứng lặng trước bức tranh.

Mười Biện quay lại nhìn tôi.

- Hội hoạ với tao như mối tình đầu. Tao trở lại với mối tình đầu này, vợ tao không ghen, phải không cung?

Cô giáo Hạnh đứng bên chồng:

- Đêm nào anh cũng vẽ anh à.

Mười Biện được đà:

- Còn một bức nữa, bức ảnh của vợ tao ngày cưới!

Cô giáo Hạnh ôm hai vai chồng, hai mái tóc bạc kề nhau, giọng âu yếm:

- Ông xin rồi, đừng khoe nữa.

Mười Biện càng hào hứng:

- Mà có biết không, tao đang học. Ai dạy tao? Hoạ sĩ Đức Quỳnh. Chắc là mày nói ông biết tao giúp ông, biết tao góp một tiếng nói cho ông đem tranh đi triển lãm nước ngoài. Thấy tao mê thích hội hoạ, ông hứa dạy tao một tuần vài tiếng không lấy tiền, vải và màu ông cũng cho tao đó. Tuổi già cũng có niềm an ủi.

Mười Biện rời giá vẽ trở lại bàn, tướng đi nghênh ngang, miệng cười cười, cầm ly rượu, sáng khoái:

- Hoạ sĩ Đức Quỳnh hỏi tao: "anh muốn vẽ lại bức tranh xưa phải không?".

Tao cười, đúng là vẽ lại, nhưng nói cho đúng hơn là "Về lại bức tranh xưa".

Họa sĩ Đức Quỳnh vỗ vai tao: "Anh vừa là họa sĩ vừa là nhà văn". Tao đáp:

"Không, mình có thằng bạn nhà văn rồi. Mình là một cán bộ công an già, một họa sĩ trẻ".

Hai cái ly nâng lên. "Cốp". Hai thằng bạn cùng ngửa mặt: Cạn!

Hết

Nguyễn Quang Sáng

Về nhà

Năm tôi bỏ nhà đi bộ đội, thằng Bảy em tôi mới lên tám. Thằng bé có mái tóc tơ, da trắng trẻo, môi hồng như con gái. Bây giờ ngồi trước mặt tôi là một thằng đàn ông già trước tuổi. Già vì da mặt phong trần, vì râu và ria bồm xồm cả mặt mũi. Chỉ có đôi mắt còn sáng, còn tinh anh, lanh lợi. Chưa đến bốn mươi mà cha của bảy con mười hai đứa, lóc nhóc đầy sân đầy nhà.

- Để gì mà để dữ vậy, Bảy.

- Có gì mà nhiều, anh Năm.

- Như vậy mà chưa thấy đủ sao anh, Bảy?

Hai hàm răng nó lóc lên trong lùm râu ria.

- Nếu chưa giải phóng thì em còn để nữa, anh biết tại sao không? Ở miền Nam này, trong quân đội cộng hoà của tụi em có cái gọi là "gia cảnh". Gia cảnh là cảnh gia đình đông con, khó khăn, thằng nào đông con như em tức là gia cảnh thì khỏi ra mặt trận, anh Năm hiểu chưa? Cho nên em phải để tí tí, mỗi lần về phép là một đứa, nhờ vậy mà em được cầm máy chụp hình. Em chụp từ Thiệu cho tới thằng binh nhì, chụp đủ mặt tướng tá, đầy cả một ruộng.

- Hình đó đâu rồi?- Tôi hỏi.

- Đốt hết rồi.
 - Sao lại đốt?- Tôi nói như thét vào mặt nó.
 - Để làm gì? Người ta xét nhà, ở tù rục xương.
 - Sao lại ở tù? Mà mất bao nhiêu triệu mà biết không?
 - Dữ vậy sao? Anh cần à?
 - Không phải tao. Đó là tư liệu quý. Ví dụ, nay mai người ta quay phim về quân đội cộng hoà, người ta rất cần để nghiên cứu, để tham khảo, đến lúc cần, bao nhiêu người ta cũng mua.
 - Vậy sao? Thôi đừng tiếc nữa, anh Năm. Ba mươi năm khói lửa, anh em còn gặp nhau là quý rồi.
 - Rõ ràng là nó không hề tiếc gì mấy tấm ảnh.
- Nó ngược nhìn trời.
- Cũng tới giờ lai rai rồi anh Năm, anh ở lại lai rai với em.
- Hai anh em gặp nhau, mừng mà sao buổi chiều ngoại ô lại ảm đạm quá. Mây đen u ám, gió lao.
- Nó quay vào bếp:
- Nhà còn gì không?
- Tiếng vợ nó trong bếp vọng ra:
- Còn mấy con khô sặc với dưa leo.
- Nó hét:
- Thăng Nghiêm đâu?
 - Dạ.
 - Ra hè, hái cho ba vài nhánh sầu đâu mau lên. Khô sặc trộn với sầu đâu, cha mình thích lắm đó, anh Năm.
- Hai anh em ngồi trước sân. Nó bỏ ô mai vào chai rượu trắng. Thấy tôi nhìn, nó bảo:
- Rượu ngâm ô mai vừa thơm vừa không say. Một lít mới ngà ngà...

Sau vài ly rượu, nó kể:

- Năm mười sáu, cha cho em theo nghề thợ bạc của mình. Cha làm đồ dũa, cha cho em học chạm. Khi em thành nghề, nói không phải khoe, em là thằng thợ chạm giỏi nhất xứ này. Thợ hồ, thợ sửa xe, thợ giày, thợ nào cũng thợ nhưng thợ bạc là thợ sang nhứt. Em làm ăn khá, chưa giàu thì bị bắt lính. Không biết ngày nào chôn xác, em cưới vợ, rồi xoay qua nghề chụp hình.

- Bây giờ còn chạm được không?

- Sao không? Nhưng ai mướn mà làm.

- Nghề thợ bạc là nghề sang nhưng chỉ sang khi người ta sống yên ổn và giàu có. Trước ngày giải phóng, người ta còn tiền, còn vàng đó, nhưng lộn xộn, không ai nghĩ đến trang sức, thợ bạc đói. Bây giờ, đồ nữ trang người ta đập thành cục, giấu, thợ bạc thất nghiệp dài dài...

- Bây giờ em sinh sống sao?

- Giải phóng rồi, gia đình sum họp, phần khởi trước cái đã, rồi tới đâu hay tới đó. Nói cho có trời, một bầy con nheo nhóc như vậy tưởng đói, không ngờ lại khá. Nhà em là một đội quân bán cà rem cây hùng mạnh nhứt xóm - Trừ bốn đứa nhỏ, còn tám đứa lớn mỗi thằng một thùng đi từ sáng tới trưa, từ trưa tới chiều, từ chiều tới chín mười giờ đêm. Hồi trước, mỗi ngày mỗi thằng bán hết một thùng. Bây giờ, thằng nào bán hết mức một ngày ba, bốn thùng, có bữa tới năm thùng. Anh biết tại sao không? Anh bộ đội nào cũng thích cà rem, tụi nó nói có anh ăn một ngày hai ba lần, một lần ba bốn cây. Vừa được bán vừa được ăn. Lần nào anh em bộ đội cũng bắt tụi nó ăn trước một cây cho mấy ảnh thấy, cái cây tụi nó ăn, mấy ảnh bao luôn. Tại sao anh biết không? Mấy ảnh sợ có thuốc độc nên bắt tụi nó ăn cảnh giác trước. Có thằng ăn tới kiết.

Nó ngửa mặt, một tay vuốt râu cằm, một tay xoe mép ria. Nó cười. Tôi thì buồn.

- Bây giờ thì em làm gì?

- Ngồi nhà vuốt râu! - Thằng Nghiêm, đưa con của nó ngồi trong góc nói chỗ vào.

Nó trợn mắt, thằng nhỏ vụt chạy.

- Nó bảo em ngồi vuốt râu là ý nói em thất nghiệp, chẳng biết làm gì, chỉ biết vuốt râu!

- Để râu ria làm gì, bồm xồm quá, sao không cạo cho sạch sẽ.

Nó chặc lưỡi.

- Em để râu để ria cũng có nguyên cớ của nó. Năm em lên mười lăm, mười sáu em đã có ria. Có một hôm cha nói: "Mày có bộ ria giống ông nội quá". Nghe nói giống ông nội, em khoái. Từ chỗ khoái em cố ý để ria đi ra vô cho cha nhớ ông nội chơi. Rồi đi lính, để ria cho oai. Còn bây giờ để bồm xồm cho mấy ông cách mạng Ba mươi Tháng Tư ít nhứt cũng nể mặt thằng già, nếu không thì họ sẽ gọi mình bằng thằng.

Thằng Nghiêm lại quay vào, ngồi trong góc. Thằng Nghiêm, mặt lớn hơn tuổi mười lăm, nhưng người nhỏ như mới mười hai mười ba. Người gầy gò chỉ thấy xương với gân, da xạm như đất, chỉ có đôi mắt còn sáng tuổi học trò. Nó nhìn tôi với đôi mắt khao khát và hóng chuyện.

Bác Năm lớn hơn ba con đến tám tuổi mà trông bác trẻ ghê.

Ba nó trợn mắt, nói to:

- Bác Năm mày là người chiến thắng, còn tao là thằng chiến bại.

Thằng Nghiêm cười:

- Nghe nói bác Năm đi bộ đội năm mười bốn hả bác Năm?

- Ừm.

- Bác có đánh giặc không?

- Có chứ.

- Chừng bao nhiêu trận?

- Vài chục trận gì đó.
- Vài chục? Bác có sợ không?
- Vừa sợ vừa hăng.

Hai cái tay nó cung lại rung rung trước bụng:

- Vừa sợ vừa hăng như đánh lộn vậy hờ bác?
- Cũng giống giống vậy.
- Bác có bị B52 không?
- Bị hoài.
- Bác có bị thương lần nào không vậy bác?
- Không.

Nó như giật mình, hơi chồm lên:

- Sao bác giỏi vậy bác?

Ba nó tộp một hóp rượu, phạt tay:

- Mày phải bắt chước bác Năm chớ đừng bắt chước thằng cha mày nghe chưa? Nè anh Năm, trong gia đình hay trong dòng họ, có một người để cho con cháu noi gương là quý rồi, không thể chia đều cho mọi đứa mọi thằng, thằng nào cũng ngon. Nghiêm, mày nghe tao nói chưa!

Nhìn thằng Nghiêm, tôi chợt nhớ năm tôi mười ba, mười bốn. Khi tôi nghe chuyện giữa cha tôi và người bạn của ông, một nhà trí thức yêu nước, tôi khao khát được như ông, và ông đã thắp lên trong tôi một ngọn lửa ước mơ.

*

* *

Đội quân cà rem cây của nó chỉ "hùng mạnh" được vài tháng. Anh bộ đội không ăn cà rem nữa. Cà rem cây ngày càng ế. Ở lại đất Sài Gòn sống không nổi, trong phong trào đi kinh tế mới, nó kéo cả nhà trở về quê làm ruộng, làm mướn sống qua ngày.

Về quê, gặp lại nó tôi tưởng là ai, nhận không ra. Mặt mày lằng lể. Không

còn một cọng râu, một cọng ria.

- Lạ lắm sao mà nhìn?

- Cạo râu hồi nào vậy?

- Không cạo không được, anh Năm. Người ta nói, chó mà thua thì chó cụp đuôi, người thua thì người xụi râu, còn tôi thì tôi trụi râu. Chánh quyền ở đây người ta không ưa thằng có râu. Nói đến tên tôi người ta gọi là thằng ngụy râu, đã ngụy còn râu nữa.

Thằng Nghiêm, cũng thằng Nghiêm chen vào:

- Hồi ba con mới cạo râu, thấy cái mặt của ông như cái bánh bao, tụi con cứ ôm bụng mà cười, cười lăn lóc, cười chảy ra nước mắt.

- Bây giờ sống ra sao? Tôi hỏi.

- Ngày mới về vất vả lắm anh. Bây giờ thì khá rồi, trước nhứt là hũ gạo lúc nào cũng đầy.

- Trúng mùa?

- Lúa thì thất nhưng lại trúng cái khác. Con nhà thợ bạc, lúa với hành còn lẫn lộn, trúng sao được. Cuối cùng là nhờ cái nghề.

Nó kể:

- Về được vài tháng, em để ý thấy làng mình nhà nào cũng tìm ảnh Cụ Hồ để trưng để thờ.

- Ảnh Cụ Hồ mà người ta mua đều là ảnh giấy, duy nhứt chỉ có một người không biết tìm đâu ra một tấm ảnh dẹt, người nào cũng trầm trồ. Em cũng mua một tấm ảnh. Em ngồi nhìn Cụ, em nhìn hoài, nhìn hoài rồi em bỗng nảy ra ý nghĩ, sao mình không khắc hình Cụ vào gỗ. Bàn tay chạm vàng chuyển qua khắc gỗ thì khó gì. Vậy là em bào một miếng gỗ mít, cái đầu tiên em dán ảnh vào mặt gỗ rồi theo đường nét có sẵn mà khắc. Nói cho anh biết, bây giờ thì em thuộc lòng. Tranh khắc gỗ đầu tiên em tặng cho Ủy ban để lấy uy tín. Mấy ông chánh quyền xúm lại xem, người nào cũng trầm trồ.

Không ai biết mặt Cụ Hồ mà người nào cũng khen giống. Lại còn khen ảnh của em giống hơn ảnh của người khác nữa chứ. "Mấy ảnh khác thấy cụ mập quá. Ảnh này cụ vừa rắn rỏi, vừa khắc khổ, vừa nghị lực lại anh minh".

Tranh khắc gỗ Cụ Hồ của em được trưng trong trụ sở Ủy ban. Em bắt đầu có uy. Tiếng lành đồn xa, người ta đến đặt. Giá cả phải chăng, tất nhiên là phải mắc hơn hình giấy. Nghề chạm của em bây giờ nguyên liệu không phải là vàng mà gỗ mít - Gỗ mít mỗi ngày mỗi cạn, nhưng không thất nghiệp, người ta mang gỗ đến cho mình. Bây giờ, đâu đâu nhà nào cũng có tranh khắc gỗ hình Cụ Hồ của em trên trang thờ.

Sạch nhẵn râu nhưng nó vẫn còn thói quen nhếch mép, đưa tay sờ mép, sờ cằm.

Vừa lúc đó có một anh chàng say bước vào. Say mà bên vai lại đeo súng.

Thằng Bảy quẹo tôi, rỉ nhỏ:

- Ông xã đội phó. Trước có đi du kích vài ngày. Quậy lắm. Quậy cái bộ râu của tôi, tôi phải cạo, bây giờ quậy gì nữa đây. Anh cứ ngồi đây, anh xem.

Tay say bước tới cửa, ngả ngả nghiêng nghiêng, mặt đỏ lừ, không chào ai, đưa tay chỉ vào mặt thằng em tôi:

- Ê này, chú Bảy. Sau này tôi thấy tranh khắc gỗ Cụ Hồ của chú bán nhiều lắm đó. Nói cho chú biết, Cụ Hồ là cha già dân tộc, là thánh nhân. Không phải để cho chú... Tôi chưa nói hết, muốn nói phải giờ tay xin nói đảng hoàng. Nói cho chú biết, tôi đang viết thơ lên Trung ương, nghe nói có một tỉnh nào đó, làm tượng Cụ Hồ đưa tay chào... Anh chàng đã quá say, vừa ngả nghiêng, vừa đưa tay phạt và hét: Không được ! Cụ Hồ không phải thằng nào đi ngang Cụ cũng chào. Lại còn làm con tem dán bao thơ. Không được. Cụ Hồ không đi thơ. Không được! Thơ viết tâm bấy tâm bạ, tụi trai gái viết thơ tình, Cụ cũng đi thơ cho nó à? Không được nghe chưa? Hử?

Thằng em tôi khúm núm:

- Thừa chú xã đội, tôi có dám đâu, chẳng qua tôi đưa Cụ đến nhà bà con, bà con trả công cho tôi thôi.

- Vậy thì được, nhưng sao chú không đưa đến nhà tôi?

- Dạ, tôi cũng vừa xong một bức, tôi xin biếu cho chú.

Thằng em tôi vào nhà bung bức tranh khắc gỗ to cỡ 4x6 tác dâng lên anh say. Anh chàng say bung bức tranh, bỗng chỉ tay vào mặt tôi:

- Ai vậy?

- Dạ, anh Năm tôi ở Sài Gòn mới về.

- Vậy sao? Chú Năm hả.

Lạ lùng sao, nói đến tôi, con ma rệu như biến mất, anh ta tỉnh ngay. Như là nãy giờ anh ta giả say vậy. Cái mặt lừ đừ - hai con mắt lại sáng lên:

- Thừa chú Năm mới về.

- Chú ngồi chơi xơi nước.

- Dạ, được chú Năm. Chú về sao chú không báo xã đội biết. Báo để cháu bố trí người đi bảo vệ. Nè chú Bảy, thằng Nghiêm nữa, thằng Nghiêm đâu?

- Dạ, có cháu.

- Nhớ bảo vệ chú Năm mà nghe chưa. Thừa chú Năm, cháu về.

- Nè, chú Bảy. Tôi biết chú có đi lính ngụy, biết chú chỉ là lính chụp hình, không phải ác ôn. Lâu lâu tôi quây cho vui vậy thôi. Chú yên tâm.

- Chờ chú say đi rồi thằng Nghiêm hỏi:

- Bác Năm, bác thấy ông xã đội đó sao?

- Cháu thấy sao?

- Vừa dễ ghét, vừa dễ thương.

Tôi cười. Thằng em tôi thì lắc đầu.

*

* *

Hai năm sau tôi nhận được thư thằng cháu Nghiêm, thư viết rõ ràng không

ngờ:

"... ở thành phố, chắc bác có nghe tin tụi Pôn Pốt đã đánh qua biên giới.

Trong làng, mít tinh kêu gọi tòng quân. Con chưa đúng tuổi, mới mười bảy lớn hơn bác ba tuổi lúc bác đi bộ đội. Con nộp đơn tình nguyện. Con muốn đi vì ba lẽ:

- Một bảo vệ biên cương.

- Hai để trong làng không còn ai gọi con là thằng con lính ngự nữa, để lúc trở về làng, mấy thằng nhỏ gọi mình là anh bộ đội cho sướng. Ông xã đội say phải ngán.

- Ba là noi gương bác.

Ba con đồng ý. Má con khóc nhưng cho tiền con đi đường..."

Những năm sau này tôi ít về quê, nhưng vẫn nghe tin. Tôi được biết thêm trong các cuộc mít tinh kêu gọi tòng quân, thằng cháu Nguyễn Văn Nghiêm luôn được nêu gương sáng.

Rồi lại nghe thằng cháu trở thành lính lái xe tăng. Đời sống của thằng em bắt đầu ổn định. "...Em đã trở lại nghề thợ chạm. Trước ăn mạt cưa với dăm bào, bây giờ thì ăn bụi nhưng là bụi vàng. Đã lợp lại nhà. Tụi nhỏ bắt đầu đi học. Thằng Nghiêm thỉnh thoảng viết thư về, khoe hết trận này đến trận khác..."

Lòng tôi đỡ bứt rứt.

Sau ngày đánh tan bọn Pôn Pốt, thằng cháu Nghiêm trở về với cấp bậc trung úy. Ủy ban xã tổ chức mít tinh cho dân làng nghe nó báo cáo chiến công.

Nó gọn gàng trong quân phục, da dẻ hồng hào, đeo lon một gạch hai sao.

Chẳng biết nó giống ai mà miệng nói cứ dẻo quẹo, chắc là đã quen miệng rao bán cà rem, nó nói vừa hùng hồn, vừa lưu loát. Qua lời nó kể, người làng hình dung từng đoàn xe tăng ầm ầm vượt suối băng rừng. Nghe như vang lên cả tiếng nhạc hùng tráng như cảnh trong phim. Người nghe cứ hùng hực, cứ sôi lên tưởng như mình cũng là người lính đang lao lên trong tiếng súng...

Một hôm, tôi lại về quê. Đến nhà, thằng Bảy đi vắng. Nghe nói nó được Ủy ban mời đi dự lễ kỷ niệm ngày thành lập quân đội với tư cách là cha của trung úy xe tăng. Tôi đến chỗ mít tinh tìm nó, người ta chỉ:

- Ông ngồi trên hàng Chủ tịch đoàn đó.

- Sao tôi không thấy.

- Đó đó, ông để râu đó.

- A, đúng là nó. Nó lại để râu để ria, cái bộ ria củ ấu. Ngồi trên hàng ghế cao. Nó ngược mặt, vênh râu.

30/11/1993